

Phòng thi: 01-101 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400001	170435	Trần Thị Minh Anh	04/04/1999		ĐHNN			
2	400002	14040236	Vũ Thị Hạnh	30/10/1996		ĐHNN			
3	400003	14040469	Nguyễn Thu Nhật Linh	05.11.1996		ĐHNN			
4	400004	14040515	Đỗ Thị Sao Mai	30/05/1996		ĐHNN			
5	400005	14040658	Bùi Thị Phương	04/05/1996		ĐHNN			
6	400006	14040816	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/10/1996		ĐHNN			
7	400007	14040852	Lê Minh Trang	03/06/1996		ĐHNN			
8	400008	14041025	Phùng Thị Lan Anh	23/02/1996		ĐHNN			
9	400009	14041037	Hồ Trọng Linh	03/07/1996		ĐHNN			
10	400010	14041049	Đỗ Mai Phương	31/08/1996		ĐHNN			
11	400011	14041051	Lê Thị Thanh Thảo	25/12/1996		ĐHNN			
12	400012	14041054	Nguyễn Thủy Tiên	06.07.1996		ĐHNN			
13	400013	14041191	Hoàng Thị Minh	16/12/1996		ĐHNN			
14	400014	14041292	Đoàn Minh Phương	26/06/1996		ĐHNN			
15	400015	14070991	Trần Thị Sen	09/03/1999		ĐHNN			
16	400016	14071088	Đường Bùi Hồng Nhung	15/06/1999		ĐHNN			
17	400017	15040026	Nguyễn Hà Linh	28.09.1997		ĐHNN			
18	400018	15040073	VŨ THANH VÂN	14/07/1996		ĐHNN			
19	400019	15040106	Nguyễn Khánh Linh	04.03.1997		ĐHNN			
20	400020	15040121	Phạm Ngọc Hân	27.06.1997		ĐHNN			
21	400021	15040153	Đặng Thuỳ Linh	15/12/2017		ĐHNN			
22	400022	15040340	Chu Thị Quỳnh Mai	01.10.1997		ĐHNN			
23	400023	15040347	Nguyễn Hương Ly	22/02/1997		ĐHNN			
24	400024	15040406	Phùng Tú Linh	04.11.1997		ĐHNN			
25	400025	15040450	Tạ Thị Hoàng Yến	10/02/1997		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 02-102 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400026	15040468	Tổng Thị Phương Thanh	10/09/1997		ĐHNN			
2	400027	15040600	Trần Tô Uyên	11/12/1997		ĐHNN			
3	400028	15040715	Lê Hà Trang	10.07.1997		ĐHNN			
4	400029	15040901	TRẦN ĐỨC NGUYỄN	03/12/1997		ĐHNN			
5	400030	15040928	Vũ Hoàng Duy	26/07/1997		ĐHNN			
6	400031	15040931	Bùi Thị Minh An	17/10/1997		ĐHNN			
7	400032	15041015	Lã Thanh Nga	03/04/1997		ĐHNN			
8	400033	15041427	Nguyễn Ngọc Lê An	28/12/1997		ĐHNN			
9	400034	15041455	Chu Thị Oanh	06/03/1996		ĐHNN			
10	400035	15041458	Nguyễn Thị Thu Trang	22/09/1997		ĐHNN			
11	400036	15041666	Chu Thị Hương Ly	22/05/1997		ĐHNN			
12	400037	15041677	Trịnh Phương Trà Linh	11/07/1997		ĐHNN			
13	400038	15041710	Nguyễn Thế Anh	08.09.1997		ĐHNN			
14	400039	15041793	Đoàn Thị Trà	28.03.1997		ĐHNN			
15	400040	15041803	Đào Hương Hồng	11/07/1997		ĐHNN			
16	400041	15042141	Trần Nhật Quang	11/10/1997		ĐHNN			
17	400042	15042203	Vũ Hoàng Anh	06.11.1997		ĐHNN			
18	400043	15042403	Phạm Minh Phương	05/06/1997		ĐHNN			
19	400044	15042412	Hứa Thị Phương Liên	15/05/1997		ĐHNN			
20	400045	15042468	VŨ THỊ THU THẢO	19/07/1997		ĐHNN			
21	400046	15042757	Đặng Thị Ngọc Anh	12/12/1997		ĐHNN			
22	400047	15042796	Phan Thùy Linh	05.10.1997		ĐHNN			
23	400048	15043244	Nguyễn Minh Hoàng	20/04/1997		ĐHNN			
24	400049	15043281	Trần Thị Thúy Quỳnh	09/03/1997		ĐHNN			
25	400050	15043343	Phạm Thị Linh	08.02.1997		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 03-103 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400051	15043369	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/01/1997		ĐHNN			
2	400052	15043370	Lê Minh Nguyệt	01/01/1997		ĐHNN			
3	400053	15043371	Phan Hoài Linh	09.07.1997		ĐHNN			
4	400054	15043666	Hoàng Châm Anh	13/11/1996		ĐHNN			
5	400055	15043686	Phạm Khánh Linh	04.11.1997		ĐHNN			
6	400056	15043691	Phạm Phương Mai	29/09/1996		ĐHNN			
7	400057	15043733	Vũ Vân Anh	09.05.1995		ĐHNN			
8	400058	15043889	Hoàng Đức Anh	04/03/1997		ĐHNN			
9	400059	15043905	Phạm Tú Anh	27/12/1997		ĐHNN			
10	400060	15044055	đặng phương anh	21/10/1997		ĐHNN			
11	400061	15044090	Tạ Thị Quỳnh	16.07.1997		ĐHNN			
12	400062	15044190	Đào Thị Dịu	27.12.1997		ĐHNN			
13	400063	15044413	Dương Vân Anh	24/11/1997		ĐHNN			
14	400064	15044460	KIỀU MAI ANH	13/03/1997		ĐHNN			
15	400065	15044553	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/03/1997		ĐHNN			
16	400066	15044645	Nguyễn Thị Hải Yên	07/10/1998		ĐHNN			
17	400067	15044669	Chung Thị Thu Phương	15/10/1997		ĐHNN			
18	400068	15044735	Nguyễn Thị Phương Hạnh	27/07/1995		ĐHNN			
19	400069	15044817	Lương Nguyễn Ngọc Lê	24.10.1997		ĐHNN			
20	400070	15044840	Trần Phương Anh	26.01.1997		ĐHNN			
21	400071	15044865	Nguyễn Minh Ngân	28.10.1997		ĐHNN			
22	400072	15044867	Kiều Thị Thu Huyền	19.12.1997		ĐHNN			
23	400073	15044876	Vũ Hoàng Hòa	04.10.1997		ĐHNN			
24	400074	15044912	Phạm Thị Hồng	16/08/1997		ĐHNN			
25	400075	15045013	Lê Đức Trung	03/09/1997		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 04-201 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400076	15046146	Phạm Thị Hồng Vân	20.03.1997		ĐHNN			
2	400077	15050628	Nguyễn Thị Minh Thủy	11.10.1997		ĐHNN			
3	400078	15401170	Trình Thị Ngọc Quỳnh	30/12/1997		ĐHNN			
4	400079	16040839	Thân Phương Anh	03/08/1998		ĐHNN			
5	400080	16040842	Nguyễn Mỹ Anh	20.02.1998		ĐHNN			
6	400081	16040843	Đoàn Mai Anh	15/08/1998		ĐHNN			
7	400082	16040850	Nguyễn Thị Linh Chi	25/05/1998		ĐHNN			
8	400083	16040872	Đinh Ngọc Minh Hằng	16/03/1998		ĐHNN			
9	400084	16040876	Nguyễn Hồng Hạnh	06/04/1998		ĐHNN			
10	400085	16040905	Nguyễn Thùy Linh	09/03/1998		ĐHNN			
11	400086	16040913	Trần Thanh Mai	24.07.1998		ĐHNN			
12	400087	16040920	Nguyễn Thảo My	29/04/1998		ĐHNN			
13	400088	16040935	Nguyễn Thị Ý Nhi	01/07/1998		ĐHNN			
14	400089	16040953	Vũ Thanh Tâm	11.11.1998		ĐHNN			
15	400090	16040959	Đỗ Thị Phương Thảo	19/08/1998		ĐHNN			
16	400091	16040974	Lê Ngọc Thủy Tiên	12/06/1998		ĐHNN			
17	400092	16041026	Nguyễn Thị Thu Thảo	22/07/1998		ĐHNN			
18	400093	16041027	Đặng Huyền Thư	30/11/1998		ĐHNN			
19	400094	16041038	PHẠM DIỆU LINH	19/05/1998		ĐHNN			
20	400095	16041140	Phạm Hoàng Kim	10/01/1998		ĐHNN			
21	400096	16041147	Trần Thị Tuyết Nga	04/06/1998		ĐHNN			
22	400097	16041177	Đinh Thị Việt Chinh	13.07.1997		ĐHNN			
23	400098	16041213	Hán Đức Sơn	20/04/1998		ĐHNN			
24	400099	16041222	Nguyễn Thị Thu Trang	02/09/1998		ĐHNN			
25	400100	16041267	Ngô Thị Tâm	01.05.1998		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 05-202 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400101	16041278	Nguyễn Thị Trang	15/04/1997		ĐHNN			
2	400102	16041398	Dương Thảo Phương	26.07.1998		ĐHNN			
3	400103	16041419	Trần Thị Thu Hằng	23/01/1998		ĐHNN			
4	400104	16041436	Phùng Bảo Như	26/09/1998		ĐHNN			
5	400105	16041483	Phạm Ngọc Minh Trang	05/06/1998		ĐHNN			
6	400106	16041521	Vũ Ngọc Yến Nhi	07/10/2017		ĐHNN			
7	400107	16041537	Mạc Hoàng Yến	16/10/1998		ĐHNN			
8	400108	16041616	Đinh Thị Nhung	26.09.1997		ĐHNN			
9	400109	16041630	Trần Bá Vinh	30/07/1998		ĐHNN			
10	400110	16041651	Phạm Ngọc Bảo Khanh	08/03/1998		ĐHNN			
11	400111	16041736	Hoàng Thanh Xuân	18/04/1998		ĐHNN			
12	400112	16041758	Nguyễn Ngọc Ánh	23/11/1998		ĐHNN			
13	400113	16041770	Nguyễn Lê Hồng Dương	15/11/2017		ĐHNN			
14	400114	16041811	Đào Thị Khánh Linh	18/08/1998		ĐHNN			
15	400115	16041836	Lương Tuyết Ngân	03/08/1997		ĐHNN			
16	400116	16041847	Đặng Thiện Như	26.12.1998		ĐHNN			
17	400117	16041868	Nguyễn Phương Thảo	23.03.1998		ĐHNN			
18	400118	16042000	Lại Minh Tú	23.04.1998		ĐHNN			
19	400119	16042436	Trần Thảo Vi	24.09.1998		ĐHNN			
20	400120	16042467	Trần Thị Minh Thúy	15.02.1998		ĐHNN			
21	400121	16042498	Hoàng Thị Hiền Trang	30/08/1998		ĐHNN			
22	400122	16042527	Trần Thị Thu Thủy	23/10/1997		ĐHNN			
23	400123	16042666	Hà Thị Tuyết Dương	10/12/1998		ĐHNN			
24	400124	16042715	Trần Thùy Dương	12/03/1999		ĐHNN			
25	400125	16042770	Trần Thị Vinh	21/08/1998		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 06-203 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400126	16042774	Nguyễn Thị Hoàng Yến	06.09.1998		ĐHNN			
2	400127	16042791	Nguyễn Thanh Thùy	29.06.1998		ĐHNN			
3	400128	16042796	Phạm Thị Hồng Nhung	12.11.1998		ĐHNN			
4	400129	17040217	Nguyễn Thị Hiền	10/06/1999		ĐHNN			
5	400130	17040218	Vương Thị Thanh Huyền	11/12/1999		ĐHNN			
6	400131	17040219	Dương Thị Giang	25/12/1997		ĐHNN			
7	400132	17040222	Nguyễn Thu Vân	28/07/1998		ĐHNN			
8	400133	17040226	Vũ thị lan	07/08/1999		ĐHNN			
9	400134	17040227	Trần Phương Mai	23/11/0003		ĐHNN			
10	400135	17040228	Phạm Thị Thanh Quỳnh	08/05/1999		ĐHNN			
11	400136	17040230	Trịnh Thị Hà Trang	31.12.1998		ĐHNN			
12	400137	17040231	Lê Thị Kiều Linh	25/11/1998		ĐHNN			
13	400138	17040233	Nguyễn Khánh Linh	29/10/1999		ĐHNN			
14	400139	17040236	Phó Nguyễn Khánh Huyền	22/04/2017		ĐHNN			
15	400140	17040238	Tuấn Thúy Hạnh	25.01.1999		ĐHNN			
16	400141	17040239	Nguyễn Thị Khánh Vy	08/11/1999		ĐHNN			
17	400142	17040240	Trần Thiên Thảo	31/10/1999		ĐHNN			
18	400143	17040241	Phan Đăng Nam	14/06/1999		ĐHNN			
19	400144	17040242	Giang Thu Trang	07.06.1999		ĐHNN			
20	400145	17040243	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	26/09/2017		ĐHNN			
21	400146	17040244	Bùi Thu Hồng	18/02/1999		ĐHNN			
22	400147	17040245	Nguyễn Thị Đức	09/12/1999		ĐHNN			
23	400148	17040246	Nguyễn Ánh Hà	10/12/1999		ĐHNN			
24	400149	17040247	Lục Bích Hằng	06/08/1999		ĐHNN			
25	400150	17040249	Vũ Thị Giang	13/09/1998		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 07-204 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400151	17040250	Đoàn Nhật Minh	03.12.1997		ĐHNN			
2	400152	17040253	Nguyễn Thị Đan Linh	30.07.1999		ĐHNN			
3	400153	17040254	Nguyễn thị minh nguyệt	30/04/2017		ĐHNN			
4	400154	17040255	Nguyễn Việt Dũng	04/05/1998		ĐHNN			
5	400155	17040256	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	18/03/1999		ĐHNN			
6	400156	17040257	Lê Ngọc Anh	16/08/1999		ĐHNN			
7	400157	17040258	Nguyễn Lê Thuý Tiên	16/11/1999		ĐHNN			
8	400158	17040259	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28.12.1999		ĐHNN			
9	400159	17040260	Vũ Thị Ngân	19/11/1999		ĐHNN			
10	400160	17040261	Nguyễn Hồng Hạnh	10/08/1999		ĐHNN			
11	400161	17040262	Đỗ Trà My	01.07.1999		ĐHNN			
12	400162	17040263	Đặng Quốc Trung	23/07/1999		ĐHNN			
13	400163	17040265	Huỳnh Thị Kim Ngân	27/04/1996		ĐHNN			
14	400164	17040266	Nguyễn Bích Ngọc	11/07/1999		ĐHNN			
15	400165	17040267	Nguyễn Thị Lê Hiếu	14.06.1999		ĐHNN			
16	400166	17040269	ĐÀO KHÁNH LY	18/12/1999		ĐHNN			
17	400167	17040270	Nguyễn Thị Tích	05/11/1999		ĐHNN			
18	400168	17040271	Nguyễn Phương Châm	29/08/1999		ĐHNN			
19	400169	17040272	phùng thị kim ly	10/12/2017		ĐHNN			
20	400170	17040273	Vương Thị Sen	11/07/1999		ĐHNN			
21	400171	17040274	Nguyễn Phương Anh	31/10/1999		ĐHNN			
22	400172	17040275	Hoàng Thị Hải Yến	17/03/1999		ĐHNN			
23	400173	17040276	Nguyễn Thị Lan Anh	23/09/1997		ĐHNN			
24	400174	17040277	Đình Ngọc Huyền	18/12/1999		ĐHNN			
25	400175	17040280	Nguyễn Hải Ly	17/12/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 08-205 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400176	17040281	Trắng Thị Bền	14/08/2017		ĐHNN			
2	400177	17040283	Nguyễn Ngọc Diệp	22/09/1999		ĐHNN			
3	400178	17040284	LỤC THỊ HƯỜNG	16/12/1999		ĐHNN			
4	400179	17040285	Phạm thi ninh kieu	05/11/2017		ĐHNN			
5	400180	17040286	Trần Thị Hải Anh	19/11/1999		ĐHNN			
6	400181	17040287	Mai Thu Thủy	13/08/1999		ĐHNN			
7	400182	17040288	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/08/1999		ĐHNN			
8	400183	17040289	hoàng thị chung	12/10/2017		ĐHNN			
9	400184	17040291	Tiết Minh Hạnh	17.12.1999		ĐHNN			
10	400185	17040293	Nguyễn Thị Ngọc Trang	31/10/1999		ĐHNN			
11	400186	17040297	Nguyễn Hà Linh	02/09/1999		ĐHNN			
12	400187	17040298	Trần Bảo Trân	26.10.1999		ĐHNN			
13	400188	17040299	Lê Nguyễn Hồng Hạnh	05/05/1999		ĐHNN			
14	400189	17040302	Trịnh Thị Kim Ngân	06/06/1999		ĐHNN			
15	400190	17040303	Lê Anh Tú	06/12/1999		ĐHNN			
16	400191	17040304	Nguyễn Thị Ngọc Bích	09/01/1999		ĐHNN			
17	400192	17040305	Cần Thị Phương Dung	24/08/1999		ĐHNN			
18	400193	17040306	NGUYỄN HỒNG HẠNH	22/08/1999		ĐHNN			
19	400194	17040307	Lưu Khánh Huyền	17/06/1999		ĐHNN			
20	400195	17040308	Trần Minh Ngọc	22/12/1998		ĐHNN			
21	400196	17040309	Nguyễn Thị Oanh	23/09/1997		ĐHNN			
22	400197	17040310	Ngô Vũ Cẩm Hà	13/09/1999		ĐHNN			
23	400198	17040311	Đỗ Bích Phượng	24/02/2017		ĐHNN			
24	400199	17040312	Phạm Thị Phương	16.09.1999		ĐHNN			
25	400200	17040313	Vũ Thị Thu Ngọc	01/07/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 09-206 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400201	17040314	Hoàng Thị Linh	20/06/1999		ĐHNN			
2	400202	17040315	Trần Phương Ly	10/04/1999		ĐHNN			
3	400203	17040316	Nguyễn Thị Thu	26/10/1998		ĐHNN			
4	400204	17040318	Nguyễn Thúy Hòa	01/01/1999		ĐHNN			
5	400205	17040319	Bùi Thị Nga	19/09/1999		ĐHNN			
6	400206	17040320	Tổng Thị Huyền	23/02/1999		ĐHNN			
7	400207	17040321	Nguyễn thị giang	23/07/1999		ĐHNN			
8	400208	17040322	Nguyễn Hải Vân Anh	25.08.1999		ĐHNN			
9	400209	17040323	Trần Ngọc Quỳnh Châu	08/02/1999		ĐHNN			
10	400210	17040324	Ngô Xuân Thắng	10.10.1999		ĐHNN			
11	400211	17040325	HOÀNG HƯƠNG GIANG	08/05/1999		ĐHNN			
12	400212	17040326	Lê Thị Hồng Nhung	25/10/1999		ĐHNN			
13	400213	17040327	Nguyễn Diễm Ngọc	15/07/1999		ĐHNN			
14	400214	17040328	Phùng Thị Hương Giang	17/11/1999		ĐHNN			
15	400215	17040329	Bùi Thị Bích Vân	19/09/1999		ĐHNN			
16	400216	17040331	Khuất Thị Nguyệt	16/01/1998		ĐHNN			
17	400217	17040332	Trương Phương Diệp	03/07/1999		ĐHNN			
18	400218	17040333	Nguyễn Thị Nhật Linh	29/03/1999		ĐHNN			
19	400219	17040334	Đông Thị Bích Ngọc	06/12/2017		ĐHNN			
20	400220	17040335	Nguyễn Thuý Hiền	19/11/1999		ĐHNN			
21	400221	17040336	Vũ Thu Thảo	11.11.1999		ĐHNN			
22	400222	17040337	Nguyễn Thanh Thủy	22/10/1999		ĐHNN			
23	400223	17040339	Vũ Thị Hà Trang	30/04/1999		ĐHNN			
24	400224	17040340	NguyễnX Thị Hương Lan	21/08/1999		ĐHNN			
25	400225	17040341	Nguyễn Thị Luyến	11/02/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 10-207 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400226	17040342	nguyễn trang my	03/12/1999		ĐHNN			
2	400227	17040343	Nguyễn Thị Mai	12/07/1999		ĐHNN			
3	400228	17040344	Hoàng Thị Hải	20/09/1999		ĐHNN			
4	400229	17040345	Vũ Mai Phương	15/11/1999		ĐHNN			
5	400230	17040346	Đỗ Thị Thanh Bình	21/11/1999		ĐHNN			
6	400231	17040347	Trần Thị Thu Uyên	21/07/1999		ĐHNN			
7	400232	17040348	Nguyễn Thị Ngọc Mai	22.04.1998		ĐHNN			
8	400233	17040349	Từ Thị Thúy An	02/04/1999		ĐHNN			
9	400234	17040693	Trần Thị Thùy Linh	07/04/1999		ĐHNN			
10	400235	17040700	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/08/1999		ĐHNN			
11	400236	17040702	Nguyễn Phi Thu Trang	09/03/1999		ĐHNN			
12	400237	17040703	Đỗ Ngọc Sơn	10.02.1999		ĐHNN			
13	400238	17040705	Lê Thị Bích Hồng	27/09/1999		ĐHNN			
14	400239	17040707	Khuất Thị Mai	27/10/1998		ĐHNN			
15	400240	17040712	Nguyễn Vũ Mai Quyên	09/11/1999		ĐHNN			
16	400241	17040718	Đào Mai Linh	23/10/1999		ĐHNN			
17	400242	17040719	Phạm Ngọc Linh	20/09/1999		ĐHNN			
18	400243	17040720	Phạm Thị Thu Trang	11/02/1999		ĐHNN			
19	400244	17040722	Nguyễn Quỳnh Anh	01.10.1999		ĐHNN			
20	400245	17040725	Đỗ Hồng Vân	02.06.1999		ĐHNN			
21	400246	17040726	Dương Thị Linh	28/11/2017		ĐHNN			
22	400247	17040727	Vũ Thị Hương	01/06/1999		ĐHNN			
23	400248	17040730	Lê Thị Phương Thảo	13/08/1999		ĐHNN			
24	400249	17040732	Trần Quốc Đạt	14/03/1999		ĐHNN			
25	400250	17040735	Trần Hoài Linh	24/12/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 11-208 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400251	17040737	Bùi Thị Nguyệt	10/10/1998		ĐHNN			
2	400252	17040739	NGUYỄN THỊ LAN CHINH	30/08/1999		ĐHNN			
3	400253	17040740	Nguyễn Thị Anh	10/12/2017		ĐHNN			
4	400254	17040741	Nguyễn Thị Hà Giang	05/01/1999		ĐHNN			
5	400255	17040743	Lê Thu Hiền	10/10/1999		ĐHNN			
6	400256	17040745	Nguyễn Hương Trà	07/10/1999		ĐHNN			
7	400257	17040746	Nguyễn Thúy Hằng	06/09/1999		ĐHNN			
8	400258	17040747	Trần Thùy Linh	25/08/1999		ĐHNN			
9	400259	17040748	Nguyễn Phương Nga	28/11/1999		ĐHNN			
10	400260	17040749	Nguyễn Hà Trang	16/04/1999		ĐHNN			
11	400261	17040751	Giang Quỳnh Anh	12/11/1999		ĐHNN			
12	400262	17040752	Trần Mai Linh	20/12/1998		ĐHNN			
13	400263	17040753	Lâm Hà Phương	03/07/1999		ĐHNN			
14	400264	17040754	Mai Thu Phương	02/01/1999		ĐHNN			
15	400265	17040755	Trần Minh Phương Anh	02/12/1999		ĐHNN			
16	400266	17040757	Bùi Lan Anh	22.05.1999		ĐHNN			
17	400267	17040759	Đỗ Thị Kỳ Lan	24.05.1999		ĐHNN			
18	400268	17040764	Lương Minh Ngọc	12/11/1999		ĐHNN			
19	400269	17040765	Nguyễn Minh Hoàng Phương	12/01/1999		ĐHNN			
20	400270	17040766	NGUYỄN HOÀI ANH	22/09/1999		ĐHNN			
21	400271	17040768	Nguyễn Hải Yến	16/12/1999		ĐHNN			
22	400272	17040769	Nguyễn Thị Trang Linh	28/09/1999		ĐHNN			
23	400273	17040771	Nguyễn Thị Hồng Oanh	09/11/1999		ĐHNN			
24	400274	17040773	Bùi Vân Anh	27/06/1999		ĐHNN			
25	400275	17040774	Đỗ Ngọc Anh	07.08.1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 12-301 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400276	17040775	Trương Ngọc Anh	22/07/1999		ĐHNN			
2	400277	17040776	Hoa Quốc Trung	08/03/1999		ĐHNN			
3	400278	17040778	Bùi Phạm Khánh Linh	14/06/1999		ĐHNN			
4	400279	17040779	Nguyễn Hoàng Nam	11/04/1999		ĐHNN			
5	400280	17040780	Dương Ngọc Anh	04/12/1999		ĐHNN			
6	400281	17040781	Nguyễn Thị Thương	26/08/1999		ĐHNN			
7	400282	17040782	Lê Trọng Duy	08.01.1999		ĐHNN			
8	400283	17040783	Nguyễn Thị Hiên	24.03.1999		ĐHNN			
9	400284	17040784	Nguyễn Thị Thế Tâm	27.06.1999		ĐHNN			
10	400285	17040785	Phan Thị Thu Trang	14/09/1999		ĐHNN			
11	400286	17040786	Vũ Thị Như Quỳnh	14/05/1999		ĐHNN			
12	400287	17040787	Nguyễn Hà Trang	14/10/1999		ĐHNN			
13	400288	17040788	Nguyễn Thị Liễu	01/08/1999		ĐHNN			
14	400289	17040789	Đặng Huyền Thư	05/08/1999		ĐHNN			
15	400290	17040790	ĐỖ THỊ NGỌC DUYÊN	09/04/1997		ĐHNN			
16	400291	17040791	Lê Minh Hằng	20/06/1998		ĐHNN			
17	400292	17040794	Vũ Minh Phương	07/09/1999		ĐHNN			
18	400293	17040795	Tạ Hữu Trung Quý	12/04/1999		ĐHNN			
19	400294	17040801	Nguyễn Quế Linh	30/05/2017		ĐHNN			
20	400295	17040802	Tô Thùy Linh	03/08/1999		ĐHNN			
21	400296	17040803	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	27/10/1999		ĐHNN			
22	400297	17040805	Nguyễn Thị Phương Thảo	13.09.1999		ĐHNN			
23	400298	17040807	Trần Thị Khánh Linh	09/09/1999		ĐHNN			
24	400299	17040808	Nông Hoài Linh	03.11.1999		ĐHNN			
25	400300	17040809	Nguyễn Ánh Hồng	30/10/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 13-302 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400301	17040810	Bùi Thanh Hằng	20/02/1999		ĐHNN			
2	400302	17040811	Nguyễn Thúy Nga	23/09/1999		ĐHNN			
3	400303	17040812	Trịnh Thị Phương Anh	16/12/1999		ĐHNN			
4	400304	17040814	Phạm Hoàng An	13/12/1999		ĐHNN			
5	400305	17040815	Ngo Duc Minh	15/08/2017		ĐHNN			
6	400306	17040816	NGUYỄN THỊ NGA	08/05/1999		ĐHNN			
7	400307	17040817	Đặng Thị Duyên	15/02/1999		ĐHNN			
8	400308	17040818	Ngô Thị Hoa	07/04/2017		ĐHNN			
9	400309	17040819	vũ kim ngân	04/07/1999		ĐHNN			
10	400310	17040821	nguyễn thị ngọc thúy	25/08/2017		ĐHNN			
11	400311	17040822	Trần Thị Vui	02/04/1999		ĐHNN			
12	400312	17040823	Nguyễn Thị Hòa	28/08/1999		ĐHNN			
13	400313	17040824	Ngô Thị Trang	05/07/1999		ĐHNN			
14	400314	17040825	Phạm Thị Hạ Vân	21/06/1999		ĐHNN			
15	400315	17040826	Tăng Thị Huệ	11/01/1999		ĐHNN			
16	400316	17040828	Quản Thị Thu Hằng	23/06/1999		ĐHNN			
17	400317	17040829	Nguyễn Thụy Trà My	03/09/1999		ĐHNN			
18	400318	17040830	Phạm Thị Hải Bình	05/04/1999		ĐHNN			
19	400319	17040831	Trần Khánh Hà	11.04.1999		ĐHNN			
20	400320	17040832	Hoàng Thị Hương	01/05/1999		ĐHNN			
21	400321	17040833	Nguyễn thị huyền trang	06/03/1999		ĐHNN			
22	400322	17040834	Nguyễn Thị Vân Anh	11/11/1998		ĐHNN			
23	400323	17040835	Đinh Ngọc Huyền	07/05/1999		ĐHNN			
24	400324	17040836	Trần Thị Thu Trà	05/12/1998		ĐHNN			
25	400325	17040837	Tran Thanh Nga	01/04/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 14-303 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400326	17040838	Trần Thị Huyền Trang	14/07/1999		ĐHNN			
2	400327	17040839	Vũ Nguyễn Phương Anh	20/11/1999		ĐHNN			
3	400328	17040840	Lê Thị Đoàn Trang	12.11.1999		ĐHNN			
4	400329	17040841	Hoàng Thị Thắm	08.10.1999		ĐHNN			
5	400330	17040845	Tổng Thị Tâm	08/07/1999		ĐHNN			
6	400331	17040846	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11/05/1999		ĐHNN			
7	400332	17040847	Lương Thị Mai Lan	13/09/1999		ĐHNN			
8	400333	17040848	Đỗ Thị Nguyệt	03/12/1999		ĐHNN			
9	400334	17040849	Trần Thị Hải Yến	26.06.1999		ĐHNN			
10	400335	17040850	Đinh Thị Thu Hương	12/12/1999		ĐHNN			
11	400336	17040851	Phạm Thị Ngọc	06/01/1999		ĐHNN			
12	400337	17040854	Phạm Thu Hiền	01/01/1999		ĐHNN			
13	400338	17040855	Nguyễn Thảo Nguyên	10.07.1999		ĐHNN			
14	400339	17040856	Phan Thùy Duyên	10/08/1999		ĐHNN			
15	400340	17040857	Phạm Như Phương	29/11/1999		ĐHNN			
16	400341	17040859	Nguyễn Hà Thương	29/04/1999		ĐHNN			
17	400342	17040863	Nguyễn Võ Nguyệt Minh	10/09/1999		ĐHNN			
18	400343	17040864	Trần Khánh Linh	31/10/1999		ĐHNN			
19	400344	17040865	Nguyễn Thị Xuân Thi	31/01/1999		ĐHNN			
20	400345	17040866	Trần Mai Linh	20/02/1999		ĐHNN			
21	400346	17040868	Phạm Ngọc Hà	21/03/1999		ĐHNN			
22	400347	17040869	Nguyễn Vinh Quang	03/11/1999		ĐHNN			
23	400348	17040872	Cao Thị Huyền	22.08.1999		ĐHNN			
24	400349	17040873	Hoàng Thị Thu Hiền	18/11/1999		ĐHNN			
25	400350	17040874	Ngô Thị Khánh Ly	30/08/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 15-HT3 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400351	17040875	Ngô Thu Trang	12/06/1999		ĐHNN			
2	400352	17040876	Phạm Thị Thiên Trang	13/11/1999		ĐHNN			
3	400353	17040877	Lê Thị Bích	05/11/1999		ĐHNN			
4	400354	17040878	Nguyễn Thị Thu Huệ	23/07/1999		ĐHNN			
5	400355	17040879	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	14.02.1999		ĐHNN			
6	400356	17040881	Nguyễn Quế Phương	07/11/1999		ĐHNN			
7	400357	17040882	Nguyễn Thị Thúy Hà	13.11.1999		ĐHNN			
8	400358	17040883	Nguyễn Thị Hằng	26/05/1999		ĐHNN			
9	400359	17040885	Lý Thị Phương Anh	02/02/1999		ĐHNN			
10	400360	17040886	Lê Thị Thu Trang	24/10/1999		ĐHNN			
11	400361	17040887	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	20/09/1999		ĐHNN			
12	400362	17040888	Nguyễn Phương Anh	05/09/1992		ĐHNN			
13	400363	17040889	Vũ Thị Nhật Minh	16/01/1999		ĐHNN			
14	400364	17040890	Nguyễn Thị Thanh Nhân	06/05/1999		ĐHNN			
15	400365	17040891	Nguyễn Thị Thu Phương	08/10/1999		ĐHNN			
16	400366	17040892	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12/07/1999		ĐHNN			
17	400367	17040894	Trần Thị Mỹ Hạnh	08/05/1999		ĐHNN			
18	400368	17040897	Nguyễn Anh Đức	16/11/2017		ĐHNN			
19	400369	17040902	Thạch Thị Thúy	26/05/1999		ĐHNN			
20	400370	17040905	Dương Thị Huệ	29/11/1999		ĐHNN			
21	400371	17040905	Bùi Mỹ Hạnh	17/02/2017		ĐHNN			
22	400372	17040906	Vũ Phương Lan	30/04/2017		ĐHNN			
23	400373	17040907	Nguyễn Văn Hiếu	03/09/1999		ĐHNN			
24	400374	17040908	Mai Kiều Oanh	13.03.1999		ĐHNN			
25	400375	17040909	Lý Khánh Quỳnh	04/12/1999		ĐHNN			
26	400376	17040910	Lưu Thúy Hà	09/12/1999		ĐHNN			
27	400377	17040911	Nguyễn Minh Hằng	17/03/1999		ĐHNN			
28	400378	17040912	Nguyễn Diễm Hằng	14/10/1999		ĐHNN			
29	400379	17040913	Đào Thị Thanh Huyền	18/11/1999		ĐHNN			
30	400380	17040914	Phạm Thị Thúy Hằng	02/01/1999		ĐHNN			
31	400381	17040915	Phạm Thị Kim Ngân	09/01/1999		ĐHNN			
32	400382	17040916	Vũ Thị Bích Ngọc	05/04/1999		ĐHNN			

33	400383	17040917	Nguyễn Thị Thu Hà	24.10.1999		ĐHNN			
34	400384	17040918	Quản Phương Linh	02/01/1999		ĐHNN			
35	400385	17040919	ĐỒNG THỊ NHƯ QUỲNH	07/10/1999		ĐHNN			
36	400386	17040920	Đinh Trần Khánh Linh	07.08.1999		ĐHNN			
37	400387	17040922	Khuong Thị Hồng Tím	27/10/1999		ĐHNN			
38	400388	17040924	Lương Thị Thu Hà	09/10/1999		ĐHNN			
39	400389	17040925	Phan Thị Thúy Hằng	11/09/1999		ĐHNN			
40	400390	17040926	Lê Thị Kim Thành	20/11/1999		ĐHNN			
41	400391	17040927	Nguyễn Thị Tâm	15/08/1998		ĐHNN			
42	400392	17040929	Trần Thị Mỹ Uyên	04/10/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 16-304 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400393	17040930	Đỗ Thị Hương	07/03/1999		ĐHNN			
2	400394	17040931	ĐINH THỊ HẠNH	23/10/1999		ĐHNN			
3	400395	17040932	Phạm Phương Giang	29/03/1999		ĐHNN			
4	400396	17040933	Lý A Hào	11/09/1999		ĐHNN			
5	400397	17040934	Nông Thị Nhung	27/08/1999		ĐHNN			
6	400398	17040936	Hoàng Thị Ninh	23/08/1999		ĐHNN			
7	400399	17040937	Phạm Thị Quỳnh Thơm	19/11/1999		ĐHNN			
8	400400	17040938	MÃ THỊ TRANG	08/10/1999		ĐHNN			
9	400401	17040939	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/10/1999		ĐHNN			
10	400402	17040940	Chu Thị Thúy Ngân	12/04/1999		ĐHNN			
11	400403	17040941	Đỗ Hữu Độ	16/05/1999		ĐHNN			
12	400404	17040942	Phạm thị Phương	11/06/2014		ĐHNN			
13	400405	17040943	Lương Thu Hòa	17.12.1997		ĐHNN			
14	400406	17040944	Vi Thị Gióng	30/06/1999		ĐHNN			
15	400407	17040945	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	11/03/1999		ĐHNN			
16	400408	17040946	Giáp Thị Minh Yên	27/01/1999		ĐHNN			
17	400409	17040947	La Xương Hà Mi	27/06/1999		ĐHNN			
18	400410	17040948	Hoàng Thị Hương	14/02/1999		ĐHNN			
19	400411	17040949	KIỀU THỊ KIỀU OANH	04/03/1999		ĐHNN			
20	400412	17040950	Nguyễn Thanh Hà	15/05/1999		ĐHNN			
21	400413	17040951	Lưu Thị Phúc	25/12/1999		ĐHNN			
22	400414	17040952	Trần Thị Dung	28.09.1999		ĐHNN			
23	400415	17040953	Dương Minh Anh	12/09/1999		ĐHNN			
24	400416	17040954	Phùng Thị Hiền	29/03/1999		ĐHNN			
25	400417	17040955	Đào Thị Kiều Trang	21/08/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 17-305 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400418	17040956	Phạm Trà Giang	02/04/1999		ĐHNN			
2	400419	17040957	Nguyễn Hương Giang	07/10/2017		ĐHNN			
3	400420	17040958	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/01/1999		ĐHNN			
4	400421	17040959	Phạm Quỳnh Mai	17/04/1999		ĐHNN			
5	400422	17040960	Vũ Ngọc Ánh	02/03/1999		ĐHNN			
6	400423	17040961	Vũ Thị Phương Thảo	04/06/1999		ĐHNN			
7	400424	17040962	Chu Thị Xuân	30/10/1999		ĐHNN			
8	400425	17040963	Nguyễn Thị Thủy	23/10/1999		ĐHNN			
9	400426	17040964	Bùi Thị Thanh Tâm	11/02/1999		ĐHNN			
10	400427	17040965	Nguyễn Thị Thu	18/06/1999		ĐHNN			
11	400428	17040966	Nguyễn Thị Loan	01/03/1999		ĐHNN			
12	400429	17040968	Lê Thị Hồng Nhung	03/12/2017		ĐHNN			
13	400430	17040970	Ngô Thị Thu Trang	18/10/2017		ĐHNN			
14	400431	17040971	Trần Thị Thu Phương	15/01/1999		ĐHNN			
15	400432	17040972	Phạm Thị Thu	03/06/1999		ĐHNN			
16	400433	17040973	Hoàng Thanh Hà	31/10/1999		ĐHNN			
17	400434	17040974	Đặng Thị Thúy Quỳnh	19/05/1999		ĐHNN			
18	400435	17040975	Phạm Thị Bích	12/02/1999		ĐHNN			
19	400436	17040976	Nin Thị Huyền	23/09/1999		ĐHNN			
20	400437	17040977	Nguyễn Phương Linh	03/04/1999		ĐHNN			
21	400438	17040978	Nguyễn Khánh Chi	10/09/1999		ĐHNN			
22	400439	17040979	Phạm Thị Quỳnh	18/12/1999		ĐHNN			
23	400440	17040981	Phạm Thị Thùy Linh	22.04.1999		ĐHNN			
24	400441	17040982	Trịnh Thị Nhũ	07/10/1999		ĐHNN			
25	400442	17040983	Lê Thị Thanh Phương	06/04/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 18-306 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400443	17040984	Hoàng Thị Nhi	04/02/1999		ĐHNN			
2	400444	17040986	Lại Thị Ngọc Ánh	30/11/1999		ĐHNN			
3	400445	17040987	Nguyễn Thị Mơ	12/04/1999		ĐHNN			
4	400446	17040988	Trần Thị Ngọc Mỹ	11/09/1999		ĐHNN			
5	400447	17040989	Doãn Thị Ánh Ngọc	20/01/1999		ĐHNN			
6	400448	17040990	Đỗ Thị Minh Quyên	12/10/1999		ĐHNN			
7	400449	17040992	Trần Thị Thu Hiền	30/03/1999		ĐHNN			
8	400450	17040994	Phạm phương lan	22/06/1998		ĐHNN			
9	400451	17040995	Quách Thu Hằng	31/01/1999		ĐHNN			
10	400452	17040996	Bùi Thị Ánh Tuyết	01/03/1999		ĐHNN			
11	400453	17040997	Đặng Thị Trà My	10/01/1999		ĐHNN			
12	400454	17040998	Nguyễn Thị Thủy	27/09/1999		ĐHNN			
13	400455	17040999	Nguyễn Thị Trang	23/03/1999		ĐHNN			
14	400456	17041000	Đinh Thị Hà	10/09/1999		ĐHNN			
15	400457	17041001	lê thị hà	03/04/1999		ĐHNN			
16	400458	17041002	Trần Thị Liên	04/05/1999		ĐHNN			
17	400459	17041003	Phạm Thị Uyên	07/05/1999		ĐHNN			
18	400460	17041004	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/04/1999		ĐHNN			
19	400461	17041005	Võ Thị Ly	01/12/1999		ĐHNN			
20	400462	17041009	Trần Thị Vân Anh	23/12/1999		ĐHNN			
21	400463	17041010	Võ thị phương	12/08/1999		ĐHNN			
22	400464	17041011	Nguyễn Mai Linh	13/12/1999		ĐHNN			
23	400465	17041014	Nguyễn Thị Minh Hiền	13/04/1999		ĐHNN			
24	400466	17041015	Phuong Quỳnh Anh	07/06/2017		ĐHNN			
25	400467	17041016	Phạm Hiền Linh	31/12/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 19-307 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400468	17041017	Phạm Hà Trang Anh	06.12.1999		ĐHNN			
2	400469	17041018	Nguyễn Minh Anh	11/04/1999		ĐHNN			
3	400470	17041020	Nguyễn Minh Anh	31.05.1999		ĐHNN			
4	400471	17041021	Nguyễn Phương Hà	26/06/1999		ĐHNN			
5	400472	17041025	Nguyễn Quỳnh Anh	2.09.1999		ĐHNN			
6	400473	17041026	Vũ Hồng Hoa	13/06/1999		ĐHNN			
7	400474	17041027	Nguyễn Phương Anh	15/04/1999		ĐHNN			
8	400475	17041028	Vũ Quỳnh Trang	14/02/1999		ĐHNN			
9	400476	17041029	Vũ Nhật Nam	19/1/1999		ĐHNN			
10	400477	17041031	Nguyễn Phương Anh	25/08/1999		ĐHNN			
11	400478	17041032	Bùi Quỳnh Chi	24/09/1999		ĐHNN			
12	400479	17041033	Vương Minh Phương	20/01/1999		ĐHNN			
13	400480	17041034	Nguyễn Thái Bình	01/11/1999		ĐHNN			
14	400481	17041036	Phan Hương Ly	22/06/1999		ĐHNN			
15	400482	17041040	Nguyễn Quang Minh	11.05.1999		ĐHNN			
16	400483	17041042	Nguyễn Hằng Nga	11/04/1999		ĐHNN			
17	400484	17041044	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/02/1999		ĐHNN			
18	400485	17041045	Vũ Thị Thuý Trang	07/03/2017		ĐHNN			
19	400486	17041047	Lưu Thị Ngọc Diệp	01/12/2017		ĐHNN			
20	400487	17041049	Nguyễn Thị Dịu	27/02/1999		ĐHNN			
21	400488	17041050	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	29/07/2017		ĐHNN			
22	400489	17041051	Nguyễn Thị Dung	06/07/1999		ĐHNN			
23	400490	17041053	Đinh Thị Hồng Nhung	04.05.1999		ĐHNN			
24	400491	17041054	Hoàng Mai Phương	26/04/1999		ĐHNN			
25	400492	17041055	Nguyễn Thị Tú Uyên	21.05.1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 20-308 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400493	17041056	Mai Hồng	15/01/1999		ĐHNN			
2	400494	17041058	Phan Thị Trang Nhung	06.11.1999		ĐHNN			
3	400495	17041059	Nguyễn Thị Tố Tâm	09/02/1999		ĐHNN			
4	400496	17041060	ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH	02/03/1999		ĐHNN			
5	400497	17041064	Phạm Hà Giang	27/01/1999		ĐHNN			
6	400498	17041065	Nguyễn Linh Chi	29.10.1999		ĐHNN			
7	400499	17041066	Nguyễn Thương Hiền	27/04/1999		ĐHNN			
8	400500	17041067	Đỗ Quỳnh Anh	28/09/1999		ĐHNN			
9	400501	17041068	Nguyễn Thị Ngọc Mai	28/09/1998		ĐHNN			
10	400502	17041069	Hà Thị Ngọc Linh	22/04/1999		ĐHNN			
11	400503	17041070	Vũ Thị Hồng Anh	16/10/1999		ĐHNN			
12	400504	17041071	Nguyễn Thanh Thương	26/08/1999		ĐHNN			
13	400505	17041072	Nguyễn Quỳnh Trang	09/12/1999		ĐHNN			
14	400506	17041073	Trương Thị Ánh Thơ	10.12.1999		ĐHNN			
15	400507	17041075	Bùi Thị Kim Anh	06/12/2017		ĐHNN			
16	400508	17041077	Thân Văn Thắng	21/06/1999		ĐHNN			
17	400509	17041079	Hà Huệ Chi	21/10/1999		ĐHNN			
18	400510	17041080	Trương Thùy Trang	02/07/1999		ĐHNN			
19	400511	17041081	Nguyễn Thị Sen	22/07/2017		ĐHNN			
20	400512	17041084	Phạm Ngọc Việt Anh	07/12/1999		ĐHNN			
21	400513	17041085	Mai Nguyễn Ngọc Tú	30/04/1999		ĐHNN			
22	400514	17041086	Đinh Thị Phương Loan	10/12/2017		ĐHNN			
23	400515	17041087	Trần Thị Thùy Linh	01/07/1999		ĐHNN			
24	400516	17041089	Đặng Thị Thủy Tiên	30/08/1999		ĐHNN			
25	400517	17041090	Nguyễn Thị Ngọc Hân	14/08/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 21-401 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400518	17041091	Phạm Thị Lan	20/09/1999		ĐHNN			
2	400519	17041092	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/06/1999		ĐHNN			
3	400520	17041093	Vũ Thị Mai Anh	31/07/1999		ĐHNN			
4	400521	17041095	Đỗ Thu Phương	23/09/1999		ĐHNN			
5	400522	17041096	Ngô Thị Phương Thuý	29/07/2017		ĐHNN			
6	400523	17041098	Nguyễn Tú Vân	13.12.1999		ĐHNN			
7	400524	17041099	Phạm Minh Ánh	07/02/1999		ĐHNN			
8	400525	17041100	ĐOÀN THỊ KIM DUNG	19/02/1999		ĐHNN			
9	400526	17041101	Trần Thị Thơm	02/09/1999		ĐHNN			
10	400527	17041102	Trịnh Quang Huy	01.11.1999		ĐHNN			
11	400528	17041104	Vũ Thị Thanh Thủy	08/01/1999		ĐHNN			
12	400529	17041105	Đồng Thị Khánh Huyền	05.11.1999		ĐHNN			
13	400530	17041107	Phạm Thị Thúy Hằng	11/12/1999		ĐHNN			
14	400531	17041108	Đào Việt Thắng	24/03/1999		ĐHNN			
15	400532	17041111	Hà Thị Thu Huyền	23/07/1999		ĐHNN			
16	400533	17041113	Nguyễn Đình Út	19.11.1999		ĐHNN			
17	400534	17041114	Trương Hải Uyên Thi	10/04/1999		ĐHNN			
18	400535	17041115	Hoàng Thị Mai Phương	19.04.1999		ĐHNN			
19	400536	17041118	Lê Duy Đức Long	31/12/1999		ĐHNN			
20	400537	17041121	Phạm Thị Minh Thu	20/08/1999		ĐHNN			
21	400538	17041122	Phạm Thu Hiền	05/02/1999		ĐHNN			
22	400539	17041123	Nguyễn Minh Huyền	27/08/1999		ĐHNN			
23	400540	17041124	Vũ Thu Phương	23/06/1999		ĐHNN			
24	400541	17041125	Lê Thu Trà	16/11/1999		ĐHNN			
25	400542	17041126	Nguyễn Dương Đức Anh	15/05/1999		ĐHNN			
26	400543	17041129	Nguyễn Quang Vinh	03/11/1999		ĐHNN			
27	400544	17041130	Lê Phương Thảo	22/10/1999		ĐHNN			
28	400545	17041132	Đinh Bảo Ngọc	07/09/1999		ĐHNN			
29	400546	17041133	Phạm Minh Thu	12/10/1998		ĐHNN			
30	400547	17041136	Lê Thu Hiền	02/11/1999		ĐHNN			
31	400548	17041137	Vũ Mai Linh	20/01/1999		ĐHNN			
32	400549	17041138	Nguyễn Thị Lan	08/11/1999		ĐHNN			

33	400550	17041139	Nguyễn Thúy Huyền	26.11.1999		ĐHNN			
34	400551	17041140	Đông Hiền Lương	10/10/1999		ĐHNN			
35	400552	17041141	Nguyễn Thị Thu Trang	25/12/1999		ĐHNN			
36	400553	17041142	Chu Ngọc Hương	29/08/1999		ĐHNN			
37	400554	17041143	Nguyễn Thị Phượng	21.07.1999		ĐHNN			
38	400555	17041144	Nguyễn Thị Duyên	05/06/1999		ĐHNN			
39	400556	17041145	Lê Thị Vân	22/10/1999		ĐHNN			
40	400557	17041146	Phùng Thu Huyền	02/07/1999		ĐHNN			
41	400558	17041147	Vũ Thị Bích Phương	27.12.1999		ĐHNN			
42	400559	17041148	Nghiêm Thị Hồng Ngát	11/08/2017		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 22-402 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400560	17041153	Nông Thị Thu Phương	01.10.1999		ĐHNN			
2	400561	17041155	Nguyễn Huyền Mi	31/08/1998		ĐHNN			
3	400562	17041156	Nguyễn Trang Mi	31/08/1999		ĐHNN			
4	400563	17041158	Trần Thu Hà	08/10/1999		ĐHNN			
5	400564	17041159	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	24/12/1999		ĐHNN			
6	400565	17041160	Nguyễn Thị Mai Phương	21/07/1999		ĐHNN			
7	400566	17041161	Nguyễn Thu Thủy	12/12/1998		ĐHNN			
8	400567	17041162	Nguyễn Sao Mai	01/07/1999		ĐHNN			
9	400568	17041163	Trần Thị Hương	05/02/1999		ĐHNN			
10	400569	17041164	Trịnh Thị Thùy Linh	23/04/1999		ĐHNN			
11	400570	17041165	Nguyễn Thị Bích Huyền	18/09/1999		ĐHNN			
12	400571	17041166	Hà Thị Ánh Quyên	24.09.1999		ĐHNN			
13	400572	17041167	Lê Việt Hà	10/04/1999		ĐHNN			
14	400573	17041168	Nguyễn Thu Trang	06/07/1999		ĐHNN			
15	400574	17041171	Bùi Thị Hồng Dương	17/08/1999		ĐHNN			
16	400575	17041172	Phạm Thị Thảo Ly	14/09/1999		ĐHNN			
17	400576	17041173	Trần Thị Bảo Yến	28/05/2017		ĐHNN			
18	400577	17041174	Đỗ Thị Hồng Thắm	25/11/1999		ĐHNN			
19	400578	17041175	Lê Thị Hường	26/04/1999		ĐHNN			
20	400579	17041176	Giáp Thị Minh Hằng	14/04/1999		ĐHNN			
21	400580	17041177	Dương Thị Hải Yến	27/04/1999		ĐHNN			
22	400581	17041178	Triệu Khánh Hạ	06/03/1999		ĐHNN			
23	400582	17041179	Phạm Gia Mỹ	15/12/1999		ĐHNN			
24	400583	17041180	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	20/11/2017		ĐHNN			
25	400584	17041181	Trần Văn Quý	14/01/1997		ĐHNN			
26	400585	17041182	Nguyễn Thị Hồng	21/02/1999		ĐHNN			
27	400586	17041183	Nguyễn Thị Thủy	12/06/1999		ĐHNN			
28	400587	17041185	Nguyễn Thị Nhung	21/10/1999		ĐHNN			
29	400588	17041186	Nguyễn Thị Khánh Vy	03/07/1999		ĐHNN			
30	400589	17041187	Đoàn Thị Thu Phương	08/08/1999		ĐHNN			
31	400590	17041188	Nguyễn Thị Liên	20/10/1999		ĐHNN			
32	400591	17041189	Nguyễn Thuỳ Dung	25/06/1999		ĐHNN			

33	400592	17041190	nguyễn thị hương	15/01/1999		ĐHNN			
34	400593	17041191	Vũ Ngọc Anh	02/03/1999		ĐHNN			
35	400594	17041192	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/05/1999		ĐHNN			
36	400595	17041194	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10/08/1999		ĐHNN			
37	400596	17041195	Đào Thùy Linh	08/10/1999		ĐHNN			
38	400597	17041196	vũ thị nhài	04/02/1999		ĐHNN			
39	400598	17041197	Trần Thị Ngọc Anh	09/10/1999		ĐHNN			
40	400599	17041198	trần thị hoài linh	16/10/1999		ĐHNN			
41	400600	17041199	Trần Thị Thu Hằng	18/12/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 23-403 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400601	17041200	Đoàn Thị Ngọc Ánh	25/03/1999		ĐHNN			
2	400602	17041201	Phạm Thị Phương Diệp	30/04/1999		ĐHNN			
3	400603	17041202	BÙI ÁNH HỒNG	01/08/1999		ĐHNN			
4	400604	17041203	Đinh Thị Hường	14/08/1999		ĐHNN			
5	400605	17041204	Vũ Thị Thanh Lan	11.12.1999		ĐHNN			
6	400606	17041205	Đinh Thị Lộc	24/02/1999		ĐHNN			
7	400607	17041206	Phan Thị Nga	29.09.1999		ĐHNN			
8	400608	17041207	Phạm Thị Bích Trà	03/04/2017		ĐHNN			
9	400609	17041209	Phạm Thị Thu Phương	23/06/1999		ĐHNN			
10	400610	17041210	Nguyễn Hoàng Phương Linh	18/01/1999		ĐHNN			
11	400611	17041211	TRẦN THỊ THU THỦY	06/12/1998		ĐHNN			
12	400612	17041212	Đặng Thị Tinh	04/12/1999		ĐHNN			
13	400613	17041213	Đỗ Thị Phương	30.03.1999		ĐHNN			
14	400614	17041214	Đặng Thị Huệ	10/04/1999		ĐHNN			
15	400615	17041215	Phạm Thị Tuyết Mai	20/03/1999		ĐHNN			
16	400616	17041216	Trịnh Thị Thu Hà	09/02/1999		ĐHNN			
17	400617	17041217	Nguyễn Thị Bích Huệ	17/03/1999		ĐHNN			
18	400618	17041218	Phạm Thị Hồng Lĩnh	11/11/1999		ĐHNN			
19	400619	17041219	Trần Thị Phúc Lộc	02/10/2017		ĐHNN			
20	400620	17041220	Đào Thị Như Quỳnh	14/10/1999		ĐHNN			
21	400621	17041221	Trần Thị Ánh	24/12/1999		ĐHNN			
22	400622	17041222	Bùi Thị Khánh Linh	27/03/1999		ĐHNN			
23	400623	17041225	Phạm Thị Thêu	12/07/1999		ĐHNN			
24	400624	17041226	Vũ Thị Phương Linh	19/04/1999		ĐHNN			
25	400625	17041227	Nguyễn Thị Lan Anh	20/08/1999		ĐHNN			
26	400626	17041228	Đinh Thị Loan	09/03/1999		ĐHNN			
27	400627	17041229	An Thị Bích Ngọc	26.11.1999		ĐHNN			
28	400628	17041230	Trần Thị Ngọc	12/06/1999		ĐHNN			
29	400629	17041232	Nguyễn Thị Nga	08.11.1999		ĐHNN			
30	400630	17041233	Lê Thị Ngân	26/10/1999		ĐHNN			
31	400631	17041234	Nguyễn Thị Oanh	29/06/1999		ĐHNN			
32	400632	17041235	nguyễn thị nhung	05/12/1999		ĐHNN			

33	400633	17041236	Phạm Thị Kim Oanh	29/07/1999		ĐHNN			
34	400634	17041237	Nguyễn Thị Minh Ánh	14/03/1999		ĐHNN			
35	400635	17041238	Trương Hoài Linh	27/11/1999		ĐHNN			
36	400636	17041239	ĐINH THỊ TRANG	21/11/1999		ĐHNN			
37	400637	17041241	Ngô Thị Hiền	13/02/1999		ĐHNN			
38	400638	17041242	Trần Thị Hà	01/06/1999		ĐHNN			
39	400639	17041243	Võ Thị Diệu Linh	28.02.1999		ĐHNN			
40	400640	17041244	Vi Thị Thảo	25/03/1999		ĐHNN			
41	400641	17041246	Trần Thị Thủy	24/09/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 24-404 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400642	17041248	LÊ THỊ KHÁNH VY	12/02/1999		ĐHNN			
2	400643	17041257	Nguyễn Thị Hường	19/12/1999		ĐHNN			
3	400644	17041258	Nguyễn Thị Thúy Hằng	07/04/1999		ĐHNN			
4	400645	17041259	Nguyễn Thanh Hiền	16/12/1999		ĐHNN			
5	400646	17041260	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/10/1999		ĐHNN			
6	400647	17041261	Phạm Thị Quỳnh Lan	26/03/1999		ĐHNN			
7	400648	17041262	Nguyễn Thị Thanh Phương	17/11/2017		ĐHNN			
8	400649	17041263	Lê Thị Lan	31/01/1999		ĐHNN			
9	400650	17041264	Nguyễn Thị Thùy Dung	23/07/1999		ĐHNN			
10	400651	17041265	Vi thị kiều	03/06/1999		ĐHNN			
11	400652	17041266	Phùng Bích Phương	12/07/1999		ĐHNN			
12	400653	17041267	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	06/02/1999		ĐHNN			
13	400654	17041268	Ngô Thị Hồng Ngọc	19.06.1999		ĐHNN			
14	400655	17041270	Nguyễn Thanh Hòa	18/04/1999		ĐHNN			
15	400656	17041271	Trần Thị Lan Hương	04/12/1999		ĐHNN			
16	400657	17041272	Vũ Ngân Hà	18.06.1999		ĐHNN			
17	400658	17041273	Nguyễn Phương Thảo	09/05/1999		ĐHNN			
18	400659	17041274	Lê Thị Phượng	27/03/1999		ĐHNN			
19	400660	17041275	Hung Quỳnh Giang	18.05.1999		ĐHNN			
20	400661	17041276	LÊ HỒNG HẠNH	28/12/1999		ĐHNN			
21	400662	17041277	Nông Thị Uyển Nhi	11/11/2017		ĐHNN			
22	400663	17041278	Hoàng Thị Thắm	20/05/1999		ĐHNN			
23	400664	17041279	Nguyễn Thúy Ngân	10.12.1999		ĐHNN			
24	400665	17041282	Triệu Thu Hằng	10/09/1999		ĐHNN			
25	400666	17041283	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	24.06.1999		ĐHNN			
26	400667	17041284	Nguyễn Quốc Bình	02/11/1999		ĐHNN			
27	400668	17041285	Nguyễn Thị Hường	29/10/1999		ĐHNN			
28	400669	17041286	Trịnh Tú Ngọc	26/04/1999		ĐHNN			
29	400670	17041287	NGUYỄN MINH NGỌC	21/09/1999		ĐHNN			
30	400671	17041288	Nguyễn Thu Hằng	10/12/1999		ĐHNN			
31	400672	17041289	Tran Thi Phuong Thuy	28/11/1999		ĐHNN			
32	400673	17041290	Lê Mai Hương	06/05/1999		ĐHNN			

33	400674	17041291	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/08/1999		ĐHNN			
34	400675	17041292	Nguyễn Thị Thu Hường	22/02/1999		ĐHNN			
35	400676	17041293	Nguyễn Thị Chinh	12.07.1998		ĐHNN			
36	400677	17041294	Nguyễn Thị Nga	12/10/1999		ĐHNN			
37	400678	17041295	LÊ THANH HUYỀN	09/06/1999		ĐHNN			
38	400679	17041297	Đường Thị Phong Lan	29/07/1998		ĐHNN			
39	400680	17041298	Nguyễn Thị Nga	11/02/2017		ĐHNN			
40	400681	17041299	Đỗ Bích Ngân	17/09/1999		ĐHNN			
41	400682	17041300	Phùng Lệ Thu	29/07/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 25-405 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400683	17041302	Lê Thị Nhung	18/09/1999		ĐHNN			
2	400684	17041303	Đỗ Thị Thuý	27/11/1999		ĐHNN			
3	400685	17041304	Nguyễn Văn Thành	10/09/1999		ĐHNN			
4	400686	17041305	Dương Thị Lý	06/12/1999		ĐHNN			
5	400687	17041306	Nguyễn Thanh Hoa	22/04/1999		ĐHNN			
6	400688	17041307	Chu Thị Thu Hiền	01/12/1999		ĐHNN			
7	400689	17041308	Nguyễn Thu Huệ	19.07.1999		ĐHNN			
8	400690	17041309	Ngô Thuý Linh	09/02/1999		ĐHNN			
9	400691	17041310	Trần Thị Hoài Thu	29/10/1999		ĐHNN			
10	400692	17041311	Trần Nhật Hoa	13/09/1999		ĐHNN			
11	400693	17041312	Nguyễn Thị Thu Hoài	23/03/1999		ĐHNN			
12	400694	17041313	Lâm Thị Mì	01/07/1999		ĐHNN			
13	400695	17041314	Nguyễn Thị Thùy Dung	30/11/1999		ĐHNN			
14	400696	17041315	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/08/1999		ĐHNN			
15	400697	17041316	Nguyễn Thị Nhật	09/02/1999		ĐHNN			
16	400698	17041318	Nguyễn Thị Dịu	14/11/1999		ĐHNN			
17	400699	17041319	Nguyễn Thị Ngân	17.04.1999		ĐHNN			
18	400700	17041320	Nguyễn Thị Quỳnh	25/11/1999		ĐHNN			
19	400701	17041321	Lương Ngọc Trâm	08/12/1999		ĐHNN			
20	400702	17041322	Vũ Thị Thu Hường	01.11.1999		ĐHNN			
21	400703	17041323	Phạm Thị Nhung	23/07/1999		ĐHNN			
22	400704	17041324	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	25/11/1998		ĐHNN			
23	400705	17041325	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/02/2017		ĐHNN			
24	400706	17041326	Vũ Thị Như Quỳnh	14/05/1999		ĐHNN			
25	400707	17041327	Phạm Thị Hải Linh	14/02/1999		ĐHNN			
26	400708	17041328	Đinh Thị Phương Mai	23/02/1999		ĐHNN			
27	400709	17041329	Nguyễn Thị Thúy Hường	07/01/2017		ĐHNN			
28	400710	17041330	Nguyễn Thị Thu Uyên	22/01/2017		ĐHNN			
29	400711	17041331	Phạm Thị Bích Ngọc	09/04/1999		ĐHNN			
30	400712	17041332	Doãn Huyền	25/12/1999		ĐHNN			
31	400713	17041333	Đỗ Thị Thanh	11.11.1999		ĐHNN			
32	400714	17041334	Hồ Thị Hoan	16/11/1999		ĐHNN			

33	400715	17041335	Vũ Thị Kim Chi	13.03.1999		ĐHNN			
34	400716	17041336	Bùi Thuý Nga	19/01/1999		ĐHNN			
35	400717	17041337	Đặng Thị Khánh Huyền	09/09/1999		ĐHNN			
36	400718	17041339	Vũ Thị Thủy	15/04/1999		ĐHNN			
37	400719	17041340	Vũ Phương Thùy	24/10/1999		ĐHNN			
38	400720	17041341	Đoàn Thị Thu Trâm	25/05/1999		ĐHNN			
39	400721	17041342	Hà Linh Hương	19/03/1999		ĐHNN			
40	400722	17041343	Nguyễn Thị Vân	28.07.1999		ĐHNN			
41	400723	17041345	Nguyễn Thị Minh Quý	27/09/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 26-406 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400724	17041346	Vũ Phan Thảo Linh	07/09/1999		ĐHNN			
2	400725	17041347	Cao Thị Lan Anh	26/11/1998		ĐHNN			
3	400726	17041348	Nguyễn Thị Lan Anh	29/09/1997		ĐHNN			
4	400727	17041349	Trịnh Thị Lan Anh	11.03.1999		ĐHNN			
5	400728	17041350	Trần Thị Kim Cúc	12/10/1999		ĐHNN			
6	400729	17041351	Lại Thị Mai Hương	24/02/1999		ĐHNN			
7	400730	17041352	Đinh Thúy Quỳnh	04/04/1999		ĐHNN			
8	400731	17041353	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	22/06/1999		ĐHNN			
9	400732	17041354	Đặng Thị Hạnh	16/02/1999		ĐHNN			
10	400733	17041355	Nguyễn Thị Trà My	11/05/1999		ĐHNN			
11	400734	17041356	Hồ Thị Thảo Nguyên	08/09/1999		ĐHNN			
12	400735	17041358	QUYÊN	22/07/2017		ĐHNN			
13	400736	17041360	Trịnh Thị Ngọc Ánh	15/09/1998		ĐHNN			
14	400737	17041361	Đặng Châu Anh	04/07/2017		ĐHNN			
15	400738	17041362	Trần Thị Thùy Dung	24.11.1999		ĐHNN			
16	400739	17041363	Ngô Thị Xuân	24/06/1999		ĐHNN			
17	400740	17041364	Mai Thị Hiền	11/01/1999		ĐHNN			
18	400741	17041365	Hà Thị Lan Hương	01/07/1999		ĐHNN			
19	400742	17041366	Ngô Thị Hà My	31/01/1999		ĐHNN			
20	400743	17041370	Phạm Hoàng Thiên Ngọc	23/12/1999		ĐHNN			
21	400744	17041372	Lý Trường Giang	08/10/1999		ĐHNN			
22	400745	17041374	Ngô Thị Thu Huệ	11/10/1999		ĐHNN			
23	400746	17041375	Nguyễn Thùy Phương	06/05/1999		ĐHNN			
24	400747	17041380	Nguyễn Xuân Bắc	02/10/1999		ĐHNN			
25	400748	17041381	Vũ Tuyết Minh	19/05/1999		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 27-407 GD C1; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	400749	17041382	Ngô Thị Quỳnh Chi	07/09/1999		ĐHNN			
2	400750	17041383	duong thị bảo ngọc	02/07/1999		ĐHNN			
3	400751	17041384	Nguyễn Thị Thúy Ninh	25/12/1999		ĐHNN			
4	400752	17041390	Trần Thị Thu Thùy	10.04.1999		ĐHNN			
5	400753	17041391	Đỗ Hồng Ngọc	19/09/1999		ĐHNN			
6	400754	17041392	Chu Thị Ngọc Lan	16/01/1999		ĐHNN			
7	400755	17041410	Lê Thị Diệu Thi	04.04.1999		ĐHNN			
8	400756	17041421	Nguyễn Thị Ngọc Giao	27/03/1999		ĐHNN			
9	400757	17041901	Lê Thị Thu Hương	03/06/1999		ĐHNN			
10	400758	17042013	Lê Thị Hải Thùy	28/05/1998		ĐHNN			
11	400759	17042014	Nông Hải Yên	09.06.1998		ĐHNN			
12	400760	17042015	Hoàng Thị Như Huyền	02/04/1998		ĐHNN			
13	400761	17042016	Lý Thị Vân	15/05/1998		ĐHNN			
14	400762	17042017	Chu Minh Khánh	22/07/1998		ĐHNN			
15	400763	17042018	Phan Thị Khuyên	06/05/1998		ĐHNN			
16	400764	17042019	Lâm Vĩ Khang	14/03/1998		ĐHNN			
17	400765	17042020	Hoàng minh ánh	17/01/1998		ĐHNN			
18	400766	17042023	Triệu Quý Sơn	01/10/1998		ĐHNN			
19	400767	17042024	Trần Thị Anh	20.08.1995		ĐHNN			
20	400768	17042025	Trần Thị Như Ngọc	17/12/1998		ĐHNN			
21	400769	17042026	Trương Thị Hằng	18/06/1998		ĐHNN			
22	400770	17042027	Trần Thị Thảo	04/06/1997		ĐHNN			
23	400771	17042028	Hứa Huyền Ly	06/05/1998		ĐHNN			
24	400772	17042029	Lý Thị Thanh Thư	29/04/1998		ĐHNN			
25	400773	17042030	Ngô Hoài Thương	16/12/1998		ĐHNN			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 28-101 GD A2 ; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500001	16010527	Nguyễn Văn Khánh	12/11/1998	16-S-SPV	KHXHNV			
2	500002	16010606	Vũ Thị Duyên	15/06/1997	16-S-SPS	KHXHNV			
3	500003	16010620	Vũ Thị Thúy Nga	13/06/1998	16-S-SPS	KHXHNV			
4	500004	16010634	Lê Thanh Tú	14/10/1998	16-S-SPS	KHXHNV			
5	500005	16030025	Lê Thùy Trang	28/07/1998	16-X-BC	KHXHNV			
6	500006	16030040	Hà Thị Nhiên	18/01/1997	16-X-BC	KHXHNV			
7	500007	16030114	Phạm Thị Thanh Thủy	14/04/1997	16-X-CTH	KHXHNV			
8	500008	16030150	Trương Thị Hải Linh	05/03/1998	16-X-CTH	KHXHNV			
9	500009	16030162	Lý Thị Thu Vân	21/01/1998	16-X-CTH	KHXHNV			
10	500010	16030365	Vương Minh Hiếu	08/12/1997	16-X-CTXH	KHXHNV			
11	500011	16030366	Lê Thị Hoài Thương	11/03/1998	16-X-CTXH	KHXHNV			
12	500012	16030437	Vũ Thị Uyên	27/06/1998	16-X-QL	KHXHNV			
13	500013	16030497	Đặng Quốc Long	14/09/1998	16-X-QL	KHXHNV			
14	500014	16030541	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/09/1998	16-X-LS	KHXHNV			
15	500015	16030554	Phạm Thị Diệu Linh	20/10/1998	16-X-LS	KHXHNV			
16	500016	16030574	Ngô Văn Giang	28/03/1998	16-X-LS	KHXHNV			
17	500017	16030728	Trần Thị Thảo	05/03/1998	16-X-NNH	KHXHNV			
18	500018	16030739	Phạm Thị Thảo	17/10/1998	16-X-NNH	KHXHNV			
19	500019	16030789	Trần Thị Chi	09/12/1998	16-X-NHOC	KHXHNV			
20	500020	16030875	Nguyễn Ngọc Lê	15/01/1998	6-X-QTDVD	KHXHNV			
21	500021	16030884	Đinh Thị Kim Chi	16/01/1998	6-X-QTDVD	KHXHNV			
22	500022	16030896	Triệu Thị Thanh Tú	09/11/1998	6-X-QTDVD	KHXHNV			
23	500023	16031016	Vũ Thị Bình	20/03/1998	16-X-QTVP	KHXHNV			
24	500024	16031029	Cao Thị Dung	16/02/1998	16-X-QTVP	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 29-102 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500025	16031031	Đinh Thủy Linh	13/04/1997	16-X-QTVP	KHXHNV			
2	500026	16031045	Dương Thị Thảo	01/10/1998	16-X-QTVP	KHXHNV			
3	500027	16031046	Nguyễn Thị Liên	10/02/1998	16-X-QTVP	KHXHNV			
4	500028	16031198	Hoàng Thị Lan	27/07/1997	16-X-TL	KHXHNV			
5	500029	16031249	Nguyễn Quốc Đạt	04/10/1998	16-X-TTH	KHXHNV			
6	500030	16031267	Nguyễn Phương Mai	14/01/1997	16-X-TTH	KHXHNV			
7	500031	16031273	Nguyễn Thị Thu Phương	15/06/1998	16-X-TG	KHXHNV			
8	500032	16031297	Phạm Thị Trang	27/09/1998	16-X-TG	KHXHNV			
9	500033	16031307	Nguyễn Thị Nguyệt	03/06/1998	16-X-TG	KHXHNV			
10	500034	16031309	Kim Thanh Sản	11/10/1998	16-X-TG	KHXHNV			
11	500035	16031311	Đào Thị Ánh Linh	27/02/1998	16-X-TG	KHXHNV			
12	500036	16031353	Nguyễn Thị Thanh Huyền	06/01/1998	16-X-TR	KHXHNV			
13	500037	16031369	Lò Thị Kiều Oanh	15/02/1998	16-X-TR	KHXHNV			
14	500038	16031414	Phạm Hồng Hào	16/02/1998	16-X-VH	KHXHNV			
15	500039	16031420	Hoàng Thị Yên	22/08/1998	16-X-VH.A	KHXHNV			
16	500040	16031441	Phạm Thị Đức	06/09/1997	16-X-VH	KHXHNV			
17	500041	16031454	Nguyễn Thị Diệu Linh	10/10/1998	16-X-VH	KHXHNV			
18	500042	16031611	Nguyễn Danh Kiên	10/10/1998	16-X-BC	KHXHNV			
19	500043	16031648	Trương Thị Sinh	02/09/1998	16-X-CTXH	KHXHNV			
20	500044	16031665	Phạm Ngọc Anh	04/09/1998	16-X-QL	KHXHNV			
21	500045	16031738	Lê Thị Mai	28/11/1998	6-X-QTDVD	KHXHNV			
22	500046	16031756	Luyện Thị Thuý Quang	01/11/1998	16-X-QTVP	KHXHNV			
23	500047	16031773	Phạm Lan Ngọc	11/02/1997	16-X-TL	KHXHNV			
24	500048	16031786	Nguyễn Khánh Ninh	14/02/1998	16-X-TTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 30-103 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500049	16031824	Phan Thị Quỳnh	11/02/1998	16-X-VNH	KHXHNV			
2	500050	16031874	Dương Thị Thom	28/09/1998	16-X-BC	KHXHNV			
3	500051	16031927	Phạm Quang Tài	21/08/1997	16-X-VH	KHXHNV			
4	500052	16031940	Trần Thị Mai Anh	26/07/1998	16-X-CTXH	KHXHNV			
5	500053	16031968	Nguyễn Hồng Quân	22/06/1998	16-X-TL	KHXHNV			
6	500054	16031980	Nguyễn Thị Tinh	09/08/1998	16-X-TTH	KHXHNV			
7	500055	16031981	Lê Thị Anh Phương	10/10/1998	16-X-LTH	KHXHNV			
8	500056	16032027	Lương Hùng Nhất	03/01/1998	16-X-QHCC	KHXHNV			
9	500057	16032029	Hà Thanh Hiền	03/10/1998	16-X-VH	KHXHNV			
10	500058	16010620	Vũ Thị Thúy Nga	13/06/1998	SPLS	KHXHNV			
11	500059	16010630	Hoàng Thúy Trà	28/06/1998	SPS	KHXHNV			
12	500060	17030001	NGUYỄN THỊ AN	22/09/1999	BC	KHXHNV			
13	500061	17030004	HOÀNG THỊ VÂN ANH	20/11/1999	BC	KHXHNV			
14	500062	17030005	NGUYỄN QUỐC ANH	14/04/1999	BC	KHXHNV			
15	500063	17030010	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	18/05/1998	BC	KHXHNV			
16	500064	17030011	NGUYỄN BÁ CHÍNH	06/12/1999	BC	KHXHNV			
17	500065	17030014	TRẦN THỊ DIỆP	18/10/1999	BC	KHXHNV			
18	500066	17030016	VÕ THỊ KIỀU DUNG	24/06/1999	BC	KHXHNV			
19	500067	17030017	BÙI THÙY DƯƠNG	12/11/1999	BC	KHXHNV			
20	500068	17030020	ĐOÀN THỊ HÀ	27/12/1999	BC	KHXHNV			
21	500069	17030021	LÊ THỊ NGUYỆT HÀ	11/12/1999	BC	KHXHNV			
22	500070	17030022	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	12/02/1999	BC	KHXHNV			
23	500071	17030023	TRỊNH THỊ HẢI	05/05/1999	BC	KHXHNV			
24	500072	17030024	HOÀNG THỊ HẰNG	30/12/1999	BC	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 31-104 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500073	17030025	LÊ THỊ HẰNG	07/03/1999	BC	KHXHNV			
2	500074	17030028	PHAN THỊ HẠNH	25/01/1999	BC	KHXHNV			
3	500075	17030032	HOÀNG THỊ HẬU	05/12/1998	BC	KHXHNV			
4	500076	17030033	ĐÀO THỊ THU HIỀN	23/07/1999	BC	KHXHNV			
5	500077	17030036	NÔNG THỊ THU HIỀN	01/05/1999	BC	KHXHNV			
6	500078	17030037	LÊ CÔNG HIẾU	28/12/1998	BC	KHXHNV			
7	500079	17030038	PHÙNG TRUNG HIẾU	01/02/1999	BC	KHXHNV			
8	500080	17030040	PHẠM KHÁNH HOÀI	20/11/1999	BC	KHXHNV			
9	500081	17030041	TRẦN THỊ HỒNG	27/02/1998	BC	KHXHNV			
10	500082	17030042	VŨ THỊ HUỆ	15/04/1999	BC	KHXHNV			
11	500083	17030046	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	20/05/1999	BC	KHXHNV			
12	500084	17030047	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	22/07/1999	BC	KHXHNV			
13	500085	17030050	NGÔ HÀ LÊ	03/11/1998	BC	KHXHNV			
14	500086	17030056	HÀ THỊ THÙY LINH	15/09/1999	BC	KHXHNV			
15	500087	17030057	NGUYỄN NGỌC LINH	15/08/1999	BC	KHXHNV			
16	500088	17030058	HOÀNG PHƯƠNG LOAN	23/06/1999	BC	KHXHNV			
17	500089	17030060	PHAN THỊ LÝ	10/02/1999	BC	KHXHNV			
18	500090	17030061	LẠI THỊ THANH MAI	22/09/1999	BC	KHXHNV			
19	500091	17030063	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	19/08/1999	BC	KHXHNV			
20	500092	17030064	NGUYỄN THỊ QUYNH MAI	22/02/1999	BC	KHXHNV			
21	500093	17030065	LÊ XUÂN MẠNH	19/07/1998	BC	KHXHNV			
22	500094	17030066	LÒ THANH MINH	19/05/1999	BC	KHXHNV			
23	500095	17030067	NGUYỄN ĐỨC MINH	28/06/1999	BC	KHXHNV			
24	500096	17030068	PHAN CÔNG MINH	03/01/1999	BC	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 32-105 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500097	17030070	Đinh Thị Nga	03/08/1998	BC	KHXHNV			
2	500098	17030071	HỨA DIỆU NGA	01/07/1999	BC	KHXHNV			
3	500099	17030072	LÊ THỊ NGA	01/03/1999	BC	KHXHNV			
4	500100	17030074	BÙI THỊ KIM NGÂN	02/08/1999	BC	KHXHNV			
5	500101	17030075	DƯƠNG THU NGÂN	19/01/1999	BC	KHXHNV			
6	500102	17030076	NGUYỄN THỊ NGÂN	03/09/1999	BC	KHXHNV			
7	500103	17030079	NGUYỄN THỊ NHÀN	04/02/1998	BC	KHXHNV			
8	500104	17030080	LÊ THỊ HỒNG NHI	06/11/1999	BC	KHXHNV			
9	500105	17030083	LẠI THỊ NINH	17/11/1999	BC	KHXHNV			
10	500106	17030088	HOÀNG THU PHƯƠNG	07/10/1999	BC	KHXHNV			
11	500107	17030089	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	25/08/1999	BC	KHXHNV			
12	500108	17030090	TRẦN MINH QUANG	06/11/1999	BC	KHXHNV			
13	500109	17030091	ĐẶNG THỊ LỆ QUYÊN	02/10/1999	BC	KHXHNV			
14	500110	17030092	BÙI NGỌC QUỲNH	07/09/1999	BC	KHXHNV			
15	500111	17030094	HỨA THỊ QUỲNH	23/03/1998	BC	KHXHNV			
16	500112	17030096	PHAN THỊ THANH TÂM	11/01/1999	BC	KHXHNV			
17	500113	17030097	TRẦN THỊ NGỌC TÂN	18/05/1999	BC	KHXHNV			
18	500114	17030099	BÙI TẤT THÀNH	26/10/1998	BC	KHXHNV			
19	500115	17030100	NGUYỄN SINH THÀNH	09/10/1998	BC	KHXHNV			
20	500116	17030102	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	21/08/1999	BC	KHXHNV			
21	500117	17030103	HOÀNG THU THẢO	13/05/1999	BC	KHXHNV			
22	500118	17030110	ĐẶNG THỊ THU	13/04/1999	BC	KHXHNV			
23	500119	17030111	LÊ THỊ HỒNG THƯƠNG	26/12/1999	BC	KHXHNV			
24	500120	17030112	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	21/09/1999	BC	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 33-106 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500121	17030113	ĐÀO THỊ MINH THÙY	19/08/1999	BC	KHXHNV			
2	500122	17030115	NGUYỄN LAN TRÀ	31/10/1999	BC	KHXHNV			
3	500123	17030116	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÀ	20/08/1999	BC	KHXHNV			
4	500124	17030118	HOÀNG THỊ TRANG	12/07/1999	BC	KHXHNV			
5	500125	17030119	MAI THỊ THU TRANG	13/01/1999	BC	KHXHNV			
6	500126	17030120	NGUYỄN THU TRANG	22/02/1999	BC	KHXHNV			
7	500127	17030123	TRẦN THỊ TRANG	13/03/1999	BC	KHXHNV			
8	500128	17030125	LÂM THỊ TUYẾT TRINH	24/11/1999	BC	KHXHNV			
9	500129	17030126	NGUYỄN QUANG TRUNG	31/12/1999	BC	KHXHNV			
10	500130	17030127	VŨ TRỌNG LÂM TRƯỜNG	05/09/1999	BC	KHXHNV			
11	500131	17030128	HÀ THANH TÙNG	01/12/1999	BC	KHXHNV			
12	500132	17030129	HỒ NGỌC TỔ UYÊN	24/09/1999	BC	KHXHNV			
13	500133	17030137	ĐÌNH THỊ NGỌC ANH	29/07/1999	CTH	KHXHNV			
14	500134	17030138	VŨ THỊ LAN ANH	30/08/1999	CTH	KHXHNV			
15	500135	17030139	VƯƠNG VIỆT ANH	03/11/1998	CTH	KHXHNV			
16	500136	17030140	TRẦN NGỌC ÁNH	25/05/1999	CTH	KHXHNV			
17	500137	17030142	MA XUÂN BỘ	22/09/1999	CTH	KHXHNV			
18	500138	17030143	ĐÀM VĂN CÀN	29/07/1999	CTH	KHXHNV			
19	500139	17030145	LƯƠNG TUẤN CƯỜNG	24/03/1999	CTH	KHXHNV			
20	500140	17030146	NGUYỄN HUY CƯỜNG	18/04/1999	CTH	KHXHNV			
21	500141	17030147	KHOÀNG THỊ DẦN	13/01/1999	CTH	KHXHNV			
22	500142	17030151	NGUYỄN HỮU ĐỨC	06/11/1998	CTH	KHXHNV			
23	500143	17030152	VŨ MẠNH ĐỨC	29/11/1995	CTH	KHXHNV			
24	500144	17030153	HOÀNG NGỌC DŨNG	07/10/1998	CTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 34-107 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500145	17030155	NGUYỄN VĂN DUY	18/11/1999	CTH	KHXHNV			
2	500146	17030159	LƯU TRỌNG HẢI	22/11/1999	CTH	KHXHNV			
3	500147	17030163	TRANG A HỒ	07/03/1999	CTH	KHXHNV			
4	500148	17030165	LÊ HOÀN	01/02/1999	CTH	KHXHNV			
5	500149	17030169	TRẦN VĂN HUY	14/01/1998	CTH	KHXHNV			
6	500150	17030170	ĐỖ THU HUYỀN	22/02/1999	CTH	KHXHNV			
7	500151	17030171	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	01/12/1999	CTH	KHXHNV			
8	500152	17030174	NGUYỄN THANH LAM	19/11/1999	CTH	KHXHNV			
9	500153	17030176	PHẠM NGỌC LAN	06/04/1999	CTH	KHXHNV			
10	500154	17030177	HOÀNG NHẬT LỆ	21/10/1999	CTH	KHXHNV			
11	500155	17030179	DƯƠNG HOÀNG LINH	18/11/1999	CTH	KHXHNV			
12	500156	17030181	NGUYỄN NGỌC LINH	22/10/1998	CTH	KHXHNV			
13	500157	17030186	TRIỆU THỊ ANH	15/03/1999	CTH	KHXHNV			
14	500158	17030187	NGUYỄN THỊ LINH NGÂN	23/12/1999	CTH	KHXHNV			
15	500159	17030188	TẠ THỊ NGÂN	28/10/1999	CTH	KHXHNV			
16	500160	17030191	LÒ VĂN NGUYỄN	01/01/1999	CTH	KHXHNV			
17	500161	17030192	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	05/01/1997	CTH	KHXHNV			
18	500162	17030193	LÀNH THỊ HẢI NGUYỆT	29/09/1999	CTH	KHXHNV			
19	500163	17030194	PHAN THỊ NGUYỆT	25/01/1999	CTH	KHXHNV			
20	500164	17030195	SÙNG THỊ PÀ	10/05/1999	CTH	KHXHNV			
21	500165	17030196	TRẦN NGUYỄN NAM PHƯƠNG	16/11/1999	CTH	KHXHNV			
22	500166	17030198	ĐÀO THỊ HỒNG PHƯƠNG	02/08/1999	CTH	KHXHNV			
23	500167	17030199	MAI ANH QUÂN	07/06/1999	CTH	KHXHNV			
24	500168	17030200	GIÀNG THỊ SEN	05/05/1999	CTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 35-201 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500169	17030201	SÔ TUYẾT SIÊU	12/06/1999	CTH	KHXHNV			
2	500170	17030203	NGUYỄN THÁI SƠN	11/01/1999	CTH	KHXHNV			
3	500171	17030204	PHẠM HỒNG SƠN	06/03/1999	CTH	KHXHNV			
4	500172	17030205	HOÀNG HẢI TÂM	15/12/1999	CTH	KHXHNV			
5	500173	17030209	NGUYỄN CẢNH THẮNG	19/02/1999	CTH	KHXHNV			
6	500174	17030210	NGUYỄN MINH THANH	07/08/1998	CTH	KHXHNV			
7	500175	17030212	NGUYỄN BÁ THÀNH	29/08/1999	CTH	KHXHNV			
8	500176	17030214	ĐÀO THỊ THU	30/01/1999	CTH	KHXHNV			
9	500177	17030215	PHẠM THỊ THU	07/10/1999	CTH	KHXHNV			
10	500178	17030217	TÙ THỊ THÚY	26/10/1999	CTH	KHXHNV			
11	500179	17030218	ĐẶNG THỊ THUYẾT	27/02/1999	CTH	KHXHNV			
12	500180	17030220	TRẦN VIỆT TIẾN	03/09/1995	CTH	KHXHNV			
13	500181	17030221	CAO TIẾN TOÀN	12/12/1999	CTH	KHXHNV			
14	500182	17030222	ĐÀO QUANG TRUNG	16/07/1999	CTH	KHXHNV			
15	500183	17030224	PHAN THÀNH TUẤN	25/08/1999	CTH	KHXHNV			
16	500184	17030226	NGUYỄN THỊ UYÊN	20/11/1999	CTH	KHXHNV			
17	500185	17030227	LÊ HỒNG VẪN	11/08/1998	CTH	KHXHNV			
18	500186	17030228	NGUYỄN TUẤN ANH	18/03/1999	CTXH	KHXHNV			
19	500187	17030229	THÁI THỊ VÂN ANH	17/02/1999	CTXH	KHXHNV			
20	500188	17030230	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	18/06/1999	CTXH	KHXHNV			
21	500189	17030231	TRƯƠNG THỊ ÁNH	18/07/1999	CTXH	KHXHNV			
22	500190	17030233	TRẦN THỊ KIỀU CHINH	27/10/1999	CTXH	KHXHNV			
23	500191	17030234	BÙI THỊ CÚC	12/05/1998	CTXH	KHXHNV			
24	500192	17030235	NÔNG THỊ KIM CÚC	01/06/1998	CTXH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 36-202 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500193	17030236	LÒ VIỆT CƯỜNG	27/04/1999	CTXH	KHXHNV			
2	500194	17030239	LƯƠNG THÀNH ĐỨC	25/12/1999	CTXH	KHXHNV			
3	500195	17030242	TRƯƠNG THỊ DUYÊN	02/11/1999	CTXH	KHXHNV			
4	500196	17030245	TRỊNH MAI HÀ	17/04/1999	CTXH	KHXHNV			
5	500197	17030246	NGUYỄN THỊ HIỀN	20/04/1999	CTXH	KHXHNV			
6	500198	17030250	NGUYỄN THỊ HUỆ	23/03/1999	CTXH	KHXHNV			
7	500199	17030251	TRẦN THỊ HUỆ	14/05/1999	CTXH	KHXHNV			
8	500200	17030252	VŨ THỊ HUỆ	29/12/1999	CTXH	KHXHNV			
9	500201	17030254	NGUYỄN THỊ HUYỀN	13/08/1999	CTXH	KHXHNV			
10	500202	17030258	BẠCH THỊ THẢO LINH	09/07/1999	CTXH	KHXHNV			
11	500203	17030260	ĐÀO THỊ NGỌC LINH	12/02/1999	CTXH	KHXHNV			
12	500204	17030261	HOANG NGUYEN THUY LINH	07/11/1999	CTXH	KHXHNV			
13	500205	17030262	HOÀNG QUANG LINH	07/01/1999	CTXH	KHXHNV			
14	500206	17030263	VĂN THỊ LINH	15/05/1999	CTXH	KHXHNV			
15	500207	17030266	PHẠM HƯƠNG LY	13/07/1999	CTXH	KHXHNV			
16	500208	17030267	TRẦN THẾ NHƯ MÂY	15/11/1999	CTXH	KHXHNV			
17	500209	17030268	LÝ THỊ MỈ	18/10/1999	CTXH	KHXHNV			
18	500210	17030270	LÊ THỊ NGUYỆT	28/04/1999	CTXH	KHXHNV			
19	500211	17030271	NGUYỄN LÊ UYÊN NHI	08/08/1999	CTXH	KHXHNV			
20	500212	17030272	LƯƠNG THỊ NHỎ	19/01/1999	CTXH	KHXHNV			
21	500213	17030273	DƯƠNG NGỌC NHUNG	27/09/1999	CTXH	KHXHNV			
22	500214	17030274	HÀ THỊ TRANG NHUNG	13/07/1998	CTXH	KHXHNV			
23	500215	17030275	TRẦN THỊ NHUNG	28/07/1999	CTXH	KHXHNV			
24	500216	17030280	NGUYỄN THỊ SIM	21/06/1999	CTXH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 37-203 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500217	17030281	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	18/06/1999	CTXH	KHXHNV			
2	500218	17030283	ĐÀM CHÍ THIÊN	23/03/1999	CTXH	KHXHNV			
3	500219	17030284	TRẦN THỊ THIÊN THƯƠNG	20/10/1999	CTXH	KHXHNV			
4	500220	17030287	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY	01/03/1999	CTXH	KHXHNV			
5	500221	17030288	NGUYỄN THU THỦY	06/07/1999	CTXH	KHXHNV			
6	500222	17030289	LÊ VĂN TIẾN	12/02/1999	CTXH	KHXHNV			
7	500223	17030296	TRẦN ANH TUẤN	17/06/1999	CTXH	KHXHNV			
8	500224	17030299	TRẦN THỊ BẢO VÂN	06/03/1998	CTXH	KHXHNV			
9	500225	17030378	PHẠM SỸ HOÀNG	05/03/1999	ĐPH	KHXHNV			
10	500226	17030568	NGUYỄN NHẬT AN	30/01/1999	KHQL	KHXHNV			
11	500227	17030571	NGUYỄN THẾ ANH	20/12/1999	KHQL	KHXHNV			
12	500228	17030573	NGUYỄN THỊ LAN ANH	24/02/1999	KHQL	KHXHNV			
13	500229	17030574	NGUYỄN VIỆT ANH	23/01/1999	KHQL	KHXHNV			
14	500230	17030575	ĐẶNG NGỌC ÁNH	16/12/1999	KHQL	KHXHNV			
15	500231	17030576	NGUYỄN NGỌC ÁNH	13/03/1998	KHQL	KHXHNV			
16	500232	17030577	HÀ THỊ NGỌC BẢO	08/09/1999	KHQL	KHXHNV			
17	500233	17030578	LỘC THỊ BÍCH	15/03/1998	KHQL	KHXHNV			
18	500234	17030579	ĐỖ THỊ BÌNH	28/06/1999	KHQL	KHXHNV			
19	500235	17030580	TRẦN THỊ BÌNH	10/04/1999	KHQL	KHXHNV			
20	500236	17030583	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	16/07/1999	KHQL	KHXHNV			
21	500237	17030584	TRÌNH THÙY DUNG	08/06/1999	KHQL	KHXHNV			
22	500238	17030585	NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN	22/07/1999	KHQL	KHXHNV			
23	500239	17030588	DƯƠNG THỊ NGỌC HÀ	08/06/1999	KHQL	KHXHNV			
24	500240	17030589	LỤC THỊ THANH HÀ	20/02/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 38-204 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500241	17030590	CHU THỊ MỸ HẰNG	05/01/1999	KHQL	KHXHNV			
2	500242	17030591	LỤC THỊ HẰNG	11/05/1999	KHQL	KHXHNV			
3	500243	17030592	QUÁCH THỊ THU HẰNG	27/08/1999	KHQL	KHXHNV			
4	500244	17030594	PHẠM THỊ HẠNH	20/10/1999	KHQL	KHXHNV			
5	500245	17030595	NÔNG THỊ HIỀN	26/03/1998	KHQL	KHXHNV			
6	500246	17030596	HOÀNG MINH HIẾU	01/12/1998	KHQL	KHXHNV			
7	500247	17030597	ĐỖ THỊ QUỲNH HOA	12/05/1999	KHQL	KHXHNV			
8	500248	17030598	NGUYỄN QUỲNH HOA	11/01/1999	KHQL	KHXHNV			
9	500249	17030599	PHẠM THỊ HOA	25/06/1999	KHQL	KHXHNV			
10	500250	17030601	HÀ THỊ HUỆ	07/12/1999	KHQL	KHXHNV			
11	500251	17030602	ĐÌNH THỊ HƯƠNG	29/03/1999	KHQL	KHXHNV			
12	500252	17030603	ĐỒNG QUỲNH HƯƠNG	07/11/1999	KHQL	KHXHNV			
13	500253	17030605	CÁN THỊ THU HUYỀN	22/05/1999	KHQL	KHXHNV			
14	500254	17030606	PHAN KHÁNH HUYỀN	10/06/1999	KHQL	KHXHNV			
15	500255	17030607	PHẠM THỊ KHÁNH	10/10/1999	KHQL	KHXHNV			
16	500256	17030608	LÊ NGUYỄN KHÔI	09/09/1999	KHQL	KHXHNV			
17	500257	17030609	LÊNH THỊ KIỀU	21/02/1999	KHQL	KHXHNV			
18	500258	17030610	SÙNG A LÂM	14/08/1999	KHQL	KHXHNV			
19	500259	17030611	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	09/04/1999	KHQL	KHXHNV			
20	500260	17030612	NGUYỄN THÙY LINH	01/12/1999	KHQL	KHXHNV			
21	500261	17030613	TRIỆU LINH LINH	05/05/1999	KHQL	KHXHNV			
22	500262	17030618	DOANH PHẠM HUYỀN NGỌC	09/05/1999	KHQL	KHXHNV			
23	500263	17030619	NGUYỄN BẢO NGỌC	21/12/1999	KHQL	KHXHNV			
24	500264	17030620	NGUYỄN THỊ NGỌC	24/05/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 39-206 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500265	17030621	NGUYỄN THỊ NAM NHẬT	12/04/1999	KHQL	KHXHNV			
2	500266	17030622	TRIỆU MÙI NHẬT	20/11/1999	KHQL	KHXHNV			
3	500267	17030623	NGUYỄN THẢO NHI	19/08/1999	KHQL	KHXHNV			
4	500268	17030624	NGUYỄN THẢO NHI	16/05/1999	KHQL	KHXHNV			
5	500269	17030625	TRỊNH TÚ NHI	11/06/1999	KHQL	KHXHNV			
6	500270	17030626	ĐÌNH THỊ HỒNG NHIÊN	27/01/1999	KHQL	KHXHNV			
7	500271	17030629	NGUYỄN HỒNG NỤ	08/09/1999	KHQL	KHXHNV			
8	500272	17030633	CHU THỊ QUYÊN	15/09/1999	KHQL	KHXHNV			
9	500273	17030634	NGUYỄN THỊ QUYÊN	18/09/1999	KHQL	KHXHNV			
10	500274	17030636	PHAN CẢNH SƠN	19/09/1999	KHQL	KHXHNV			
11	500275	17030638	CÀ THỊ THẨM	10/10/1999	KHQL	KHXHNV			
12	500276	17030639	HOÀNG VĂN THẮNG	09/04/1999	KHQL	KHXHNV			
13	500277	17030640	ĐẶNG THỊ THANH	15/09/1998	KHQL	KHXHNV			
14	500278	17030642	NGUYỄN THỊ THANH	14/10/1999	KHQL	KHXHNV			
15	500279	17030644	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	10/11/1999	KHQL	KHXHNV			
16	500280	17030645	NGUYỄN THỊ THẢO	04/11/1999	KHQL	KHXHNV			
17	500281	17030648	LÊ MINH THUẬN	17/03/1999	KHQL	KHXHNV			
18	500282	17030649	HÀ THỊ THƯƠNG	22/05/1999	KHQL	KHXHNV			
19	500283	17030651	NGUYỄN THỊ THÙY	05/04/1999	KHQL	KHXHNV			
20	500284	17030653	HOÀNG THỊ THỦY	16/11/1999	KHQL	KHXHNV			
21	500285	17030654	VŨ THỊ TIỀN	07/05/1999	KHQL	KHXHNV			
22	500286	17030655	LƯU VĂN TIỀN	15/04/1998	KHQL	KHXHNV			
23	500287	17030656	BỂ THU TRANG	04/05/1999	KHQL	KHXHNV			
24	500288	17030657	HOÀNG PHƯƠNG TRANG	15/07/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 40-207 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500289	17030658	NGUYỄN THU TRANG	10/12/1999	KHQL	KHXHNV			
2	500290	17030659	TRẦN THU TRANG	31/07/1999	KHQL	KHXHNV			
3	500291	17030660	TRẦN THUY NGOC TRANG	20/11/1999	KHQL	KHXHNV			
4	500292	17030661	VŨ THỊ KIỀU TRANG	27/08/1999	KHQL	KHXHNV			
5	500293	17030662	BÙI HUYỀN TRINH	14/02/1999	KHQL	KHXHNV			
6	500294	17030666	LƯƠNG THỊ TƯỞI	05/10/1999	KHQL	KHXHNV			
7	500295	17030667	ĐINH THỊ UYÊN	06/09/1999	KHQL	KHXHNV			
8	500296	17030668	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	05/09/1999	KHQL	KHXHNV			
9	500297	17030671	NGUYỄN THỊ Y VÂN	28/04/1999	KHQL	KHXHNV			
10	500298	17030672	TRƯỜNG THỊ ÁNH VÂN	11/10/1999	KHQL	KHXHNV			
11	500299	17030674	NÔNG ĐÌNH VŨ	26/12/1998	KHQL	KHXHNV			
12	500300	17030675	NGUYỄN MẠNH VƯỢNG	13/06/1999	KHQL	KHXHNV			
13	500301	17030677	ĐINH HẢI YẾN	17/04/1999	KHQL	KHXHNV			
14	500302	17030678	ĐINH THỊ YẾN	11/01/1999	KHQL	KHXHNV			
15	500303	17030679	NGUY THỊ YẾN	20/07/1999	KHQL	KHXHNV			
16	500304	17030681	NÔNG THỊ THÙY AN	17/01/1999	KHTV	KHXHNV			
17	500305	17030682	ĐỖ THỊ HỒNG ÁNH	21/07/1999	KHTV	KHXHNV			
18	500306	17030685	HOÀNG THỊ DIJU	12/03/1999	KHTV	KHXHNV			
19	500307	17030689	NGUYỄN THỊ GIANG	28/03/1999	KHTV	KHXHNV			
20	500308	17030690	NGUYỄN VĂN HIỀN	08/07/1999	KHTV	KHXHNV			
21	500309	17030692	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HIỆU	24/10/1999	KHTV	KHXHNV			
22	500310	17030697	TRẦN AN KHANG	29/09/1999	KHTV	KHXHNV			
23	500311	17030701	NGUYỄN DƯƠNG LY	06/07/1999	KHTV	KHXHNV			
24	500312	17030702	NGUYỄN KHÁNH LY	12/11/1999	KHTV	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 41-208 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500313	17030705	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	25/04/1998	KHTV	KHXHNV			
2	500314	17030706	NGUYỄN THỊ MINH NHẬT	19/09/1999	KHTV	KHXHNV			
3	500315	17030707	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	05/01/1999	KHTV	KHXHNV			
4	500316	17030708	NGUYEN HOANG BAO PHUNG	09/01/1999	KHTV	KHXHNV			
5	500317	17030712	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	10/12/1999	KHTV	KHXHNV			
6	500318	17030717	ĐINH THỊ HẢI YẾN	26/02/1999	KHTV	KHXHNV			
7	500319	17030721	LÊ HOÀNG ANH	26/06/1999	LS	KHXHNV			
8	500320	17030722	NGUYỄN MỸ ANH	27/08/1999	LS	KHXHNV			
9	500321	17030724	PHẠM KỶ ANH	01/08/1999	LS	KHXHNV			
10	500322	17030725	TẠ MINH ANH	23/08/1999	LS	KHXHNV			
11	500323	17030726	TRẦN TIẾN ANH	18/02/1999	LS	KHXHNV			
12	500324	17030727	ỨNG HOÀNG ANH	06/11/1999	LS	KHXHNV			
13	500325	17030728	PHÙNG THỊ NGỌC ÁNH	07/12/1999	LS	KHXHNV			
14	500326	17030729	LÝ VĂN CHÂU	14/01/1998	LS	KHXHNV			
15	500327	17030733	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	23/08/1999	LS	KHXHNV			
16	500328	17030735	NGUYỄN THỊ DỊU	26/09/1999	LS	KHXHNV			
17	500329	17030736	Lê Minh Đức	07/08/1998	LS	KHXHNV			
18	500330	17030737	Nguyễn Văn Đức	04/03/1996	LS	KHXHNV			
19	500331	17030738	PHAN TẮT ĐỨC	02/02/1999	LS	KHXHNV			
20	500332	17030747	NGO NGUYEN PHUONG HÀ	05/12/1999	LS	KHXHNV			
21	500333	17030749	TRẦN THU HÀ	02/05/1999	LS	KHXHNV			
22	500334	17030756	TRẦN THU HIỀN	09/12/1999	LS	KHXHNV			
23	500335	17030757	TRƯỜNG THỊ THUY HIỀN	18/08/1999	LS	KHXHNV			
24	500336	17030759	NGUYỄN THỊ HOÀN	23/11/1999	LS	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 42-301 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500337	17030760	VŨ NAM HOÀNG	12/12/1999	LS	KHXHNV			
2	500338	17030761	DƯƠNG THỊ THÚY HỒNG	07/06/1999	LS	KHXHNV			
3	500339	17030762	NGUYỄN VĂN HUẤN	12/04/1999	LS	KHXHNV			
4	500340	17030767	ĐỖ VĂN HƯỞNG	24/11/1998	LS	KHXHNV			
5	500341	17030768	PHẠM QUỐC HUY	01/12/1999	LS	KHXHNV			
6	500342	17030769	TRẦN ĐỨC HUY	15/11/1999	LS	KHXHNV			
7	500343	17030773	VŨ QUÝ LÂM	23/02/1999	LS	KHXHNV			
8	500344	17030777	LÊ THỊ QUỲNH LINH	01/06/1999	LS	KHXHNV			
9	500345	17030786	LƯƠNG THỊ LƯU LY	08/08/1999	LS	KHXHNV			
10	500346	17030787	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	07/09/1999	LS	KHXHNV			
11	500347	17030789	HOÀNG NGỌC MAI	08/09/1999	LS	KHXHNV			
12	500348	17030790	NGUYỄN CHI MAI	14/08/1999	LS	KHXHNV			
13	500349	17030793	HUỶNH THANH MỘNG	29/01/1999	LS	KHXHNV			
14	500350	17030796	TRẦN THỊ NGA	24/05/1999	LS	KHXHNV			
15	500351	17030803	NGUYỄN VŨ HẢI NGUYỄN	28/10/1999	LS	KHXHNV			
16	500352	17030808	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	04/12/1999	LS	KHXHNV			
17	500353	17030809	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	23/12/1999	LS	KHXHNV			
18	500354	17030810	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	27/08/1999	LS	KHXHNV			
19	500355	17030814	ĐINH THỊ QUANG	28/07/1999	LS	KHXHNV			
20	500356	17030818	ĐỖ THỊ XUÂN QUỲNH	04/01/1999	LS	KHXHNV			
21	500357	17030821	LÊ HỒNG THÁI	28/07/1998	LS	KHXHNV			
22	500358	17030822	CHU THỊ PHƯƠNG THANH	23/06/1999	LS	KHXHNV			
23	500359	17030823	NGUYỄN THỊ THANH	30/07/1999	LS	KHXHNV			
24	500360	17030829	TRƯƠNG DUY TIẾN	01/07/1998	LS	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 43-302 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500361	17030833	NGUYEN THI THUY TRANG	01/09/1999	LS	KHXHNV			
2	500362	17030834	TRẦN THỊ THU TRANG	15/05/1999	LS	KHXHNV			
3	500363	17030838	ĐÀO THU VÂN	07/04/1999	LS	KHXHNV			
4	500364	17030839	NGUYỄN BÍCH VÂN	28/03/1999	LS	KHXHNV			
5	500365	17030840	VŨ MINH VƯỢNG	09/05/1999	LS	KHXHNV			
6	500366	17030841	HỒ THỊ XÀU	03/07/1999	LS	KHXHNV			
7	500367	17030842	HOÀNG THỊ ANH	26/11/1999	LTH	KHXHNV			
8	500368	17030843	NGÔ THỊ NGỌC ANH	15/02/1999	LTH	KHXHNV			
9	500369	17030845	PHẠM MINH ANH	01/09/1999	LTH	KHXHNV			
10	500370	17030846	HÀ THỊ ÁNH	13/07/1998	LTH	KHXHNV			
11	500371	17030847	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	05/04/1999	LTH	KHXHNV			
12	500372	17030848	TRẦN THỊ BẢO	08/03/1999	LTH	KHXHNV			
13	500373	17030850	PHẠM THỊ DUNG	25/02/1999	LTH	KHXHNV			
14	500374	17030854	NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM	16/11/1999	LTH	KHXHNV			
15	500375	17030855	VŨ THỊ TRÀ GIANG	21/05/1999	LTH	KHXHNV			
16	500376	17030857	NGUYỄN THU HẪ	08/12/1999	LTH	KHXHNV			
17	500377	17030858	ĐỖ THỊ MỸ HẠNH	22/09/1999	LTH	KHXHNV			
18	500378	17030862	NGUYỄN THỊ HOA	15/07/1999	LTH	KHXHNV			
19	500379	17030863	NGUYỄN THỊ HỒNG	29/09/1999	LTH	KHXHNV			
20	500380	17030865	NGUYỄN THANH HUYỀN	07/06/1999	LTH	KHXHNV			
21	500381	17030866	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	19/09/1999	LTH	KHXHNV			
22	500382	17030867	TẠ THỊ HUYỀN	17/05/1999	LTH	KHXHNV			
23	500383	17030869	TRẦN THỊ LÀNH	10/10/1999	LTH	KHXHNV			
24	500384	17030870	LÒ THỊ LÊ	26/03/1998	LTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 44-303 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500385	17030873	NGUYỄN THẢO LY	26/09/1999	LTH	KHXHNV			
2	500386	17030874	NGUYỄN THỊ MẾN	02/04/1999	LTH	KHXHNV			
3	500387	17030875	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	26/05/1999	LTH	KHXHNV			
4	500388	17030878	HOÀNG PHƯƠNG NHUNG	18/04/1999	LTH	KHXHNV			
5	500389	17030879	NGUYỄN HỒNG NHUNG	14/12/1998	LTH	KHXHNV			
6	500390	17030880	LÊ THỊ KIM QUY	21/01/1999	LTH	KHXHNV			
7	500391	17030881	TRẦN THỊ QUYÊN	29/06/1999	LTH	KHXHNV			
8	500392	17030882	NGUYỄN THÚY QUỲNH	25/06/1999	LTH	KHXHNV			
9	500393	17030883	NGUYỄN DUY SƠN	08/03/1999	LTH	KHXHNV			
10	500394	17030889	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	09/08/1999	LTH	KHXHNV			
11	500395	17030891	NGUYỄN THU TRÀ	08/09/1999	LTH	KHXHNV			
12	500396	17030892	NGUYỄN MINH TRANG	03/11/1999	LTH	KHXHNV			
13	500397	17030896	BÙI THỊ KHÁNH VÂN	16/02/1999	LTH	KHXHNV			
14	500398	17030899	ĐỖ THỊ YẾN	07/06/1999	LTH	KHXHNV			
15	500399	17030900	BÙI TUẤN ANH	19/06/1999	NNH	KHXHNV			
16	500400	17030903	ĐOÀN THỊ QUỲNH ANH	24/11/1999	NNH	KHXHNV			
17	500401	17030904	NGUYỄN THỊ LAN ANH	16/03/1999	NNH	KHXHNV			
18	500402	17030905	PHẠM HOÀNG ANH	12/09/1999	NNH	KHXHNV			
19	500403	17030906	ĐÀO NGUYỆT ÁNH	19/11/1999	NNH	KHXHNV			
20	500404	17030908	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	17/04/1999	NNH	KHXHNV			
21	500405	17030910	ĐÀO HỒNG BÌNH	20/01/1999	NNH	KHXHNV			
22	500406	17030913	LÊ VĂN CƯƠNG	12/06/1998	NNH	KHXHNV			
23	500407	17030915	NGUYỄN ANH ĐÀO	14/04/1999	NNH	KHXHNV			
24	500408	17030919	CAO VIỆT ĐỨC	24/01/1999	NNH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 45-304 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500409	17030921	TRẦN THỊ NGỌC DUYÊN	01/07/1999	NNH	KHXHNV			
2	500410	17030925	LÊ THỊ THANH HIỀN	13/11/1999	NNH	KHXHNV			
3	500411	17030926	NGÔ DUY HIỆP	08/12/1998	NNH	KHXHNV			
4	500412	17030927	LÊ THỊ PHƯƠNG HOA	08/09/1998	NNH	KHXHNV			
5	500413	17030929	TRẦN ĐĂNG THỊ HOA	25/09/1999	NNH	KHXHNV			
6	500414	17030931	NGUYỄN THANH HƯƠNG	05/12/1999	NNH	KHXHNV			
7	500415	17030933	Chu Ngọc Huyền	27/09/1998	NNH	KHXHNV			
8	500416	17030935	NGUYỄN THANH LAM	27/12/1999	NNH	KHXHNV			
9	500417	17030937	TRẦN THỊ LAN	04/07/1999	NNH	KHXHNV			
10	500418	17030941	LÊ KHÁNH LINH	17/06/1999	NNH	KHXHNV			
11	500419	17030943	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	03/08/1999	NNH	KHXHNV			
12	500420	17030944	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	16/06/1999	NNH	KHXHNV			
13	500421	17030945	NGUYỄN THỦY LINH	02/12/1999	NNH	KHXHNV			
14	500422	17030948	VŨ THỊ SAO MAI	01/01/1999	NNH	KHXHNV			
15	500423	17030949	ĐÌNH QUANG MINH	30/09/1999	NNH	KHXHNV			
16	500424	17030953	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	11/05/1999	NNH	KHXHNV			
17	500425	17030954	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	12/12/1999	NNH	KHXHNV			
18	500426	17030955	NGUYỄN THỊ HỒNG NGUYỄN	02/02/1999	NNH	KHXHNV			
19	500427	17030957	ĐỖ THỊ NHUNG	25/09/1999	NNH	KHXHNV			
20	500428	17030959	NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG	27/10/1999	NNH	KHXHNV			
21	500429	17030960	TRẦN QUANG NINH	05/10/1997	NNH	KHXHNV			
22	500430	17030962	NGUYỄN PHONG PHÚ	29/08/1999	NNH	KHXHNV			
23	500431	17030966	NGUYỄN THU PHƯƠNG	11/02/1999	NNH	KHXHNV			
24	500432	17030967	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	31/01/1999	NNH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 46-306 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500433	17030968	ĐÀM THỊ MINH TÂM	17/01/1996	NNH	KHXHNV			
2	500434	17030970	PHẠM PHƯƠNG THẢO	02/06/1999	NNH	KHXHNV			
3	500435	17030971	LÃ THỊ HÀ THU	04/10/1999	NNH	KHXHNV			
4	500436	17030973	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	20/06/1998	NNH	KHXHNV			
5	500437	17030976	PHẠM THỊ THỦY	22/12/1999	NNH	KHXHNV			
6	500438	17030977	TRIỆU THỊ MỸ TIÊN	01/10/1999	NNH	KHXHNV			
7	500439	17030980	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	04/05/1999	NNH	KHXHNV			
8	500440	17030981	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	17/03/1998	NNH	KHXHNV			
9	500441	17030985	NGÔ THỊ VÂN	03/02/1999	NNH	KHXHNV			
10	500442	17030989	MAI TÚ ANH	15/09/1999	NH	KHXHNV			
11	500443	17030990	NGUYỄN MAI ANH	09/06/1999	NH	KHXHNV			
12	500444	17030992	NGUYỄN NHƯ TUẤN ANH	27/06/1993	NH	KHXHNV			
13	500445	17030993	PHẠM THỰC ANH	12/08/1999	NH	KHXHNV			
14	500446	17030995	PHẠM LINH CHI	20/10/1999	NH	KHXHNV			
15	500447	17030997	KIỀU THỊ CHUNG	28/05/1999	NH	KHXHNV			
16	500448	17030998	PHẠM HẢI ĐỊNH	19/11/1999	NH	KHXHNV			
17	500449	17031000	PHÙNG THỦY DƯƠNG	13/09/1999	NH	KHXHNV			
18	500450	17031002	PHÙNG THỊ HÀ DUYÊN	13/01/1999	NH	KHXHNV			
19	500451	17031003	NGÔ LINH HƯƠNG GIANG	04/11/1999	NH	KHXHNV			
20	500452	17031004	ĐỖ PHƯƠNG HÀ	03/02/1999	NH	KHXHNV			
21	500453	17031005	NGUYỄN THÚY HÀ	08/02/1999	NH	KHXHNV			
22	500454	17031007	LÊ THỊ HẠNH	29/03/1999	NH	KHXHNV			
23	500455	17031010	PHẠM THANH HOA	19/12/1999	NH	KHXHNV			
24	500456	17031011	NGUYỄN THỊ HOÀI	02/03/1999	NH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 47-307 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500457	17031012	VŨ MẠNH HOÀN	29/06/1999	NH	KHXHNV			
2	500458	17031014	LÊ MINH HUY	26/02/1997	NH	KHXHNV			
3	500459	17031016	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	13/08/1999	NH	KHXHNV			
4	500460	17031018	TRẦN THỊ TÙNG LÂM	02/09/1999	NH	KHXHNV			
5	500461	17031020	NGUYỄN THUY LINH	21/11/1999	NH	KHXHNV			
6	500462	17031022	QUÁCH HUỆ LINH	25/09/1999	NH	KHXHNV			
7	500463	17031026	TẠ THỊ HƯƠNG LY	21/11/1999	NH	KHXHNV			
8	500464	17031027	NGÔ THỊ TUYẾT MAI	25/09/1999	NH	KHXHNV			
9	500465	17031032	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	04/04/1999	NH	KHXHNV			
10	500466	17031034	PHẠM ANH NGỌC	27/08/1999	NH	KHXHNV			
11	500467	17031036	HOÀNG HỒNG NHUNG	26/04/1999	NH	KHXHNV			
12	500468	17031037	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	17/01/1999	NH	KHXHNV			
13	500469	17031041	NGÔ MAI PHƯƠNG	19/10/1999	NH	KHXHNV			
14	500470	17031042	TRẦN LÊ HÀ PHƯƠNG	25/11/1999	NH	KHXHNV			
15	500471	17031043	LÊ VĂN QUANG	16/03/1998	NH	KHXHNV			
16	500472	17031044	NGUYỄN XUÂN QUANG	28/03/1998	NH	KHXHNV			
17	500473	17031045	NGUYỄN THỊ QUỲNH	05/07/1999	NH	KHXHNV			
18	500474	17031046	ĐỖ THỊ TÂM	16/10/1999	NH	KHXHNV			
19	500475	17031049	CHU VĂN THẮNG	11/04/1999	NH	KHXHNV			
20	500476	17031051	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	24/07/1999	NH	KHXHNV			
21	500477	17031052	PHẠM DƯƠNG THẢO	13/04/1999	NH	KHXHNV			
22	500478	17031053	TRƯƠNG PHƯƠNG THẢO	15/04/1999	NH	KHXHNV			
23	500479	17031054	TRẦN THỊ KIM THOA	10/04/1984	NH	KHXHNV			
24	500480	17031055	TRẦN THỊ MINH THU	10/09/1999	NH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 48-401 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500481	17031057	BÙI NGÂN HÀ TRANG	15/05/1999	NH	KHXHNV			
2	500482	17031058	CHU THU HIỀN TRANG	14/12/1999	NH	KHXHNV			
3	500483	17031061	NGUYỄN THỊ TRANG	16/11/1999	NH	KHXHNV			
4	500484	17031062	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	24/07/1999	NH	KHXHNV			
5	500485	17031064	VŨ THÙY VÂN	13/12/1999	NH	KHXHNV			
6	500486	17031067	DUƠNG THỊ CHANG	07/10/1998	QHCC	KHXHNV			
7	500487	17031068	NGUYỄN MINH CHÂU	04/04/1999	QHCC	KHXHNV			
8	500488	17031069	LẠI THỊ THANH CHÚC	07/03/1999	QHCC	KHXHNV			
9	500489	17031070	TRẦN MINH CƯỜNG	28/10/1999	QHCC	KHXHNV			
10	500490	17031071	PHAN THỊ HÀ DUNG	26/09/1999	QHCC	KHXHNV			
11	500491	17031072	TRẦN THÙY DƯƠNG	31/05/1999	QHCC	KHXHNV			
12	500492	17031074	NGUYỄN THỊ HÀ	26/01/1999	QHCC	KHXHNV			
13	500493	17031075	PHẠM THIÊN HÀ	23/05/1999	QHCC	KHXHNV			
14	500494	17031076	PHAN THỊ THU HÀ	08/11/1999	QHCC	KHXHNV			
15	500495	17031077	Cam Thị Hằng	02/07/1998	QHCC	KHXHNV			
16	500496	17031079	NGUYỄN THỊ HIỀN	23/07/1999	QHCC	KHXHNV			
17	500497	17031080	TRẦN THỊ THU HIỀN	25/12/1999	QHCC	KHXHNV			
18	500498	17031081	VŨ THỊ THANH HIỀN	07/02/1998	QHCC	KHXHNV			
19	500499	17031083	TRỊNH THỊ HOÀI	24/06/1999	QHCC	KHXHNV			
20	500500	17031086	HÀ THỊ HUỆ	03/02/1999	QHCC	KHXHNV			
21	500501	17031088	HOÀNG THẾ HÙNG	15/02/1998	QHCC	KHXHNV			
22	500502	17031089	ĐINH THỊ QUỲNH HƯƠNG	28/05/1998	QHCC	KHXHNV			
23	500503	17031092	BÙI THỊ HUYỀN	25/02/1999	QHCC	KHXHNV			
24	500504	17031094	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	14/08/1999	QHCC	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 49-402 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500505	17031095	LƯƠNG THỊ LIÊN	02/01/1999	QHCC	KHXHNV			
2	500506	17031097	ĐẶNG THUỶ LINH	16/07/1999	QHCC	KHXHNV			
3	500507	17031100	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	13/05/1999	QHCC	KHXHNV			
4	500508	17031101	NGUYỄN THỊ LINH	25/01/1999	QHCC	KHXHNV			
5	500509	17031102	NGUYỄN THUỶ LINH	09/01/1999	QHCC	KHXHNV			
6	500510	17031104	PHAN THỊ HẢI LY	13/07/1999	QHCC	KHXHNV			
7	500511	17031106	Nguyễn Ngọc Mai	24/12/1998	QHCC	KHXHNV			
8	500512	17031108	THÁI NGUYỄN BÍCH NGỌC	25/08/1999	QHCC	KHXHNV			
9	500513	17031111	HOÀNG THỊ BÍCH NHÀN	13/06/1999	QHCC	KHXHNV			
10	500514	17031113	ĐỖ THỊ NHUNG	21/10/1999	QHCC	KHXHNV			
11	500515	17031114	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	08/09/1999	QHCC	KHXHNV			
12	500516	17031115	CHU THỊ PHƯƠNG	11/04/1999	QHCC	KHXHNV			
13	500517	17031117	ỨNG THỊ LAN PHƯƠNG	14/10/1999	QHCC	KHXHNV			
14	500518	17031118	HOÀNG THỊ QUYÊN	14/01/1999	QHCC	KHXHNV			
15	500519	17031119	ĐỖ TỐ QUỲNH	21/05/1999	QHCC	KHXHNV			
16	500520	17031120	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	29/08/1999	QHCC	KHXHNV			
17	500521	17031121	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	05/12/1999	QHCC	KHXHNV			
18	500522	17031122	VŨ THỊ THẢO	14/01/1999	QHCC	KHXHNV			
19	500523	17031123	PHAN THỊ QUỲNH THƠ	10/09/1999	QHCC	KHXHNV			
20	500524	17031124	Vũ Đức Thông	17/09/1997	QHCC	KHXHNV			
21	500525	17031125	TRẦN THỊ THÚY	28/11/1997	QHCC	KHXHNV			
22	500526	17031128	NGUYỄN THỊ TRANG	22/01/1999	QHCC	KHXHNV			
23	500527	17031129	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	30/09/1999	QHCC	KHXHNV			
24	500528	17031130	TRẦN HUYỀN TRANG	13/09/1999	QHCC	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 50-403 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500529	17031131	TRẦN THỊ THANH TRÚC	25/03/1999	QHCC	KHXHNV			
2	500530	17031132	NGUYỄN THỊ TUYẾT	26/06/1999	QHCC	KHXHNV			
3	500531	17031133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	30/12/1999	QHCC	KHXHNV			
4	500532	17031135	NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN	17/03/1999	QHCC	KHXHNV			
5	500533	17031139	Vũ Quỳnh Anh	26/12/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
6	500534	17031140	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	24/08/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
7	500535	17031141	TRẦN THỊ NGỌC BÍCH	03/02/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
8	500536	17031142	HOÀNG THỊ THU BIỂU	14/02/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
9	500537	17031145	NGUYỄN QUANG ĐỨC	22/03/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
10	500538	17031148	HOÀNG THỊ DUNG	23/02/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
11	500539	17031149	LƯƠNG MẠNH DŨNG	27/05/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
12	500540	17031150	Nguyễn Thành Dũng	07/09/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
13	500541	17031152	LÒ THU HÀ	20/12/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
14	500542	17031153	PHẠM THU HÀ	22/11/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
15	500543	17031155	VŨ THỊ THU HÀ	05/11/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
16	500544	17031156	HÀ THỊ HẰNG	07/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
17	500545	17031157	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	17/01/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
18	500546	17031158	TRƯƠNG MỸ HẠNH	11/04/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
19	500547	17031162	LÊ THỊ THU HOÀI	20/07/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
20	500548	17031163	HOÀNG THỊ HUỆ	16/08/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
21	500549	17031164	LA THỊ HUỆ	17/01/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
22	500550	17031165	PHAN THỊ HUỆ	05/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
23	500551	17031166	LƯƠNG THỊ HƯƠNG	24/06/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
24	500552	17031167	LÝ THÚY HƯƠNG	02/06/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 51-404 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500553	17031168	TRỊNH CÔNG HỮU	02/11/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
2	500554	17031169	HÀ THỊ HUYỀN	23/06/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
3	500555	17031170	LÊ NGỌC HUYỀN	03/08/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
4	500556	17031171	LÊ THỊ HUYỀN	22/05/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
5	500557	17031172	VI THỊ HUYỀN	23/06/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
6	500558	17031174	TRIỆU THỊ KIM	04/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
7	500559	17031175	DƯƠNG THỊ HẠNH KÍNH	23/04/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
8	500560	17031176	Đông Bảo Lâm	02/02/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
9	500561	17031177	HÀ THỊ PHƯƠNG LAN	05/02/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
10	500562	17031178	TRẦN THỊ LAN	30/10/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
11	500563	17031180	BÙI THỊ DIỆU LINH	21/07/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
12	500564	17031181	LƯƠNG KHÁNH LINH	07/07/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
13	500565	17031182	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	01/01/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
14	500566	17031183	NGUYỄN THÙY LINH	12/12/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
15	500567	17031184	NGUYỄN THỊ MAI	29/11/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
16	500568	17031185	NGUYỄN THỊ MAI	16/11/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
17	500569	17031186	ĐINH HUYỀN MY	12/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
18	500570	17031187	BÙI THANH NGA	06/06/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
19	500571	17031189	TRIỆU THỊ HỒNG NGÂM	28/01/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
20	500572	17031190	ĐỖ THỊ NGÂN	02/04/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
21	500573	17031192	BẠCH THỊ BÍCH NGỌC	14/07/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
22	500574	17031193	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	28/01/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
23	500575	17031194	LÔ THỊ NGỌC	13/11/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
24	500576	17031195	LÝ THỊ HỒNG NGUYỆT	24/08/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 52- 406 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500577	17031197	ĐÌNH THỊ TUYẾT NHỊ	27/12/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
2	500578	17031198	HÀ THỊ NHIÊN	07/03/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
3	500579	17031199	NGUYỄN THỊ HƯƠNG NHƯ	08/08/1997	QTDVDL&LH	KHXHNV			
4	500580	17031201	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	01/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
5	500581	17031202	DƯƠNG THỊ OANH	19/01/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
6	500582	17031204	TẶNG THỊ THU PHƯƠNG	16/05/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
7	500583	17031205	VI THỊ PHƯƠNG	15/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
8	500584	17031207	HÀ THỊ TÂM	15/02/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
9	500585	17031208	NGUYỄN THỊ HẠNH THẨM	02/07/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
10	500586	17031209	ĐẶNG THỊ THANH THANH	09/03/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
11	500587	17031210	NGUYỄN THỊ THANH	13/07/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
12	500588	17031211	VI THỊ THANH	03/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
13	500589	17031212	HÀ PHƯƠNG THẢO	03/06/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
14	500590	17031213	HOÀNG THỊ THẢO	22/03/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
15	500591	17031214	LÝ THỊ THẢO	07/05/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
16	500592	17031215	NGUYỄN THỊ THẢO	24/04/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
17	500593	17031216	VY THỊ PHƯƠNG THẢO	17/09/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
18	500594	17031218	TRẦN THỊ THƯƠNG	19/06/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
19	500595	17031220	HÀ DIỆU THUÝ	23/10/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
20	500596	17031223	NGUYỄN THỊ TIỀN	15/01/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
21	500597	17031225	DƯƠNG THỊ TRANG	07/05/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
22	500598	17031226	VŨ THÙY TRANG	16/07/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
23	500599	17031230	QUÁCH THỊ UYÊN	09/05/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
24	500600	17031231	NGUYỄN THỊ UYÊN	04/07/1997	QTDVDL&LH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 53-407 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500601	17031232	LƯƠNG THỊ VÂN	14/08/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
2	500602	17031235	HOÀNG THỊ VĨNH	04/10/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
3	500603	17031236	Phạm Minh Vương	09/05/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
4	500604	17031237	ĐÀM THỊ KIM YẾN	17/04/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
5	500605	17031238	ĐỖ BẢO YẾN	27/06/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
6	500606	17031239	VŨ NGỌC YẾN	27/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
7	500607	17031240	BÀN VĂN ANH	19/11/1999	QTKS	KHXHNV			
8	500608	17031241	ĐẶNG NHẬT ANH	28/09/1998	QTKS	KHXHNV			
9	500609	17031242	ĐỐI THỊ VÂN ANH	09/05/1999	QTKS	KHXHNV			
10	500610	17031243	Nguyễn Phương Anh	24/09/1998	QTKS	KHXHNV			
11	500611	17031244	NGUYỄN TÚ ANH	24/06/1999	QTKS	KHXHNV			
12	500612	17031245	TRẦN THỊ KIM ANH	04/05/1999	QTKS	KHXHNV			
13	500613	17031246	LƯƠNG THỊ BIỆN	13/12/1999	QTKS	KHXHNV			
14	500614	17031247	LÔ THỊ DIỆU BÌNH	31/01/1999	QTKS	KHXHNV			
15	500615	17031248	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	09/06/1999	QTKS	KHXHNV			
16	500616	17031250	LÒ THỊ KIM ĐAN	13/12/1999	QTKS	KHXHNV			
17	500617	17031251	ĐINH CÔNG ĐẠT	17/07/1999	QTKS	KHXHNV			
18	500618	17031252	KHUAT HOANG THIEN ĐỨC	30/11/1998	QTKS	KHXHNV			
19	500619	17031254	HOÀNG THÙY DUNG	24/07/1999	QTKS	KHXHNV			
20	500620	17031255	NGUYỄN THỊ DUNG	21/02/1999	QTKS	KHXHNV			
21	500621	17031256	HOÀNG THÙY DƯƠNG	29/05/1999	QTKS	KHXHNV			
22	500622	17031258	VŨ LAN GIANG	29/10/1999	QTKS	KHXHNV			
23	500623	17031259	NGUYỄN THỊ THU HÀ	24/07/1999	QTKS	KHXHNV			
24	500624	17031260	Nông Ngọc Hà	07/06/1998	QTKS	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 54-408 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500625	17031261	NGUYỄN VĂN HÂN	15/01/1998	QTKS	KHXHNV			
2	500626	17031262	BÙI THỊ HẰNG	28/02/1999	QTKS	KHXHNV			
3	500627	17031263	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	10/12/1999	QTKS	KHXHNV			
4	500628	17031264	AN THỊ HỒNG HẠNH	17/03/1999	QTKS	KHXHNV			
5	500629	17031265	ĐÌNH THỊ THU HẠNH	03/01/1999	QTKS	KHXHNV			
6	500630	17031266	NGUYỄN BÍCH HẠNH	13/10/1999	QTKS	KHXHNV			
7	500631	17031267	ĐẶNG THỊ HẬU	23/07/1999	QTKS	KHXHNV			
8	500632	17031268	ĐỖ THỊ THU HIỀN	06/03/1999	QTKS	KHXHNV			
9	500633	17031269	NÔNG THỊ MINH HIỀN	22/09/1999	QTKS	KHXHNV			
10	500634	17031270	TRẦN TRUNG HIẾU	12/08/1999	QTKS	KHXHNV			
11	500635	17031271	NÔNG ĐỨC HÌNH	07/09/1999	QTKS	KHXHNV			
12	500636	17031273	TRẦN VĂN HOÀNG	28/03/1999	QTKS	KHXHNV			
13	500637	17031274	MẠC MINH HỒNG	14/08/1999	QTKS	KHXHNV			
14	500638	17031275	PHẠM THỊ HỒNG	21/04/1999	QTKS	KHXHNV			
15	500639	17031277	NGUYỄN THU HUỆ	14/10/1999	QTKS	KHXHNV			
16	500640	17031278	NGUYỄN VIỆT HÙNG	01/02/1999	QTKS	KHXHNV			
17	500641	17031279	TRẦN THỊ HƯƠNG	10/07/1999	QTKS	KHXHNV			
18	500642	17031280	ĐẶNG THU HUYỀN	06/03/1999	QTKS	KHXHNV			
19	500643	17031282	TÒNG THỊ KHÁNH	17/10/1999	QTKS	KHXHNV			
20	500644	17031283	ĐÌNH DIỆU LINH	08/01/1999	QTKS	KHXHNV			
21	500645	17031286	THÁI THỊ THÙY LINH	25/07/1999	QTKS	KHXHNV			
22	500646	17031287	NGÔ THỊ LƯU	11/11/1999	QTKS	KHXHNV			
23	500647	17031289	NGUYỄN THỊ LY	15/09/1999	QTKS	KHXHNV			
24	500648	17031290	TRIỆU THỊ MAI	22/01/1999	QTKS	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 55-501 GD A2 ; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500649	17031291	TRIỆU THỊ NÁY	12/09/1999	QTKS	KHXHNV			
2	500650	17031292	ĐÀO THỊ HỒNG NGÂN	06/10/1999	QTKS	KHXHNV			
3	500651	17031293	KIỀU THỊ NGÂN	30/06/1998	QTKS	KHXHNV			
4	500652	17031295	PHAN THỊ NGỌC	25/12/1999	QTKS	KHXHNV			
5	500653	17031296	PHẠM THANH NGUYỄN	23/06/1999	QTKS	KHXHNV			
6	500654	17031298	LÊ THƯ PHƯƠNG	18/07/1999	QTKS	KHXHNV			
7	500655	17031299	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	17/12/1999	QTKS	KHXHNV			
8	500656	17031302	MAI THỊ QUỲNH	09/08/1999	QTKS	KHXHNV			
9	500657	17031304	LÝ THỊ SÍNH	08/11/1999	QTKS	KHXHNV			
10	500658	17031307	NGUYỄN ĐỨC TÂM	02/08/1999	QTKS	KHXHNV			
11	500659	17031308	HỒ THỊ THẨM	27/02/1999	QTKS	KHXHNV			
12	500660	17031309	HOÀNG THỊ THẨM	13/04/1999	QTKS	KHXHNV			
13	500661	17031310	VI VĂN THÀNH	18/09/1999	QTKS	KHXHNV			
14	500662	17031312	TRẦN THỊ THẢO	05/10/1999	QTKS	KHXHNV			
15	500663	17031314	NGUYỄN THỊ THU	09/12/1999	QTKS	KHXHNV			
16	500664	17031319	BÙI THÚY TRÀ	20/08/1999	QTKS	KHXHNV			
17	500665	17031320	LÊ THỊ TRANG	12/05/1999	QTKS	KHXHNV			
18	500666	17031321	Phạm Quỳnh Trang	25/04/1999	QTKS	KHXHNV			
19	500667	17031322	PHAN THỊ THÙY TRANG	04/08/1999	QTKS	KHXHNV			
20	500668	17031323	TRẦN THỊ THÙY TRANG	03/08/1999	QTKS	KHXHNV			
21	500669	17031326	Nguyễn Văn Trường	24/08/1998	QTKS	KHXHNV			
22	500670	17031327	BÙI THỊ PHƯƠNG UYÊN	09/11/1999	QTKS	KHXHNV			
23	500671	17031328	BÙI THỊ THU UYÊN	22/03/1999	QTKS	KHXHNV			
24	500672	17031330	NGUYỄN THỊ XUÂN	30/11/1999	QTKS	KHXHNV			
25	600001	16030474	Phạm Phương Thảo	17/04/1998	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 56-502 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500673	17031331	HOÀNG HẢI YẾN	08/09/1999	QTKS	KHXHNV			
2	500674	17031339	NGUYỄN VĂN DŨNG	20/08/1999	QTVP	KHXHNV			
3	500675	17031340	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	20/11/1999	QTVP	KHXHNV			
4	500676	17031341	BÙI HỒNG DUYÊN	08/01/1998	QTVP	KHXHNV			
5	500677	17031342	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	14/12/1999	QTVP	KHXHNV			
6	500678	17031343	NGUYỄN THỊ HUƠNG GIANG	26/08/1999	QTVP	KHXHNV			
7	500679	17031345	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	03/09/1999	QTVP	KHXHNV			
8	500680	17031350	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	10/11/1999	QTVP	KHXHNV			
9	500681	17031351	ĐÌNH THU HƯỜNG	15/01/1999	QTVP	KHXHNV			
10	500682	17031352	HOÀNG THỊ HƯỜNG	21/05/1999	QTVP	KHXHNV			
11	500683	17031354	MA ĐÌNH HUYNH	17/11/1999	QTVP	KHXHNV			
12	500684	17031355	TRẦN QUANG KHẢI	10/05/1999	QTVP	KHXHNV			
13	500685	17031356	NGUYỄN THỊ KIỀU	28/10/1999	QTVP	KHXHNV			
14	500686	17031357	VŨ THỊ MỸ LINH	17/08/1999	QTVP	KHXHNV			
15	500687	17031358	BÙI NGỌC HƯƠNG LY	29/10/1999	QTVP	KHXHNV			
16	500688	17031360	NGÔ THỊ HÀ MY	10/11/1999	QTVP	KHXHNV			
17	500689	17031361	TRẦN TIẾN NAM	01/09/1998	QTVP	KHXHNV			
18	500690	17031363	KHÚC THỊ NHÀN	19/01/1999	QTVP	KHXHNV			
19	500691	17031364	NGUYỄN THỊ NHÀN	26/07/1999	QTVP	KHXHNV			
20	500692	17031365	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	01/11/1999	QTVP	KHXHNV			
21	500693	17031367	LOAN THỊ PHƯƠNG	02/01/1998	QTVP	KHXHNV			
22	500694	17031368	NGÔ PHÙNG THU PHƯƠNG	02/12/1999	QTVP	KHXHNV			
23	500695	17031369	LƯU THỊ KHÁNH QUYÊN	02/09/1999	QTVP	KHXHNV			
24	500696	17031370	BÙI THỊ HOA QUỲNH	21/03/1999	QTVP	KHXHNV			
25	600002	16030485	Hoàng Thị Hải Yến	06/07/1998	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 57-503 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500697	17031372	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	19/03/1999	QTVP	KHXHNV			
2	500698	17031373	NGUYỄN THỊ THẢO	24/08/1999	QTVP	KHXHNV			
3	500699	17031375	NGUYỄN THỊ THI	11/02/1999	QTVP	KHXHNV			
4	500700	17031376	NÔNG THỊ THOA	15/12/1999	QTVP	KHXHNV			
5	500701	17031377	PHẠM THỊ THƠM	05/11/1999	QTVP	KHXHNV			
6	500702	17031378	HOÀNG HOÀI THU	24/09/1999	QTVP	KHXHNV			
7	500703	17031380	NGHIÊM THỊ THUỶ	23/05/1999	QTVP	KHXHNV			
8	500704	17031381	PHAN THỊ THÚY	26/06/1999	QTVP	KHXHNV			
9	500705	17031382	NGUYỄN THỊ THỦY	12/08/1999	QTVP	KHXHNV			
10	500706	17031383	Hoàng Thu Trang	02/09/1998	QTVP	KHXHNV			
11	500707	17031384	PHẠM MINH TRANG	24/04/1999	QTVP	KHXHNV			
12	500708	17031385	HÀ THỊ TU	30/06/1999	QTVP	KHXHNV			
13	500709	17031388	ĐÀO THỊ THANH VÂN	10/04/1999	QTVP	KHXHNV			
14	500710	17031389	LÊ THỊ KHÁNH VÂN	06/02/1999	QTVP	KHXHNV			
15	500711	17031392	LA THỊ VIỄN	13/01/1999	QTVP	KHXHNV			
16	500712	17031393	PHẠM NGỌC THẢO VY	13/07/1999	QTVP	KHXHNV			
17	500713	17031394	LĂNG THỊ Ý	17/05/1999	QTVP	KHXHNV			
18	500714	17031395	LĂNG THỊ YẾN	16/10/1999	QTVP	KHXHNV			
19	500715	17031397	NGÔ GIA THIÊN AN	22/09/1999	QTH	KHXHNV			
20	500716	17031398	BÙI QUỲNH ANH	17/03/1999	QTH	KHXHNV			
21	500717	17031399	ĐINH HỒNG ANH	15/06/1998	QTH	KHXHNV			
22	500718	17031400	DƯƠNG THỊ LAN ANH	21/09/1999	QTH	KHXHNV			
23	500719	17031403	NGUYỄN MAI ANH	09/12/1999	QTH	KHXHNV			
24	500720	17031404	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	10/01/1999	QTH	KHXHNV			
25	600003	17030117	ĐỖ THU TRANG	30/04/1999	BC	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 58-404 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500721	17031405	NGUYỄN THỊ KIM ANH	16/12/1999	QTH	KHXHNV			
2	500722	17031406	NGUYỄN THÙY ANH	05/08/1999	QTH	KHXHNV			
3	500723	17031409	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	08/05/1999	QTH	KHXHNV			
4	500724	17031412	NGÔ THỊ HỒNG CHINH	15/03/1998	QTH	KHXHNV			
5	500725	17031413	HÀ THỊ CÚC	17/04/1999	QTH	KHXHNV			
6	500726	17031415	BÙI THỊ THU GIANG	01/03/1999	QTH	KHXHNV			
7	500727	17031416	LƯƠNG THỊ THU GIANG	22/10/1999	QTH	KHXHNV			
8	500728	17031417	NÔNG NGUYỆT HÀ	06/03/1997	QTH	KHXHNV			
9	500729	17031418	PHÙNG NGUYỄN NGỌC HÀ	16/02/1999	QTH	KHXHNV			
10	500730	17031420	TRẦN THU HÀ	14/02/1999	QTH	KHXHNV			
11	500731	17031421	TRẦN THỊ THU HẰNG	01/12/1999	QTH	KHXHNV			
12	500732	17031424	MAI THỊ HIỀN	27/07/1999	QTH	KHXHNV			
13	500733	17031425	ĐOÀN THỊ HIỀN	16/10/1998	QTH	KHXHNV			
14	500734	17031426	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	04/07/1999	QTH	KHXHNV			
15	500735	17031427	BÙI THỊ HỒNG HIỆP	30/10/1999	QTH	KHXHNV			
16	500736	17031429	PHẠM THỊ HOA	20/07/1999	QTH	KHXHNV			
17	500737	17031430	VŨ THỊ HOA	22/03/1999	QTH	KHXHNV			
18	500738	17031431	ĐẶNG VŨ HÙNG	10/04/1999	QTH	KHXHNV			
19	500739	17031433	HOÀNG THỊ HƯƠNG	05/06/1999	QTH	KHXHNV			
20	500740	17031434	NGUYỄN LAN HƯƠNG	14/10/1999	QTH	KHXHNV			
21	500741	17031435	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	14/01/1999	QTH	KHXHNV			
22	500742	17031436	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	26/10/1999	QTH	KHXHNV			
23	500743	17031438	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	23/10/1998	QTH	KHXHNV			
24	500744	17031439	PHAN THỊ THANH HUYỀN	13/11/1999	QTH	KHXHNV			
25	600004	17030161	NGUYỄN TRUNG HIỆU	15/07/1999	CTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 59-506 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500745	17031440	TRẦN THỊ HUYỀN	27/02/1999	QTH	KHXHNV			
2	500746	17031441	VŨ PHÚC KHANG	15/12/1999	QTH	KHXHNV			
3	500747	17031443	NGUYỄN THỊ LAN	10/01/1999	QTH	KHXHNV			
4	500748	17031444	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	06/02/1999	QTH	KHXHNV			
5	500749	17031445	NGUYỄN THỊ THÚY LAN	01/12/1999	QTH	KHXHNV			
6	500750	17031446	Hà Hương Liên	01/12/1998	QTH	KHXHNV			
7	500751	17031447	NGUYỄN HỒNG LIÊN	16/06/1999	QTH	KHXHNV			
8	500752	17031448	LÊ KHÁNH LINH	25/05/1999	QTH	KHXHNV			
9	500753	17031450	TRẦN THỊ DIỆU LINH	02/12/1999	QTH	KHXHNV			
10	500754	17031451	TRỊNH HẠNH LINH	20/08/1999	QTH	KHXHNV			
11	500755	17031454	BÙI NGỌC LUYẾN	20/11/1999	QTH	KHXHNV			
12	500756	17031455	LÃNG LY LY	14/10/1999	QTH	KHXHNV			
13	500757	17031458	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	15/05/1997	QTH	KHXHNV			
14	500758	17031459	NGUYỄN THỊ THANH MẶN	27/08/1999	QTH	KHXHNV			
15	500759	17031460	NGUYỄN THỊ MINH	25/02/1999	QTH	KHXHNV			
16	500760	17031462	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	06/02/1999	QTH	KHXHNV			
17	500761	17031464	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	17/05/1999	QTH	KHXHNV			
18	500762	17031465	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	05/12/1999	QTH	KHXHNV			
19	500763	17031466	HOÀNG THỊ NGÂN	23/07/1999	QTH	KHXHNV			
20	500764	17031467	VŨ THỊ NGÁT	28/06/1999	QTH	KHXHNV			
21	500765	17031468	ĐỖ THỊ HỒNG NGOAN	25/02/1999	QTH	KHXHNV			
22	500766	17031469	HOÀNG BÍCH NGỌC	25/08/1999	QTH	KHXHNV			
23	500767	17031470	LÊ THỊ NGỌC	23/08/1999	QTH	KHXHNV			
24	500768	17031471	PHẠM HỒNG NGỌC	23/10/1998	QTH	KHXHNV			
25	600005	17030182	NGUYỄN NGỌC LINH	09/07/1999	CTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 60-507 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500769	17031472	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	26/05/1999	QTH	KHXHNV			
2	500770	17031473	VŨ THỊ YÊN NHI	24/11/1999	QTH	KHXHNV			
3	500771	17031474	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	06/09/1999	QTH	KHXHNV			
4	500772	17031475	MA THỊ NINH	01/01/1999	QTH	KHXHNV			
5	500773	17031476	LÊ XUÂN PHONG	25/08/1998	QTH	KHXHNV			
6	500774	17031477	ĐÌNH THỊ PHÚC	11/11/1999	QTH	KHXHNV			
7	500775	17031478	TRẦN MINH PHƯƠNG	05/08/1999	QTH	KHXHNV			
8	500776	17031480	NGUYỄN MINH QUANG	18/02/1999	QTH	KHXHNV			
9	500777	17031482	VŨ VĂN QUYẾT	29/09/1999	QTH	KHXHNV			
10	500778	17031483	ĐỖ THỊ QUỲNH	12/01/1999	QTH	KHXHNV			
11	500779	17031484	ĐỒNG THỊ HOA QUỲNH	16/02/1998	QTH	KHXHNV			
12	500780	17031485	HUỲNH THỊ QUỲNH	22/04/1999	QTH	KHXHNV			
13	500781	17031487	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	06/01/1999	QTH	KHXHNV			
14	500782	17031489	ĐÀO CHÍ TÂM	26/05/1999	QTH	KHXHNV			
15	500783	17031490	NGUYỄN THỊ THẨM	21/07/1999	QTH	KHXHNV			
16	500784	17031491	NGUYỄN THỊ THANH	08/10/1999	QTH	KHXHNV			
17	500785	17031492	LƯƠNG THỊ THẢO	10/03/1997	QTH	KHXHNV			
18	500786	17031494	LÊ QUANG THÔNG	24/09/1999	QTH	KHXHNV			
19	500787	17031495	NGUYỄN THỊ LỆ THU	23/10/1999	QTH	KHXHNV			
20	500788	17031496	NGUYỄN THỊ MAI THU	23/06/1997	QTH	KHXHNV			
21	500789	17031497	NÔNG PHƯƠNG THU	24/11/1999	QTH	KHXHNV			
22	500790	17031498	PHẠM THỊ THU	30/06/1998	QTH	KHXHNV			
23	500791	17031502	LÊ THỊ HỒNG THƯƠNG	11/04/1999	QTH	KHXHNV			
24	500792	17031504	Nguyễn Thị Thúy	11/11/1998	QTH	KHXHNV			
25	600006	17030216	HÀ CHÍ THỨC	08/05/1999	CTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 61-610 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500793	17031506	TRỊNH THỊ THỦY	11/04/1999	QTH	KHXHNV			
2	500794	17031507	HOÀNG THỊ TIÊN	17/01/1998	QTH	KHXHNV			
3	500795	17031509	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	02/07/1999	QTH	KHXHNV			
4	500796	17031510	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	15/09/1999	QTH	KHXHNV			
5	500797	17031511	PHÙNG THỊ THÙY TRANG	06/09/1999	QTH	KHXHNV			
6	500798	17031513	TRẦN THU TRANG	12/12/1999	QTH	KHXHNV			
7	500799	17031514	VŨ QUỲNH TRANG	12/11/1999	QTH	KHXHNV			
8	500800	17031515	VŨ THỊ HÀ TRANG	03/02/1999	QTH	KHXHNV			
9	500801	17031516	PHẠM QUANG TRUNG	01/11/1999	QTH	KHXHNV			
10	500802	17031517	Ngô Quang Trường	10/09/1998	QTH	KHXHNV			
11	500803	17031518	PHẠM HỮU TUYỀN	05/11/1997	QTH	KHXHNV			
12	500804	17031519	NGUYỄN THỊ XIÊM	25/04/1997	QTH	KHXHNV			
13	500805	17031520	CHU THỊ HẢI YẾN	12/02/1999	QTH	KHXHNV			
14	500806	17031523	NGUYỄN QUANG ANH	26/03/1999	TLH	KHXHNV			
15	500807	17031524	NGUYỄN TẠ ANH	05/05/1999	TLH	KHXHNV			
16	500808	17031525	NGUYỄN THỊ DIỆU ANH	02/05/1998	TLH	KHXHNV			
17	500809	17031526	NGUYỄN THỊ KIM ANH	25/02/1999	TLH	KHXHNV			
18	500810	17031527	NGUYỄN THỊ MAI ANH	22/06/1999	TLH	KHXHNV			
19	500811	17031530	VŨ VINH ANH	04/04/1999	TLH	KHXHNV			
20	500812	17031531	PHAN THỊ ÁNH	09/07/1999	TLH	KHXHNV			
21	500813	17031532	NGUYỄN ĐĂNG BÌNH	15/06/1999	TLH	KHXHNV			
22	500814	17031535	NGUYỄN THỊ KIM CHI	18/05/1999	TLH	KHXHNV			
23	500815	17031536	TRẦN LINH CHI	12/11/1999	TLH	KHXHNV			
24	500816	17031538	ĐỖ MINH CHIẾN	04/10/1999	TLH	KHXHNV			
25	600007	17030223	HOÀNG ANH TUẤN	19/03/1999	CTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 62-511 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500817	17031540	LUU THẾ CƯỜNG	14/01/1998	TLH	KHXHNV			
2	500818	17031541	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	25/11/1999	TLH	KHXHNV			
3	500819	17031542	HOÀNG BÍCH ĐÀO	12/11/1999	TLH	KHXHNV			
4	500820	17031543	Nguyễn Đức Đạt	05/03/1998	TLH	KHXHNV			
5	500821	17031544	NGUYỄN THỊ DIỄM	22/03/1998	TLH	KHXHNV			
6	500822	17031545	NGUYỄN THỊ DIỆU	16/12/1999	TLH	KHXHNV			
7	500823	17031547	LÊ ANH ĐỨC	10/11/1999	TLH	KHXHNV			
8	500824	17031548	NÔNG PHÚ ĐỨC	08/07/1998	TLH	KHXHNV			
9	500825	17031550	Lương Công Dũng	08/03/1998	TLH	KHXHNV			
10	500826	17031551	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	17/01/1999	TLH	KHXHNV			
11	500827	17031552	HOÀNG THỊ HỒNG DUYÊN	16/05/1999	TLH	KHXHNV			
12	500828	17031553	NGUYỄN THỊ HÀ	21/08/1999	TLH	KHXHNV			
13	500829	17031555	VŨ NGỌC HÀ	15/08/1999	TLH	KHXHNV			
14	500830	17031556	ĐOÀN THỊ HẰNG	30/09/1999	TLH	KHXHNV			
15	500831	17031559	PHẠM THANH HẰNG	02/06/1999	TLH	KHXHNV			
16	500832	17031561	NGUYỄN THỊ THANH HOA	10/12/1998	TLH	KHXHNV			
17	500833	17031562	KHÔNG THỊ HÒA	15/11/1999	TLH	KHXHNV			
18	500834	17031563	NGÔ THỊ KHÁNH HOÀI	02/02/1999	TLH	KHXHNV			
19	500835	17031564	PHAN THỊ HOÀI	07/07/1999	TLH	KHXHNV			
20	500836	17031566	HOÀNG VĂN HOAN	26/02/1999	TLH	KHXHNV			
21	500837	17031571	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	22/09/1999	TLH	KHXHNV			
22	500838	17031572	DƯƠNG THỊ LỆ	24/05/1999	TLH	KHXHNV			
23	500839	17031574	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN	01/07/1999	TLH	KHXHNV			
24	500840	17031576	HOÀNG THỊ DIỆP LINH	10/04/1999	TLH	KHXHNV			
25	600008	17030265	LÂM THỊ LY	23/01/1997	CTXH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 63-512 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500841	17031577	LÊ THỊ MỸ LINH	28/05/1999	TLH	KHXHNV			
2	500842	17031578	LÊ THỊ THÙY LINH	12/10/1998	TLH	KHXHNV			
3	500843	17031579	LƯƠNG THUYỀN LINH	10/03/1999	TLH	KHXHNV			
4	500844	17031580	NGUYỄN THỊ LINH	23/09/1999	TLH	KHXHNV			
5	500845	17031582	NGUYỄN THÙY LINH	08/07/1999	TLH	KHXHNV			
6	500846	17031583	TRẦN THỊ MỸ LINH	04/07/1999	TLH	KHXHNV			
7	500847	17031584	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	10/02/1999	TLH	KHXHNV			
8	500848	17031585	NGUYỄN QUẾ LY	27/06/1999	TLH	KHXHNV			
9	500849	17031586	HÀ THỊ MAI	31/05/1999	TLH	KHXHNV			
10	500850	17031587	NGUYỄN HIỀN MAI	02/08/1999	TLH	KHXHNV			
11	500851	17031589	LÊ ĐẠI MINH	07/05/1999	TLH	KHXHNV			
12	500852	17031592	TRỊNH THỊ NGÀ	09/01/1999	TLH	KHXHNV			
13	500853	17031593	VŨ NGỌC NGÂN	25/10/1999	TLH	KHXHNV			
14	500854	17031594	HOÀNG THỊ NGUYỆT	09/07/1999	TLH	KHXHNV			
15	500855	17031596	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	02/06/1998	TLH	KHXHNV			
16	500856	17031597	ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	20/04/1999	TLH	KHXHNV			
17	500857	17031598	DOÃN NGUYỄN TÂM NHƯ	17/11/1999	TLH	KHXHNV			
18	500858	17031600	ĐÌNH THỊ NỘI	07/08/1999	TLH	KHXHNV			
19	500859	17031601	VỠ THỊ LÂM OANH	05/07/1999	TLH	KHXHNV			
20	500860	17031602	HOÀNG THỊ PHƯỚC	18/10/1999	TLH	KHXHNV			
21	500861	17031603	ĐỖ MAI PHƯƠNG	01/04/1999	TLH	KHXHNV			
22	500862	17031605	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	08/10/1999	TLH	KHXHNV			
23	500863	17031606	NHỮ HÀ PHƯƠNG	21/10/1999	TLH	KHXHNV			
24	500864	17031607	PHẠM GIA PHƯƠNG	01/09/1999	TLH	KHXHNV			
25	600009	17030570	LÊ ĐỖ ANH	02/02/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 64-601 A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500865	17031608	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	07/06/1999	TLH	KHXHNV			
2	500866	17031612	NGUYỄN THỊ QUỲNH	16/01/1999	TLH	KHXHNV			
3	500867	17031618	ĐỖ THỊ XUÂN THU	18/10/1999	TLH	KHXHNV			
4	500868	17031620	TRIỆU THỊ THƯ	03/10/1999	TLH	KHXHNV			
5	500869	17031621	BÙI HUYỀN THƯƠNG	16/03/1999	TLH	KHXHNV			
6	500870	17031623	HÀ THỊ THÙY	26/02/1999	TLH	KHXHNV			
7	500871	17031626	Nguyễn Ngọc Trâm	16/01/1998	TLH	KHXHNV			
8	500872	17031627	PHẠM THÙY TRANG	07/03/1999	TLH	KHXHNV			
9	500873	17031629	NGUYỄN KIỀU TRINH	01/10/1999	TLH	KHXHNV			
10	500874	17031630	ĐÀO ĐỨC TRƯỜNG	23/03/1999	TLH	KHXHNV			
11	500875	17031631	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	05/02/1999	TLH	KHXHNV			
12	500876	17031634	ĐẶNG TỎ UYÊN	24/04/1999	TLH	KHXHNV			
13	500877	17031635	NGUYỄN THỊ VÂN	15/02/1999	TLH	KHXHNV			
14	500878	17031636	TRẦN THANH VÂN	10/09/1999	TLH	KHXHNV			
15	500879	17031637	BÙI THANH VĂN	03/08/1996	TLH	KHXHNV			
16	500880	17031638	ĐÀO NGỌC KHÁNH VI	21/07/1999	TLH	KHXHNV			
17	500881	17031640	NGUYỄN TƯỜNG VI	12/07/1999	TLH	KHXHNV			
18	500882	17031641	ĐÀO TUẤN ANH	04/03/1999	TTH	KHXHNV			
19	500883	17031642	LÊ ĐỨC ANH	16/08/1999	TTH	KHXHNV			
20	500884	17031643	NGUYỄN HOÀNG ANH	14/12/1999	TTH	KHXHNV			
21	500885	17031644	NGUYỄN PHẠM HÀ ANH	31/08/1999	TTH	KHXHNV			
22	500886	17031645	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	29/05/1999	TTH	KHXHNV			
23	500887	17031647	VI MINH ANH	08/08/1999	TTH	KHXHNV			
24	500888	17031648	NGÔ DUY BẰNG	12/03/1999	TTH	KHXHNV			
25	600010	17030600	BÙI ĐỨC HOÀNG	06/11/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 65-602 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500889	17031649	LƯƠNG LÊ NGỌC CHÂU	14/05/1999	TTH	KHXHNV			
2	500890	17031650	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	10/03/1999	TTH	KHXHNV			
3	500891	17031653	NGUYỄN THỊ THUY DƯƠNG	12/02/1999	TTH	KHXHNV			
4	500892	17031655	LÊ THỊ HẰNG	26/07/1998	TTH	KHXHNV			
5	500893	17031656	NGÔ VĂN HIỆU	24/03/1999	TTH	KHXHNV			
6	500894	17031659	LÊ NAM HUY	30/11/1999	TTH	KHXHNV			
7	500895	17031661	ĐỖ THU HUYỀN	05/10/1999	TTH	KHXHNV			
8	500896	17031662	Phùng Văn Kiên	04/11/1997	TTH	KHXHNV			
9	500897	17031663	DOÃN ĐỨC LÂM	25/06/1998	TTH	KHXHNV			
10	500898	17031664	LÊ THỊ LỆ	05/01/1999	TTH	KHXHNV			
11	500899	17031665	DƯƠNG GIANG LINH	19/01/1999	TTH	KHXHNV			
12	500900	17031667	NGUYỄN XUÂN ĐIỆU LINH	10/05/1999	TTH	KHXHNV			
13	500901	17031668	LÊ THỊ CẨM LY	23/10/1999	TTH	KHXHNV			
14	500902	17031669	TRẦN HOÀI LY	08/05/1999	TTH	KHXHNV			
15	500903	17031670	LÊ THỊ THANH MAI	06/07/1999	TTH	KHXHNV			
16	500904	17031671	NGUYỄN SỸ MINH	24/03/1999	TTH	KHXHNV			
17	500905	17031672	TẠ TIẾN MINH	11/10/1999	TTH	KHXHNV			
18	500906	17031673	NGUYỄN THỊ MƠ	19/10/1999	TTH	KHXHNV			
19	500907	17031674	BÙI VĂN NINH	15/06/1999	TTH	KHXHNV			
20	500908	17031675	LƯƠNG ĐÌNH QUANG	08/09/1999	TTH	KHXHNV			
21	500909	17031676	LƯƠNG THỊ QUYÊN	16/08/1999	TTH	KHXHNV			
22	500910	17031677	NGÔ TRÍ TÀI	05/02/1998	TTH	KHXHNV			
23	500911	17031678	NGUYỄN TRUNG THÀNH	01/06/1999	TTH	KHXHNV			
24	500912	17031679	LÊ VĂN THỜI	18/05/1999	TTH	KHXHNV			
25	600011	17030604	KIỀU THỊ HƯƠNG	01/10/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 66-603 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500913	17031680	LUU THỊ HOÀI THU	20/07/1999	TTH	KHXHNV			
2	500914	17031682	NGUYỄN BÍCH THỦY	13/08/1999	TTH	KHXHNV			
3	500915	17031684	LÊ QUANG TRƯỜNG	21/10/1999	TTH	KHXHNV			
4	500916	17031685	NGUYỄN KHẮC VINH	02/11/1999	TTH	KHXHNV			
5	500917	17031688	NGUYỄN ĐỨC ANH	08/05/1999	TGH	KHXHNV			
6	500918	17031689	NGUYỄN VI THẢO ANH	14/02/1999	TGH	KHXHNV			
7	500919	17031690	PHẠM THỊ QUẾ ANH	28/07/1999	TGH	KHXHNV			
8	500920	17031691	PHAN ĐỨC ANH	16/11/1999	TGH	KHXHNV			
9	500921	17031692	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	24/09/1999	TGH	KHXHNV			
10	500922	17031694	PHÙNG XUÂN BÁCH	03/07/1999	TGH	KHXHNV			
11	500923	17031696	PHẠM THỊ HẢI HÀ	07/07/1999	TGH	KHXHNV			
12	500924	17031699	NGUYỄN THỊ HẰNG	06/12/1999	TGH	KHXHNV			
13	500925	17031702	PHẠM THỊ MAI HOA	26/02/1999	TGH	KHXHNV			
14	500926	17031703	KIỀU DUY HÙNG	16/09/1999	TGH	KHXHNV			
15	500927	17031704	NGUYỄN QUỐC HÙNG	13/05/1999	TGH	KHXHNV			
16	500928	17031706	TRẦN VIỆT HƯƠNG	23/11/1999	TGH	KHXHNV			
17	500929	17031707	NGUYỄN QUANG HUY	02/11/1999	TGH	KHXHNV			
18	500930	17031711	LÊ THÙY LINH	07/07/1999	TGH	KHXHNV			
19	500931	17031712	NGUYỄN VĂN LINH	14/10/1999	TGH	KHXHNV			
20	500932	17031713	VŨ THẢO LINH	29/09/1999	TGH	KHXHNV			
21	500933	17031714	BÙI TÀI LỘC	18/09/1999	TGH	KHXHNV			
22	500934	17031715	BÙI HẢI LONG	05/07/1999	TGH	KHXHNV			
23	500935	17031716	DƯƠNG THÀNH LONG	12/06/1999	TGH	KHXHNV			
24	500936	17031717	PHÍ MINH MINH	07/08/1999	TGH	KHXHNV			
25	600012	17030615	NGUYỄN THỊ HỒNG MINH	20/05/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 67-604 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500937	17031719	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	04/03/1999	TGH	KHXHNV			
2	500938	17031720	MAI TRỌNG NGHĨA	16/07/1999	TGH	KHXHNV			
3	500939	17031724	ĐÀO THU OANH	20/04/1999	TGH	KHXHNV			
4	500940	17031727	LÊ HUYỀN PHƯƠNG	03/12/1999	TGH	KHXHNV			
5	500941	17031728	NGUYỄN GIANG HÀ PHƯƠNG	19/06/1999	TGH	KHXHNV			
6	500942	17031729	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	15/02/1999	TGH	KHXHNV			
7	500943	17031731	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	07/09/1999	TGH	KHXHNV			
8	500944	17031732	GIÁP GIANG SƠN	06/11/1999	TGH	KHXHNV			
9	500945	17031737	ĐÀO NGỌC TOÀN	22/08/1992	TGH	KHXHNV			
10	500946	17031738	NGUYỄN KIỀU TRANG	26/07/1999	TGH	KHXHNV			
11	500947	17031739	NGUYỄN THU TRANG	10/09/1999	TGH	KHXHNV			
12	500948	17031740	ĐÀO THÀNH TRUNG	30/03/1999	TGH	KHXHNV			
13	500949	17031741	CAO XUÂN TRƯỜNG	16/07/1999	TGH	KHXHNV			
14	500950	17031742	KHÚC CẨM TÚ	24/11/1999	TGH	KHXHNV			
15	500951	17031744	TRẦN ĐỨC ANH TUẤN	12/08/1999	TGH	KHXHNV			
16	500952	17031746	NGUYỄN VĂN VÂN	19/06/1999	TGH	KHXHNV			
17	500953	17031749	NGUYỄN ĐỨC ANH	23/02/1999	TH	KHXHNV			
18	500954	17031750	NGUYỄN ĐỨC TUẤN ANH	04/07/1998	TH	KHXHNV			
19	500955	17031753	PHẠM HÀ ANH	08/10/1999	TH	KHXHNV			
20	500956	17031754	PHẠM LAN ANH	22/03/1999	TH	KHXHNV			
21	500957	17031757	BÙI NGỌC ÁNH	07/10/1999	TH	KHXHNV			
22	500958	17031758	HOÀNG VĂN BÍCH	18/10/1998	TH	KHXHNV			
23	500959	17031761	ĐẶNG THỊ MINH DIỄM	12/02/1999	TH	KHXHNV			
24	500960	17031762	NGUYỄN THỊ DỊU	26/03/1999	TH	KHXHNV			
25	600013	17030616	MẠC TIỀN NAM	06/04/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 68-606 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500961	17031763	TRIỆU SINH DŨNG	23/04/1999	TH	KHXHNV			
2	500962	17031765	TRẦN TUẤN DƯƠNG	05/09/1999	TH	KHXHNV			
3	500963	17031766	NGUYỄN ĐĂNG DUY	13/09/1999	TH	KHXHNV			
4	500964	17031770	NGUYỄN THỊ NHƯ HOÀI	09/08/1999	TH	KHXHNV			
5	500965	17031772	NGUYỄN VĂN HUNG	19/12/1998	TH	KHXHNV			
6	500966	17031773	ĐINH THỊ THU HUYỀN	08/06/1999	TH	KHXHNV			
7	500967	17031775	TRẦN THU HUYỀN	01/10/1999	TH	KHXHNV			
8	500968	17031776	ĐỖ DUY KHẢI	21/08/1999	TH	KHXHNV			
9	500969	17031777	HỨA TRẦN NAM KHÔI	16/10/1999	TH	KHXHNV			
10	500970	17031778	NGUYỄN THỊ LAN	22/06/1999	TH	KHXHNV			
11	500971	17031780	LÊ NGỌC LINH	16/12/1999	TH	KHXHNV			
12	500972	17031783	TRẦN THỊ THU LINH	25/06/1999	TH	KHXHNV			
13	500973	17031785	THÂN VĂN LĨNH	02/06/1999	TH	KHXHNV			
14	500974	17031786	BÙI QUANG LONG	05/04/1999	TH	KHXHNV			
15	500975	17031788	TRẦN THANH MAI	07/10/1999	TH	KHXHNV			
16	500976	17031789	ĐÀO CÔNG MẠNH	08/04/1999	TH	KHXHNV			
17	500977	17031791	NGÔ BÌNH MINH	25/10/1997	TH	KHXHNV			
18	500978	17031792	NGUYỄN QUANG MINH	02/08/1999	TH	KHXHNV			
19	500979	17031793	CAO PHƯƠNG NAM	11/03/1999	TH	KHXHNV			
20	500980	17031794	MA THỊ MAI NGA	26/08/1999	TH	KHXHNV			
21	500981	17031795	ĐINH VĂN NGHIÊM	17/01/1999	TH	KHXHNV			
22	500982	17031797	NGÔ HỒNG NGỌC	28/11/1999	TH	KHXHNV			
23	500983	17031799	NGUYỄN THỊ NHÃN	11/04/1998	TH	KHXHNV			
24	500984	17031802	BÙI THỊ KIM OANH	04/11/1999	TH	KHXHNV			
25	600014	17030627	LÊ VŨ TRANG NHUNG	27/02/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 69-607 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	500985	17031805	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	26/07/1999	TH	KHXHNV			
2	500986	17031810	TRẦN VĂN THÁI	06/04/1999	TH	KHXHNV			
3	500987	17031811	PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH	09/09/1999	TH	KHXHNV			
4	500988	17031814	ĐỒNG THỊ GIANG THU	31/07/1999	TH	KHXHNV			
5	500989	17031816	NGUYỄN THỊ HUYEN THƯƠNG	26/03/1997	TH	KHXHNV			
6	500990	17031817	TÔ HOÀNG MINH TRANG	05/10/1999	TH	KHXHNV			
7	500991	17031820	LÊ ANH TRƯỜNG	15/01/1999	TH	KHXHNV			
8	500992	17031821	LƯƠNG VĂN TRƯỜNG	28/07/1997	TH	KHXHNV			
9	500993	17031822	ĐINH THANH TÙNG	22/11/1999	TH	KHXHNV			
10	500994	17031823	LÊ TRỌNG TÙNG	01/05/1999	TH	KHXHNV			
11	500995	17031824	NGUYỄN VIỆT TÙNG	12/07/1999	TH	KHXHNV			
12	500996	17031826	TRẦN THỊ THÚY VÂN	02/06/1999	TH	KHXHNV			
13	500997	17031828	ĐINH NAM AN	30/11/1999	VH	KHXHNV			
14	500998	17031829	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	27/10/1999	VH	KHXHNV			
15	500999	17031830	ĐÀO THỊ VÂN ANH	21/01/1999	VH	KHXHNV			
16	501000	17031831	LÊ LAN ANH	29/08/1999	VH	KHXHNV			
17	501001	17031832	NGUYỄN THỊ CHINH ANH	12/11/1999	VH	KHXHNV			
18	501002	17031833	NGUYỄN THỊ VIỆT ANH	10/12/1999	VH	KHXHNV			
19	501003	17031834	TRẦN NAM ANH	18/10/1999	VH	KHXHNV			
20	501004	17031836	VŨ THỊ MAI ANH	30/12/1999	VH	KHXHNV			
21	501005	17031838	CHU THỊ BÉ	15/05/1999	VH	KHXHNV			
22	501006	17031839	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	28/03/1999	VH	KHXHNV			
23	501007	17031840	VŨ DUY CHIẾN	22/06/1999	VH	KHXHNV			
24	501008	17031841	VŨ THỊ CÚC	29/01/1999	VH	KHXHNV			
25	600015	17030635	PHẠM TRÚC QUỲNH	17/05/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 70-608 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501009	17031842	PHÙNG VĂN ĐÔNG	13/03/1999	VH	KHXHNV			
2	501010	17031843	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	20/02/1999	VH	KHXHNV			
3	501011	17031844	TRẦN VĂN DUY	15/12/1999	VH	KHXHNV			
4	501012	17031845	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	29/04/1999	VH	KHXHNV			
5	501013	17031846	NGUYỄN THÙY GIANG	12/04/1999	VH	KHXHNV			
6	501014	17031849	NGUYỄN MINH HẰNG	04/11/1999	VH	KHXHNV			
7	501015	17031852	CÀ THỊ HIỀN	07/09/1999	VH	KHXHNV			
8	501016	17031854	HÀ THU HIỀN	17/12/1999	VH	KHXHNV			
9	501017	17031856	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	15/03/1999	VH	KHXHNV			
10	501018	17031860	BÙI THỊ NHẬT HỒNG	06/11/1999	VH	KHXHNV			
11	501019	17031861	NGUYỄN THỊ HUẾ	17/12/1999	VH	KHXHNV			
12	501020	17031862	ĐỖ THỊ THANH HUỆ	13/02/1999	VH	KHXHNV			
13	501021	17031863	LẠI THU HƯƠNG	19/07/1999	VH	KHXHNV			
14	501022	17031864	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	28/02/1996	VH	KHXHNV			
15	501023	17031865	VŨ THỊ THU HƯỜNG	19/01/1999	VH	KHXHNV			
16	501024	17031866	BÙI ĐÌNH QUANG HUY	22/11/1999	VH	KHXHNV			
17	501025	17031868	LÊ THU HUYỀN	05/05/1999	VH	KHXHNV			
18	501026	17031869	TRẦN MINH HUYỀN	02/02/1999	VH	KHXHNV			
19	501027	17031871	NGUYỄN THỊ GIÁNG KIỀU	14/09/1999	VH	KHXHNV			
20	501028	17031873	HOÀNG THỊ LAN	06/08/1999	VH	KHXHNV			
21	501029	17031877	LƯƠNG THỊ LINH	12/09/1999	VH	KHXHNV			
22	501030	17031879	NGUYỄN BẢO LINH	15/04/1999	VH	KHXHNV			
23	501031	17031880	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	12/11/1998	VH	KHXHNV			
24	501032	17031881	LƯU THỊ HỒNG LOAN	19/03/1999	VH	KHXHNV			
25	600016	17030663	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	16/04/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 71-610 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501033	17031882	NGUYEN TIEN THANH LUÂN	27/07/1999	VH	KHXHNV			
2	501034	17031883	TRẦN THỊ HƯƠNG LY	28/04/1999	VH	KHXHNV			
3	501035	17031884	TRẦN THỊ MAI	14/11/1999	VH	KHXHNV			
4	501036	17031885	TRIỆU MINH	12/09/1999	VH	KHXHNV			
5	501037	17031886	LÊ THỊ NGA	06/02/1999	VH	KHXHNV			
6	501038	17031887	NGUYỄN THU NGA	25/05/1999	VH	KHXHNV			
7	501039	17031888	NINH THỊ NGÀ	27/10/1999	VH	KHXHNV			
8	501040	17031889	KHÚC THỊ KIM NGÂN	02/12/1999	VH	KHXHNV			
9	501041	17031890	TRỊNH THỊ NGÁT	01/01/1999	VH	KHXHNV			
10	501042	17031891	BÙI ÁNH NGỌC	01/08/1999	VH	KHXHNV			
11	501043	17031893	LÊ HỒNG NHUNG	01/06/1999	VH	KHXHNV			
12	501044	17031898	TRÌNH XUÂN PHƯƠNG	18/10/1999	VH	KHXHNV			
13	501045	17031899	PHÙNG KIM QUÂN	08/12/1996	VH	KHXHNV			
14	501046	17031901	ĐỖ THỊ QUỲNH	18/05/1999	VH	KHXHNV			
15	501047	17031902	PHẠM THỊ QUỲNH	01/07/1999	VH	KHXHNV			
16	501048	17031904	NGUYEN NGO THANH TÂM	16/04/1999	VH	KHXHNV			
17	501049	17031907	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	07/04/1999	VH	KHXHNV			
18	501050	17031908	LÊ ANH THƯ	26/11/1999	VH	KHXHNV			
19	501051	17031909	NGUYEN HOANG ANH THƯ	28/01/1999	VH	KHXHNV			
20	501052	17031911	Hà Thị Thương	24/07/1998	VH	KHXHNV			
21	501053	17031912	TRAN PHUNG HOAI THƯƠNG	01/10/1999	VH	KHXHNV			
22	501054	17031913	NGÔ THỊ THU THỦY	05/04/1999	VH	KHXHNV			
23	501055	17031914	VŨ THỊ THỦY	21/06/1998	VH	KHXHNV			
24	501056	17031915	HOÀNG THỦY TIÊN	02/09/1999	VH	KHXHNV			
25	600017	17030665	NGUYỄN THANH TÙNG	19/09/1999	KHQL	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 72-611 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501057	17031916	TỪ THỊ THANH TRÀ	08/02/1999	VH	KHXHNV			
2	501058	17031917	DƯƠNG HUYỀN TRANG	10/02/1999	VH	KHXHNV			
3	501059	17031918	NGUYỄN THỊ THU TRANG	30/12/1999	VH	KHXHNV			
4	501060	17031919	NGUYỄN THỊ THU TRANG	12/12/1999	VH	KHXHNV			
5	501061	17031920	PHAN THÙY TRANG	29/11/1999	VH	KHXHNV			
6	501062	17031921	TÔ THỊ HUYỀN TRANG	12/09/1999	VH	KHXHNV			
7	501063	17031925	HÀ THỊ HẢI VÂN	22/03/1999	VH	KHXHNV			
8	501064	17031926	NGUYỄN THỊ XUÂN	21/01/1999	VH	KHXHNV			
9	501065	17031931	TẠ HỒNG AN	08/07/1999	VNH	KHXHNV			
10	501066	17031932	KIM THỊ VÂN ANH	26/08/1999	VNH	KHXHNV			
11	501067	17031933	TRỊNH MINH ANH	24/01/1999	VNH	KHXHNV			
12	501068	17031934	HOÀNG THỊ BÌNH	05/02/1999	VNH	KHXHNV			
13	501069	17031935	NGUYỄN VĂN BÌNH	19/03/1999	VNH	KHXHNV			
14	501070	17031937	ĐIỀN TRỌNG CƯỜNG	02/10/1999	VNH	KHXHNV			
15	501071	17031938	TRẦN VĂN ĐẠO	27/11/1999	VNH	KHXHNV			
16	501072	17031940	NGUYỄN VĂN ĐỨC	08/09/1999	VNH	KHXHNV			
17	501073	17031942	NGUYỄN THỊ THU DUNG	22/11/1999	VNH	KHXHNV			
18	501074	17031943	PHÙNG THỊ DUNG	03/03/1999	VNH	KHXHNV			
19	501075	17031944	NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	31/01/1999	VNH	KHXHNV			
20	501076	17031945	TRẦN THỊ LINH GIANG	13/09/1999	VNH	KHXHNV			
21	501077	17031946	THÂN THỊ THU HÀ	04/09/1999	VNH	KHXHNV			
22	501078	17031949	PHẠM THỊ HUỆ	21/06/1999	VNH	KHXHNV			
23	501079	17031950	LÊ THỊ MINH HUỆ	25/05/1999	VNH	KHXHNV			
24	501080	17031951	NGUYỄN VĂN HÙNG	03/06/1999	VNH	KHXHNV			
25	600018	17030828	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	27/05/1999	LS	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 73-701 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501081	17031953	XA THÚY HƯỜNG	15/08/1999	VNH	KHXHNV			
2	501082	17031956	LIU THỊ THẢO LINH	12/01/1999	VNH	KHXHNV			
3	501083	17031957	NGUYỄN DOÃN LINH	20/12/1998	VNH	KHXHNV			
4	501084	17031958	PHẠM THỊ LINH	05/07/1999	VNH	KHXHNV			
5	501085	17031959	PHẠM THỊ LINH	13/09/1999	VNH	KHXHNV			
6	501086	17031961	HOÀNG THỊ LY	26/10/1999	VNH	KHXHNV			
7	501087	17031963	PHÙNG THỊ NGỌC	13/02/1999	VNH	KHXHNV			
8	501088	17031966	NGUYỄN THỊ NHI	22/07/1999	VNH	KHXHNV			
9	501089	17031967	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	16/06/1999	VNH	KHXHNV			
10	501090	17031968	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	08/02/1999	VNH	KHXHNV			
11	501091	17031969	ĐỖ THỊ KIỀU OANH	24/01/1999	VNH	KHXHNV			
12	501092	17031970	THẢO A PÁO	06/06/1999	VNH	KHXHNV			
13	501093	17031972	LỘC THỊ PHƯƠNG	28/07/1999	VNH	KHXHNV			
14	501094	17031973	NGHIÊM THỊ PHƯƠNG	05/07/1999	VNH	KHXHNV			
15	501095	17031974	LÝ VĂN QUÝ	28/05/1999	VNH	KHXHNV			
16	501096	17031975	NGUYỄN THỊ HƯƠNG SEN	26/08/1999	VNH	KHXHNV			
17	501097	17031976	NGUYỄN THỊ THANH	17/07/1999	VNH	KHXHNV			
18	501098	17031977	TRẦN THỊ THANH THANH	04/08/1999	VNH	KHXHNV			
19	501099	17031978	BÙI TRUNG THÀNH	16/05/1999	VNH	KHXHNV			
20	501100	17031980	LƯƠNG THỊ THOAN	06/09/1999	VNH	KHXHNV			
21	501101	17031981	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	23/07/1999	VNH	KHXHNV			
22	501102	17031983	VŨ THỊ KIM THU	14/12/1999	VNH	KHXHNV			
23	501103	17031984	DƯƠNG THỊ THỨC	26/05/1999	VNH	KHXHNV			
24	501104	17031985	NGUYỄN AN THƯƠNG	04/06/1998	VNH	KHXHNV			
25	600019	17030861	LIU VĂN HINH	12/02/1999	LTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 74-702 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501105	17031986	VŨ THỊ THÚY	24/06/1999	VNH	KHXHNV			
2	501106	17031988	NGUYỄN VĂN TOÀN	24/11/1996	VNH	KHXHNV			
3	501107	17031989	ĐẶNG MINH TỐT	29/01/1997	VNH	KHXHNV			
4	501108	17031991	BÙI THỊ TRANG	09/04/1999	VNH	KHXHNV			
5	501109	17031992	BÙI THỊ THU TRANG	14/03/1999	VNH	KHXHNV			
6	501110	17031993	LÊ THỊ TRANG	27/10/1999	VNH	KHXHNV			
7	501111	17031994	NGUYỄN THỊ TRANG	08/02/1999	VNH	KHXHNV			
8	501112	17031995	NGUYỄN THỊ THU TRANG	15/08/1999	VNH	KHXHNV			
9	501113	17031997	TRẦN KIỀU TRANG	25/07/1999	VNH	KHXHNV			
10	501114	17031998	PHẠM THẾ TRIỂN	03/12/1999	VNH	KHXHNV			
11	501115	17031999	NÔNG THỊ LAN TRINH	15/05/1999	VNH	KHXHNV			
12	501116	17032000	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	12/01/1999	VNH	KHXHNV			
13	501117	17032002	NGUYỄN THANH VÂN	19/02/1999	VNH	KHXHNV			
14	501118	17032003	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	24/08/1999	VNH	KHXHNV			
15	501119	17032004	NGUYỄN THỊ MAI AN	12/11/1999	XHH	KHXHNV			
16	501120	17032006	ĐỒNG THỊ QUỲNH ANH	23/12/1999	XHH	KHXHNV			
17	501121	17032008	PHẠM TUẤN ANH	05/09/1999	XHH	KHXHNV			
18	501122	17032009	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	10/10/1999	XHH	KHXHNV			
19	501123	17032010	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	14/07/1999	XHH	KHXHNV			
20	501124	17032011	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	15/01/1999	XHH	KHXHNV			
21	501125	17032012	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	15/08/1999	XHH	KHXHNV			
22	501126	17032013	ĐINH THỊ QUỲNH CHÂM	30/10/1999	XHH	KHXHNV			
23	501127	17032014	ĐÀO LINH CHI	09/09/1999	XHH	KHXHNV			
24	501128	17032015	HÀ KIM CHI	15/08/1999	XHH	KHXHNV			
25	600020	17030868	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	18/06/1999	LTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 75-703 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501129	17032017	LÊ XUÂN CUƠNG	15/12/1999	XHH	KHXHNV			
2	501130	17032019	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	12/08/1999	XHH	KHXHNV			
3	501131	17032020	LÙ THỊ DƯƠNG	03/04/1999	XHH	KHXHNV			
4	501132	17032021	NGÔ THỊ KIM DUYÊN	09/12/1999	XHH	KHXHNV			
5	501133	17032022	HOA BẰNG GIANG	01/10/1999	XHH	KHXHNV			
6	501134	17032023	TRƯỜNG THỊ QUYNH GIANG	30/12/1999	XHH	KHXHNV			
7	501135	17032024	NGUYỄN MINH GIÁO	20/10/1999	XHH	KHXHNV			
8	501136	17032028	NGUYỄN THỊ HẰNG	06/07/1999	XHH	KHXHNV			
9	501137	17032029	TÔ THỊ HỒNG HẠNH	29/11/1999	XHH	KHXHNV			
10	501138	17032030	LÊ THÚY HẬU	30/08/1999	XHH	KHXHNV			
11	501139	17032031	NGUYỄN THỊ HẬU	08/08/1999	XHH	KHXHNV			
12	501140	17032032	KIM THỊ THU HIỀN	01/07/1999	XHH	KHXHNV			
13	501141	17032034	NGUYỄN HƯƠNG MỸ HOA	12/12/1999	XHH	KHXHNV			
14	501142	17032035	NGUYỄN THỊ HÒA	15/01/1999	XHH	KHXHNV			
15	501143	17032040	CAO THỊ THU HƯỜNG	05/06/1999	XHH	KHXHNV			
16	501144	17032041	QUAN THỊ HƯỜNG	08/10/1998	XHH	KHXHNV			
17	501145	17032043	TRƯỜNG THỊ KIM KHÁNH	15/12/1999	XHH	KHXHNV			
18	501146	17032044	NGÔ THỊ LAN	18/04/1999	XHH	KHXHNV			
19	501147	17032045	HÀ THÙY LINH	24/07/1999	XHH	KHXHNV			
20	501148	17032046	HOÀNG MAI LINH	01/11/1999	XHH	KHXHNV			
21	501149	17032050	TRẦN THỊ MỸ LINH	09/05/1998	XHH	KHXHNV			
22	501150	17032051	NGUYỄN THỊ LÝ	11/08/1999	XHH	KHXHNV			
23	501151	17032052	LÊ THỊ TRÀ MY	30/11/1999	XHH	KHXHNV			
24	501152	17032053	LÊ TRÀ MY	07/01/1999	XHH	KHXHNV			
25	600021	17030876	LIÊU THÚY NGỌC	26/12/1999	LTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 76-704 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501153	17032054	NÔNG THỊ BẰNG NGÀ	10/03/1999	XHH	KHXHNV			
2	501154	17032056	NGUYỄN HỒNG NGỌC	17/08/1999	XHH	KHXHNV			
3	501155	17032058	VŨ NGUYỄN LONG NHẬT	09/06/1999	XHH	KHXHNV			
4	501156	17032059	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	23/02/1999	XHH	KHXHNV			
5	501157	17032060	NGUYỄN THỊ NHUNG	05/07/1999	XHH	KHXHNV			
6	501158	17032061	CÀ THỊ NHƯƠI	28/07/1999	XHH	KHXHNV			
7	501159	17032064	TRƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	03/02/1999	XHH	KHXHNV			
8	501160	17032065	TRỊNH MINH QUANG	11/10/1999	XHH	KHXHNV			
9	501161	17032067	PHAN NGỌC KHÁNH TÂM	24/01/1997	XHH	KHXHNV			
10	501162	17032069	Lê Thị Thu Thảo	19/03/1998	XHH	KHXHNV			
11	501163	17032073	NGUYỄN THỊ LỆ THU	27/08/1999	XHH	KHXHNV			
12	501164	17032074	VƯƠNG NGỌC ANH THU	17/05/1999	XHH	KHXHNV			
13	501165	17032076	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	09/04/1999	XHH	KHXHNV			
14	501166	17032077	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	21/05/1999	XHH	KHXHNV			
15	501167	17032078	ĐẶNG THỊ THÚY	08/12/1999	XHH	KHXHNV			
16	501168	17032079	NGUYỄN THỊ THỦY	21/10/1999	XHH	KHXHNV			
17	501169	17032080	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	21/09/1999	XHH	KHXHNV			
18	501170	17032082	LÊ THỊ THU TRANG	27/09/1999	XHH	KHXHNV			
19	501171	17032083	NGUYỄN THÙY TRANG	08/09/1999	XHH	KHXHNV			
20	501172	17032088	Vi Văn Khánh	19/01/1998	NNH	KHXHNV			
21	501173	17032093	Hà Thị Duyên	07/08/1998	TLH	KHXHNV			
22	501174	17032094	Trịnh Minh Tâm	13/12/1998	TLH	KHXHNV			
23	501175	17032095	Lê Thị Thơm	15/05/1998	BC	KHXHNV			
24	600022	17030897	NGUYỄN THU VÂN	26/08/1999	LTH	KHXHNV			
25	600023	17030907	NGUYỄN NGỌC ÁNH	16/10/1999	NNH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 77-706 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501176	17032100	Vi Văn Tuấn	09/09/1998	CTXH	KHXHNV			
2	501177	17032101	Bùi Trung Dũng	18/08/1998	CTXH	KHXHNV			
3	501178	17032103	La Thị Ngân	20/12/1998	QTKS	KHXHNV			
4	501179	17032104	Diệp Thị Quỳnh	25/08/1998	QTVP	KHXHNV			
5	501180	17032105	Dương Trọng Ninh	10/05/1998	KHQL	KHXHNV			
6	501181	17032106	Hoàng Thị Chuyên	25/11/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
7	501182	17032108	Lương Văn Huyền	11/05/1998	QTDVDL&LH	KHXHNV			
8	501183	17032111	Vi Thanh Tùng	05/10/1998	CTH	KHXHNV			
9	501184	17032112	Triệu Thị Na	26/05/1998	QTVP	KHXHNV			
10	501185	17032115	Trương Nguyệt Hà	19/09/1999	QTDVDL&LH	KHXHNV			
11	501186	17032120	Dương Văn Đức	16/09/1998	CTH	KHXHNV			
12	501187	17032126	Đinh Thị Hương	08/11/1999	CTH	KHXHNV			
13	501188	17032130	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/08/1998	CTH	KHXHNV			
14	501189	17032135	Phạm Thị Phương	26/09/1999	CTH	KHXHNV			
15	501190	17032138	Hà Trọng Quý	24/08/1998	CTH	KHXHNV			
16	501191	17032156	Phạm Hà Thùy Dương	02/04/1999	CTXH	KHXHNV			
17	501192	17032157	Quân Thúy Hải	24/05/1998	CTXH	KHXHNV			
18	501193	17032159	Võ Quang Huy	24/09/1998	CTXH	KHXHNV			
19	501194	17032162	Vũ Linh Ngân	24/07/1999	CTXH	KHXHNV			
20	501195	17032175	Hoàng Thị Huyền Trang	22/04/1999	CTXH	KHXHNV			
21	501196	17032194	Nguyễn Thanh Hằng	05/12/1999	KHTV	KHXHNV			
22	501197	17032200	Nguyễn Văn Kế	29/03/1998	KHTV	KHXHNV			
23	501198	17032204	Nguyễn Nhật Linh	01/06/1998	KHTV	KHXHNV			
24	600024	17030909	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	09/03/1999	NNH	KHXHNV			
25	600025	17030918	DƯƠNG THỊ DIJU	24/02/1999	NNH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 78-707 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501199	17032223	Phạm Thị Thu Thủy	20/09/1999	KHTV	KHXHNV			
2	501200	17032226	Nhâm Phương Anh	27/01/1999	LS	KHXHNV			
3	501201	17032236	Nguyễn Văn Mạnh	22/05/1999	LS	KHXHNV			
4	501202	17032237	Nguyễn Thị Thu Phương	13/09/1999	LS	KHXHNV			
5	501203	17032239	Đặng Ngọc Sơn	03/01/1999	LS	KHXHNV			
6	501204	17032242	Nguyễn Thanh Thiên	03/08/1999	LS	KHXHNV			
7	501205	17032244	Nguyễn Thị Thu Trang	14/05/1999	LS	KHXHNV			
8	501206	17032250	Trần Thị Lan Anh	12/06/1999	LTH	KHXHNV			
9	501207	17032251	Ngô Thị Ánh	28/01/1999	LTH	KHXHNV			
10	501208	17032253	Trần Linh Chi	28/12/1999	LTH	KHXHNV			
11	501209	17032259	Lê Thị Thanh Hậu	06/10/1999	LTH	KHXHNV			
12	501210	17032260	Nguyễn Thị Thảo Hiền	28/11/1999	LTH	KHXHNV			
13	501211	17032262	Bùi Thị Quỳnh Hoa	21/03/1999	LTH	KHXHNV			
14	501212	17032266	Hoàng Duy Hưng	08/04/1999	LTH	KHXHNV			
15	501213	17032268	Đặng Thị Thu Hường	02/08/1999	LTH	KHXHNV			
16	501214	17032271	Nguyễn Thị Lành	28/07/1999	LTH	KHXHNV			
17	501215	17032274	Đặng Thị Diệu Ly	12/03/1999	LTH	KHXHNV			
18	501216	17032277	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	29/09/1999	LTH	KHXHNV			
19	501217	17032281	Hoàng Thị Như Quỳnh	12/06/1999	LTH	KHXHNV			
20	501218	17032289	Lê Thị Hà Thu	30/03/1999	LTH	KHXHNV			
21	501219	17032291	Trần Thị Minh Thư	01/08/1999	LTH	KHXHNV			
22	501220	17032292	Lê Phương Thúy	08/12/1999	LTH	KHXHNV			
23	501221	17032296	Bùi Hương Anh	09/09/1999	TH	KHXHNV			
24	600026	17030923	NGUYỄN THỊ HÀ	25/05/1999	NNH	KHXHNV			
25	600027	17030934	HÀ THỊ NGỌC HUYỀN	20/11/1999	NNH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 79-708 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501222	17032301	Nguyễn Văn Đạt	27/08/1999	TH	KHXHNV			
2	501223	17032304	Lưu Thị Giang	10/06/1999	TH	KHXHNV			
3	501224	17032306	Phạm Đức Sơn Hà	07/08/1999	TH	KHXHNV			
4	501225	17032307	Nguyễn Công Hân	06/08/1998	TH	KHXHNV			
5	501226	17032313	Lê Minh Hiếu	24/03/1999	TH	KHXHNV			
6	501227	17032317	Trần Minh Hiếu	25/08/1999	TH	KHXHNV			
7	501228	17032330	Lê Hoàng Lộc	30/11/1999	TH	KHXHNV			
8	501229	17032332	Nguyễn Hạnh Nga	03/12/1999	TH	KHXHNV			
9	501230	17032341	Đoàn Thị Thùy	17/09/1999	TH	KHXHNV			
10	501231	17032344	Nguyễn Thanh Trang	10/12/1999	TH	KHXHNV			
11	501232	17032347	Nguyễn Thanh Tùng	27/12/1998	TH	KHXHNV			
12	501233	17032355	Lê Thị Hoài An	20/02/1999	VH	KHXHNV			
13	501234	17032361	Nguyễn Thị Dự	14/09/1999	VH	KHXHNV			
14	501235	17032368	Nguyễn Thị Lệ	17/10/1999	VH	KHXHNV			
15	501236	17032371	Nguyễn Thùy Linh	27/12/1998	VH	KHXHNV			
16	501237	17032372	Vũ Thị Hoài Linh	08/11/1999	VH	KHXHNV			
17	501238	17032379	Nguyễn Thị Thanh Nhân	21/02/1999	VH	KHXHNV			
18	501239	17032385	Trần Diệu Thanh	22/10/1999	VH	KHXHNV			
19	501240	17032387	Phan Thị Thơ	07/12/1999	VH	KHXHNV			
20	501241	17032388	Hoàng Văn Thòa	20/06/1999	VH	KHXHNV			
21	501242	17032402	Trần Hải Anh	05/09/1999	XHH	KHXHNV			
22	501243	17032403	Trần Hoàng Anh	10/03/1999	XHH	KHXHNV			
23	501244	17032418	Phan Thị Hạnh	16/04/1999	XHH	KHXHNV			
24	600028	17030936	NGUYỄN THỊ LAN	03/01/1999	NNH	KHXHNV			
25	600029	17030942	MA CẨM DIỆU LINH	23/01/1999	NNH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 80-711 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501245	17032419	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/03/1999	XHH	KHXHNV			
2	501246	17032424	Nguyễn Việt Hoàng	17/10/1999	TH	KHXHNV			
3	501247	17032430	Tạ Thị Hà Ly	10/10/1999	XHH	KHXHNV			
4	501248	17032439	Nguyễn Thị Phương	04/01/1999	XHH	KHXHNV			
5	501249	17032448	Nguyễn Thị Trang	09/03/1999	XHH	KHXHNV			
6	501250	17032452	Hồ Sỹ Tuấn	02/01/1999	XHH	KHXHNV			
7	501251	17034001	NGUYỄN TRUNG HIẾU	18/09/1994	LS	KHXHNV			
8	501252		NGUYỄN QUỲNH CHI	24/12/1999	SPLS	KHXHNV			
9	501253		NGUYỄN THỊ DUNG	18/04/1999	SPLS	KHXHNV			
10	501254		PHAN HOÀNG HẢI	31/07/1999	SPLS	KHXHNV			
11	501255		NGUYỄN THÚY HẰNG	09/07/1999	SPLS	KHXHNV			
12	501256		HOÀNG CHUNG HIẾU	09/05/1998	SPLS	KHXHNV			
13	501257		ĐOÍ ĐĂNG HOÀNG	02/04/1999	SPLS	KHXHNV			
14	501258		BÙI THỊ HUỆ	09/10/1999	SPLS	KHXHNV			
15	501259		TRƯỜNG MAI HƯƠNG	06/11/1999	SPLS	KHXHNV			
16	501260		VŨ NGỌC LAN	25/01/1999	SPLS	KHXHNV			
17	501261		NGUYỄN MAI LINH	26/10/1999	SPLS	KHXHNV			
18	501262		NGUYỄN THỊ LINH	23/07/1999	SPLS	KHXHNV			
19	501263		TRIỆU THỊ MINH LÝ	02/06/1999	SPLS	KHXHNV			
20	501264		NGUYỄN PHƯƠNG NAM	14/09/1998	SPLS	KHXHNV			
21	501265		TRẦN THỊ MINH NGỌC	17/10/1999	SPLS	KHXHNV			
22	501266		TRẦN THANH HAI NGUYỄN	15/12/1999	SPLS	KHXHNV			
23	501267		LÝ THỊ NHUNG	11/03/1999	SPLS	KHXHNV			
24	600030	17030946	NGUYỄN THÙY LINH	01/10/1999	NNH	KHXHNV			
25	600031	17030963	CÙ NAM PHƯƠNG	24/09/1999	NNH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 81-801 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501268		VƯƠNG HUƠNG THẢO	12/12/1999	SPLS	KHXHNV			
2	501269		TRẦN THỊ THẢO	25/03/1998	SPLS	KHXHNV			
3	501270		TRẦN THỊ HOÀI THU	02/01/1999	SPLS	KHXHNV			
4	501271		TRẦN MAI THƯƠNG	10/02/1999	SPLS	KHXHNV			
5	501272		ĐOÀN THỊ THÚY	09/03/1997	SPLS	KHXHNV			
6	501273		ĐỖ THỊ THỦY	11/09/1999	SPLS	KHXHNV			
7	501274		VĂN THU TRANG	03/09/1997	SPLS	KHXHNV			
8	501275		HOÀNG THỊ XUÂN	13/04/1996	SPLS	KHXHNV			
9	501276		LÙ A XUYÊN	09/03/1999	SPLS	KHXHNV			
10	501277		LÊ PHƯƠNG ANH	22/12/1999	SPNV	KHXHNV			
11	501278		NGUYỄN TIẾN ANH	13/08/1999	SPNV	KHXHNV			
12	501279		HÀ VÂN ANH	21/12/1999	SPNV	KHXHNV			
13	501280		NGUYỄN THỊ LAN ANH	31/12/1999	SPNV	KHXHNV			
14	501281		NGUYỄN HẢI ANH	15/12/1999	SPNV	KHXHNV			
15	501282		ĐÀO HỒNG ÁNH	18/07/1999	SPNV	KHXHNV			
16	501283		TRẦN LINH CHI	26/12/1999	SPNV	KHXHNV			
17	501284		TRẦN THU CÚC	05/06/1999	SPNV	KHXHNV			
18	501285		NGUYỄN QUỲNH GIANG	30/01/1999	SPNV	KHXHNV			
19	501286		NGUYỄN THỊ THU HÀ	04/01/1999	SPNV	KHXHNV			
20	501287		CHU THỊ HÀ	04/07/1999	SPNV	KHXHNV			
21	501288		PHẠM THỊ HẢI HÀ	09/07/1999	SPNV	KHXHNV			
22	501289		NGUYỄN THỊ THU HÀ	14/10/1999	SPNV	KHXHNV			
23	501290		TRẦN KHÁNH HÀ	25/01/1999	SPNV	KHXHNV			
24	600032	17031029	TRẦN HÀ MY	03/11/1997	NH	KHXHNV			
25	600033	17031035	TRẦN PHƯƠNG NGỌC	06/04/1999	NH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 82-802 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501291		NGUYỄN THU HẰNG	14/02/1999	SPNV	KHXHNV			
2	501292		PHAN THỊ HẰNG	15/05/1999	SPNV	KHXHNV			
3	501293		NGUYỄN HỒNG HẠNH	05/11/1999	SPNV	KHXHNV			
4	501294		VŨ MINH HIỀN	06/09/1999	SPNV	KHXHNV			
5	501295		ĐỖ THỊ THU HOÀI	15/09/1999	SPNV	KHXHNV			
6	501296		NGUYỄN THỊ HOÀN	11/12/1999	SPNV	KHXHNV			
7	501297		NGUYỄN THỊ KIỀU	30/03/1999	SPNV	KHXHNV			
8	501298		HOÀNG THỊ LAN	25/04/1999	SPNV	KHXHNV			
9	501299		VŨ MỸ LINH	12/11/1999	SPNV	KHXHNV			
10	501300		NGUYỄN ĐIỀU LINH	03/03/1999	SPNV	KHXHNV			
11	501301		ĐỖ THỊ HẢI LINH	20/08/1999	SPNV	KHXHNV			
12	501302		NGUYỄN THỊ LOAN	03/08/1999	SPNV	KHXHNV			
13	501303		BÙI THỊ MAI	16/11/1999	SPNV	KHXHNV			
14	501304		NGÔ THỊ MAI	09/08/1999	SPNV	KHXHNV			
15	501305		ĐỖ THỊ MAI	16/02/1999	SPNV	KHXHNV			
16	501306		NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	12/11/1999	SPNV	KHXHNV			
17	501307		NGUYỄN QUỲNH MAI	03/06/1999	SPNV	KHXHNV			
18	501308		LÊ HỒNG MINH	27/01/1999	SPNV	KHXHNV			
19	501309		Nguyễn Thị Trà My	10/12/1998	SPNV	KHXHNV			
20	501310		LÊ HẢI NGỌC	22/04/1999	SPNV	KHXHNV			
21	501311		TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	22/10/1999	SPNV	KHXHNV			
22	501312		NGUYỄN HỒNG NHUNG	25/10/1999	SPNV	KHXHNV			
23	501313		NGUYỄN THỊ NHUNG	24/06/1999	SPNV	KHXHNV			
24	600034	17031379	TRỊNH THỊ XUÂN THƯƠNG	17/02/1999	QTVP	KHXHNV			
25	600035	17031456	NGUYỄN TUYẾT MAI	26/05/1999	QTH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 83-803 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	501314		HOÀNG THỊ NHUNG	09/06/1999	SPNV	KHXHNV			
2	501315		TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	04/02/1999	SPNV	KHXHNV			
3	501316		TRẦN THỊ PHƯƠNG	30/12/1999	SPNV	KHXHNV			
4	501317		NGUYỄN THÚY QUỲNH	12/02/1999	SPNV	KHXHNV			
5	501318		TRẦN TIẾN SƠN	19/01/1998	SPNV	KHXHNV			
6	501319		NGUYỄN THỊ THẨM	15/04/1999	SPNV	KHXHNV			
7	501320		ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	27/09/1999	SPNV	KHXHNV			
8	501321		TRẦN THỊ THOA	09/03/1997	SPNV	KHXHNV			
9	501322		NGUYỄN HÀ THU	04/11/1999	SPNV	KHXHNV			
10	501323		HOÀNG GIA THUẬN	03/10/1999	SPNV	KHXHNV			
11	501324		BÙI THU THỦY	05/03/1999	SPNV	KHXHNV			
12	501325		NGUYỄN THANH THỦY	20/10/1999	SPNV	KHXHNV			
13	501326		TẶNG THỊ THỦY	12/03/1999	SPNV	KHXHNV			
14	501327		LIU QUỲNH TRANG	30/01/1999	SPNV	KHXHNV			
15	501328		KHUẤT THỊ HÀ TRANG	16/09/1999	SPNV	KHXHNV			
16	501329		NGUYEN THỊ HUYEN TRANG	04/10/1999	SPNV	KHXHNV			
17	501330		VŨ THỊ QUỲNH TRANG	14/11/1999	SPNV	KHXHNV			
18	501331		MÃN THỊ KIỀU TRANG	06/10/1999	SPNV	KHXHNV			
19	501332		BÙI VIẾT TRƯỜNG	09/06/1998	SPNV	KHXHNV			
20	501333		HOÀNG THU VÂN	31/07/1999	SPNV	KHXHNV			
21	501334		LÊ THỊ XUÂN	24/08/1999	SPNV	KHXHNV			
22	501335		NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	31/12/1998	SPNV	KHXHNV			
23	600036	17031558	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	20/09/1998	TLH	KHXHNV			
24	600037	17031781	PHẠM ĐÌNH LINH	29/07/1999	TH	KHXHNV			
25	600038	17031808	NGUYỄN THÚY QUỲNH	04/10/1999	TH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 84-804 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	600039	17031812	ĐỖ KIÊN THÀNH	28/09/1999	TH	KHXHNV			
2	600040	17031818	TRẦN THỊ TRANG	12/01/1999	TH	KHXHNV			
3	600041	17031827	TÔ TƯỜNG VI	17/01/1999	TH	KHXHNV			
4	600042	17031835	TRẦN THỊ KIM ANH	20/10/1999	VH	KHXHNV			
5	600043	17031837	TRẦN NGỌC ÁNH	29/09/1999	VH	KHXHNV			
6	600044	17031867	ĐÌNH THỊ THU HUYỀN	25/08/1999	VH	KHXHNV			
7	600045	17031903	HOÀNG KIM SƠN	21/01/1999	VH	KHXHNV			
8	600046	17031910	TRẦN THỊ THƯ	27/05/1999	VH	KHXHNV			
9	600047	17031947	TRẦN THỊ THANH HẰNG	07/09/1999	VNH	KHXHNV			
10	600048	17031962	VŨ THỊ THÚY NGA	14/11/1999	VNH	KHXHNV			
11	600049	17032001	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	26/04/1999	VNH	KHXHNV			
12	600050	17032038	BÙI THỊ HƯƠNG	28/10/1999	XHH	KHXHNV			
13	600051	17032072	NGUYỄN CẨM THU	12/08/1999	XHH	KHXHNV			
14	600052	17032338	Nguyễn Thế Quân	05/02/1999	TH	KHXHNV			
15	600053	17032339	Bùi Đình Quang	18/09/1999	TH	KHXHNV			
16	600054	17032345	Vũ Nguyễn Nguyên Trung	02/06/1999	TH	KHXHNV			
17	600055	17032348	Trần Thanh Tùng	17/01/1999	TH	KHXHNV			
18	600056	17032349	Trần Cao Tường	07/12/1998	TH	KHXHNV			
19	600057	17032352	Trần Thị Như Ý	24/01/1999	TH	KHXHNV			
20	600058	17032354	Vũ Hoàng Yến	27/12/1999	TH	KHXHNV			
21	600059	17032357	Nguyễn Thị Ngọc Anh	13/12/1999	VH	KHXHNV			
22	600060	17032358	Nguyễn Thị Biên	23/11/1999	VH	KHXHNV			
23	600061	17032360	Nguyễn Thành Đạt	25/10/1999	VH	KHXHNV			
24	600062	17032363	Nguyễn Thị Duyên	19/02/1999	VH	KHXHNV			
25	600063	17032366	Bùi Thị Thúy Hoa	08/10/1998	VH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 85-806 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	600064	17032369	Nguyễn Thị Kim Liên	08/03/1999	VH	KHXHNV			
2	600065	17032373	Nguyễn Thanh Loan	06/09/1999	VH	KHXHNV			
3	600066	17032374	Trần Văn Long	02/09/1999	VH	KHXHNV			
4	600067	17032375	Phạm Thị Hồng Minh	14/10/1999	VH	KHXHNV			
5	600068	17032378	Phan Hồng Ngọc	02/05/1999	VH	KHXHNV			
6	600069	17032381	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/12/1999	VH	KHXHNV			
7	600070	17032383	Quách Thị Phương	13/03/1999	VH	KHXHNV			
8	600071	17032384	Nguyễn Thị Sen	26/12/1999	VH	KHXHNV			
9	600072	17032391	Trần Thị Ngọc Thuận	15/05/1999	VH	KHXHNV			
10	600073	17032394	Nguyễn Thị Huyền Trang	04/12/1999	VH	KHXHNV			
11	600074	17032399	Doãn Thị Quỳnh Anh	27/05/1999	XHH	KHXHNV			
12	600075	17032400	Lê Đức Anh	04/10/1999	XHH	KHXHNV			
13	600076	17032404	Vũ Bích Anh	02/11/1999	XHH	KHXHNV			
14	600077	17032408	Bùi Thị Chuyền	27/05/1999	XHH	KHXHNV			
15	600078	17032410	Trương Thị Thúy Diễm	23/03/1999	XHH	KHXHNV			
16	600079	17032411	Ngô Thị Hương Dương	16/01/1999	XHH	KHXHNV			
17	600080	17032420	Nguyễn Thị Thanh Hoa	22/08/1999	XHH	KHXHNV			
18	600081	17032421	Vũ Thị Hoa	11/02/1999	XHH	KHXHNV			
19	600082	17032422	Vương Thị Mai Hoa	29/03/1999	XHH	KHXHNV			
20	600083	17032423	Nguyễn Văn Hoàng	27/08/1998	XHH	KHXHNV			
21	600084	17032425	Nguyễn Thị Minh Huệ	05/02/1999	XHH	KHXHNV			
22	600085	17032426	Hà Thị Huyền	23/03/1999	XHH	KHXHNV			
23	600086	17032428	Nguyễn Thị Liên	25/08/1999	XHH	KHXHNV			
24	600087	17032431	Nguyễn Thị Ngọc Mai	15/08/1999	XHH	KHXHNV			
25	600088	17032433	Lê Thị Hà My	11/11/1999	XHH	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Phòng thi: 86-807 GD A2; Ca thi: 02 ngày 26/8/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Ghi chú
1	600089	17032435	Nguyễn Xuân Nam	01/02/1998	XHH	KHXHNV			
2	600090	17032436	Lô Thị Phương Như	27/05/1999	XHH	KHXHNV			
3	600091	17032440	Trần Thị Phương Thảo	26/08/1999	XHH	KHXHNV			
4	600092	17032442	Nguyễn Thị Thông	01/08/1999	XHH	KHXHNV			
5	600093	17032444	Đỗ Thị Phương Thúy	02/10/1999	XHH	KHXHNV			
6	600094	17032445	Phùng Thị Thanh Thúy	13/09/1999	XHH	KHXHNV			
7	600095	17032446	Lê Thị Thu Trang	20/10/1999	XHH	KHXHNV			
8	600096	17032447	Lưu Huyền Trang	18/10/1999	XHH	KHXHNV			
9	600097	17032449	Trần Thị Hiền Trang	11/07/1999	XHH	KHXHNV			
10	600098	17032453	Phạm Thị Tươi	22/09/1999	XHH	KHXHNV			
11	600099	17032454	Nguyễn Thị Tuyết	15/04/1999	XHH	KHXHNV			
12	600100	17032455	Ninh Thị Xuân	31/10/1999	XHH	KHXHNV			
13	600101		TRẦN HOÀNG HẢI ANH	29/09/1999	SPLS	KHXHNV			
14	600102		ĐINH QUỲNH HƯƠNG	07/10/1999	SPLS	KHXHNV			
15	600103		PHÙNG THỊ LỆ	21/06/1999	SPLS	KHXHNV			
16	600104		MAI THỊ ÁNH TƯƠI	10/01/1999	SPLS	KHXHNV			
17	600105		NGUYEN TRAN HUONG GIANG	01/09/1999	SPNV	KHXHNV			
18	600106		HOÀNG THỊ HẠNH	20/05/1999	SPNV	KHXHNV			
19	600107		TẠ THÙY LINH	05/03/1999	SPNV	KHXHNV			
20	600108		TRỊNH THÙY LINH	01/08/1999	SPNV	KHXHNV			
21	600109		VŨ THỊ HỒNG NGỌC	08/08/1999	SPNV	KHXHNV			
22	600110		TRẦN THỊ UYÊN	17/02/1999	SPNV	KHXHNV			
23	600111		VŨ HẢI YẾN	03/11/1999	SPNV	KHXHNV			
24	600112		Kim Thị Hoài	02/04/1988	SPNV	KHXHNV			
25	600113		HOÀNG THỊ BÈN	21/11/1998	SPNV	KHXHNV			

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI